



TỔNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ
TỔNG
HỢP DẦU
KHÍ

Digitally signed
by TỔNG CÔNG
TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG
HỢP DẦU KHÍ
Date:
2021.04.12
13:32:30 +07'00'



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà Petrovietnam, số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028.3911.7777 - Fax: 028.3911.6789

Website: www.petrosetco.com.vn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2020**

"Kết nối TÂM LỰC - Bền vững TƯƠNG LAI"

MỤC LỤC

05	THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	39	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2020
07	THÔNG TIN CHUNG	45	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 2020
09	LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	65	BÁO CÁO QUẢN TRỊ
15	CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2020	78	TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
19	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN TRỊ	79	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2020
33	CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN		

TÂM NHÌN

Trở thành sự lựa chọn số 1 tại Việt Nam trong lĩnh vực phân phối, thương mại và dịch vụ.

SỨ MỆNH

Tiên phong trong mọi hành động để cung cấp chất lượng dịch vụ vượt trội và đảm bảo lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác, các Cổ đông và người lao động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Quyết liệt

Máu lửa, quyết tâm theo đuổi mục tiêu đến cùng; Sẵn sàng đón nhận thử thách; Chủ động, sáng tạo trong tìm giải pháp để thực hiện công việc.

Chuyên nghiệp

Luôn duy trì sự chuyên nghiệp trong mọi công việc, thực hiện công việc có kế hoạch với kỹ năng tốt đặc biệt là trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng, dịch vụ khách hàng tốt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Nhân văn

Xây dựng môi trường Petrosetco có tri thức, văn hóa, văn minh, hướng thiện; Quan tâm với quyền lợi của người lao động, đảm bảo sự công bằng trong tổ chức, nỗ lực đóng góp cho cộng đồng.

Hiệu quả

Hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ; Có giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng, đối tác và đội ngũ; Luôn đảm bảo hiệu quả tối ưu cho các Cổ đông và tổ chức.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa quý Cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên!

Kinh tế thế giới năm 2020 trải qua cuộc khủng hoảng kép về y tế và kinh tế khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng chưa từng có trong lịch sử, đến hết năm 2020 đã có gần 83 triệu người bị nhiễm và hơn 1,8 triệu người tử vong. Đại dịch Covid-19 là cú sốc, là tác nhân lớn nhất đẩy kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu và phải mất một thời gian dài mới khắc phục được. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu kép “vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội”. Bức tranh kinh tế năm 2020 ghi nhận nhiều điểm sáng, được cộng đồng trong nước và quốc tế ghi nhận. Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 đạt 2,91%, tuy là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, nhưng là mức tăng trưởng dương và thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO), cũng không tránh khỏi khó khăn do tác động kép từ Đại dịch Covid-19 bùng phát và giá dầu giảm sâu tuy nhiên với nỗ lực vượt khó và trong thách thức vẫn tìm ra cơ hội nên khép lại năm 2020, kết quả đều vượt mức kế hoạch đề ra ngay từ đầu năm:

- Doanh thu thực hiện đạt 13.453 tỷ đồng, vượt 48% kế hoạch đề ra, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 206,9 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch đề ra và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Điểm sáng trong năm 2020, có thể kể tới là ở mảng phân phối điện tử - Petrosetco đã trở thành nhà phân phối ủy quyền của Apple tại thị trường Việt Nam vào cuối tháng 6/2020. Sau 07 tháng triển khai, Petrosetco đã khẳng định được năng lực và uy tín trong việc phân phối các sản phẩm từ Apple với doanh số trên 100.000 điện thoại Iphone và các sản phẩm Apple khác, doanh thu từ ngành hàng này đạt trên 1.600 tỷ đồng, đóng góp tỷ trọng 16% trong cơ cấu doanh thu của nhóm ngành điện tử, góp phần vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của Petrosetco. Bên cạnh đó, với chiến lược phát triển dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí, nắm bắt được xu thế và cơ hội - trong năm 2020 Petrosetco đã mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp - với quy mô nhà máy lên đến 32 ha với đầy đủ năng lực và chức năng cung cấp dịch vụ về thu gom, tái chế và xử lý chất thải và đặc biệt là chất thải nguy hại, phân phối phân bón hữu cơ Humate USA, các thiết bị y tế và thiết bị gia dụng khác.vv...

Đối với mảng dịch vụ trong ngành Dầu khí, do giá dầu vẫn ở mức thấp nên các dự án khai thác dầu khí mới tại Việt Nam không được triển khai...ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của mảng dịch vụ Catering, Logistic trong ngành Dầu khí của PETROSETCO.

Nhận thức được những khó khăn trong hoạt động kinh doanh, với tinh thần **“Đương đầu với thử thách – Nắm bắt cơ hội, Quyết liệt thay đổi – Dẫn lối thành công”**, Hội đồng quản trị PETROSETCO xác định cần tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hoàn thành những mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra với những chiến lược và cải cách triệt để về nguồn lực nội tại, cụ thể:

- Đối với mảng dịch vụ phân phối: bên cạnh những chiến lược như mở rộng ngành hàng, tìm thêm sản phẩm mới, lĩnh vực phân phối mới, thì kết nối và hợp tác đóng vai trò quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Petrosetco, khi những công nghệ mới liên tục xuất hiện trên thị trường, hợp tác là điều cần thiết để nắm giữ được vị thế cạnh tranh trong kỷ nguyên công nghệ.
- Đối với mảng kinh doanh dịch vụ: Nâng cao năng lực cung cấp, năng lực cạnh tranh để đẩy mạnh phát triển ra ngoài ngành. Đặc biệt, chú trọng công tác marketing, tìm kiếm khách hàng mới. Phát triển thêm các dịch vụ có liên quan để hoàn thiện chuỗi dịch vụ và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Trong công tác quản lý: thực hiện rà soát cơ cấu quản lý, cắt giảm nhân sự, tiết giảm chi phí hoạt động nhằm nâng cao năng suất lao động.

Bước sang năm 2021, Dịch bệnh Covid -19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp ở nhiều nước trên thế giới, nền kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo vẫn tăng trưởng chậm do các nước tiếp tục triển khai nhiều biện pháp phòng chống dịch như đóng cửa đường bay, cách ly xã hội. Bên cạnh đó, giá dầu vẫn chưa thật sự ổn định sẽ tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến những mảng dịch vụ trong ngành Dầu khí của PETROSETCO. Trước những thách thức đó trong ngôi nhà chung PETROSETCO vẫn luôn có một đội ngũ người lao động bản lĩnh cùng đồng tâm hiệp lực, kể vai sát cánh và chưa bao giờ từ bỏ ý chí vươn lên trong khó khăn. Ban lãnh đạo PETROSETCO cùng toàn thể 2.686 CBNV đã, đang và sẽ không ngừng chủ động đưa ra những giải pháp phòng chống dịch bệnh Covid 19 hiệu quả, nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho Khách hàng và Người lao động Petrosetco, đồng thời kiên định với những chiến lược SXKD đã đề ra trong dài hạn, quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội và sự thay đổi của thị trường để vận dụng cho phù hợp với tình hình mới cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; tiếp tục xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư và hàng triệu khách hàng đã tin tưởng, đồng hành cùng PETROSETCO trong suốt thời gian qua.

Thay mặt cho Hội Đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các khách hàng, sự tin nhiệm của Quý Cổ đông cũng như của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhân đây tôi đặc biệt gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban điều hành và toàn thể các cấp quản lý, tập thể nhân viên PETROSETCO đã nỗ lực, cống hiến trong năm 2020. Khát khao và hy vọng lớn nhất của tôi tại thời điểm này là chúng ta sẽ không quản ngại khó khăn để cùng nhau chung tay xây dựng niềm tin, xây dựng PETROSETCO ngày càng vững mạnh.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty


Phùng Tuấn Hà



GIỚI THIỆU PETROSETCO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ (PETROSETCO)

Tên giao dịch:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: PetroVietnam General Services J.S. Corporation
- Tên viết tắt: PETROSETCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300452060

- Đăng ký lần đầu: Ngày 29 tháng 09 năm 2006
- Đăng ký thay đổi lần thứ 18: Ngày 23 tháng 05 năm 2016

Vốn điều lệ: - 866.001.240.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi sáu tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng.)

Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại: (84.28) 3911 7777

Số fax: (84.28) 3911 6789

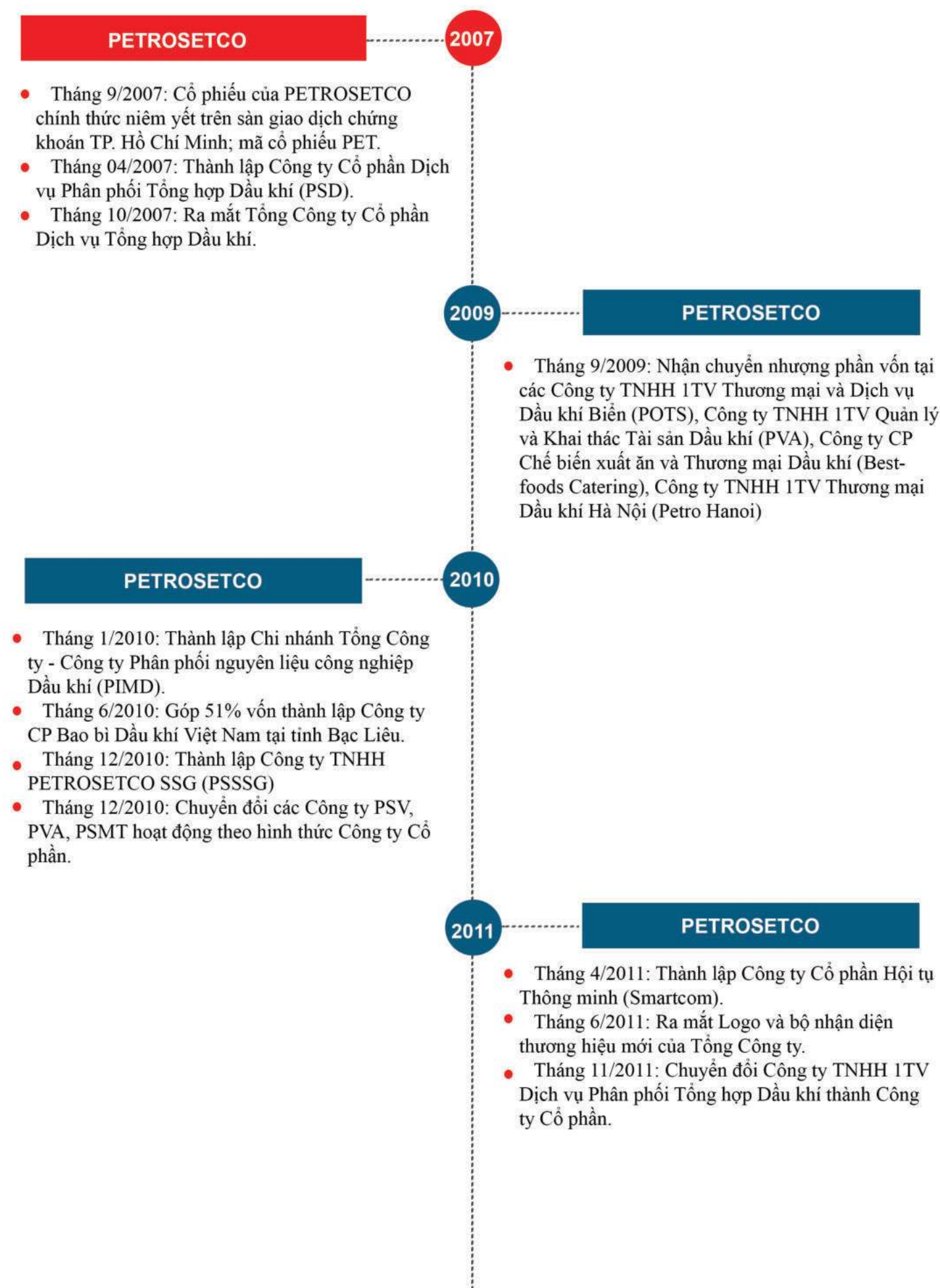
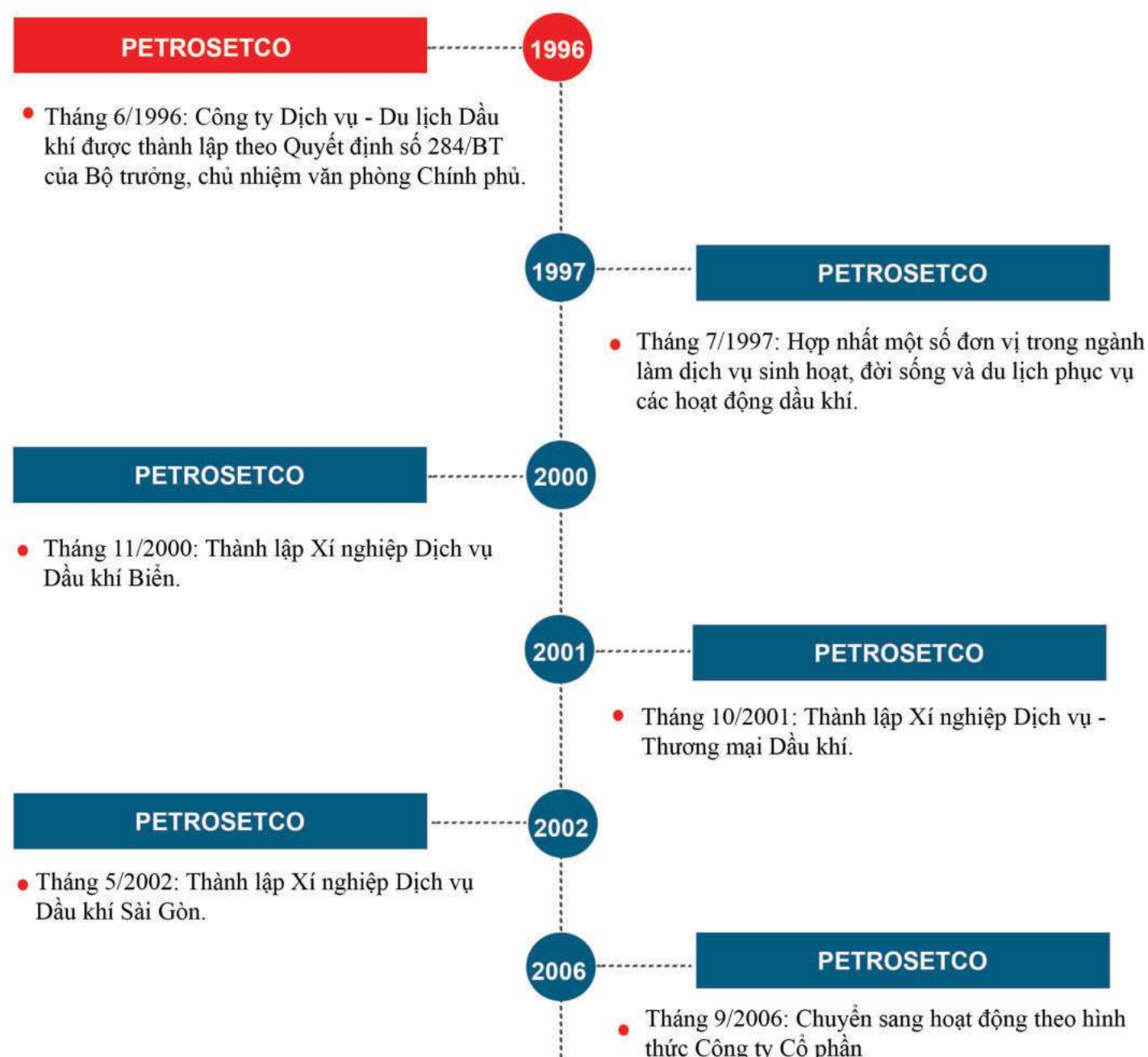
Website: www.petrosetco.com.vn

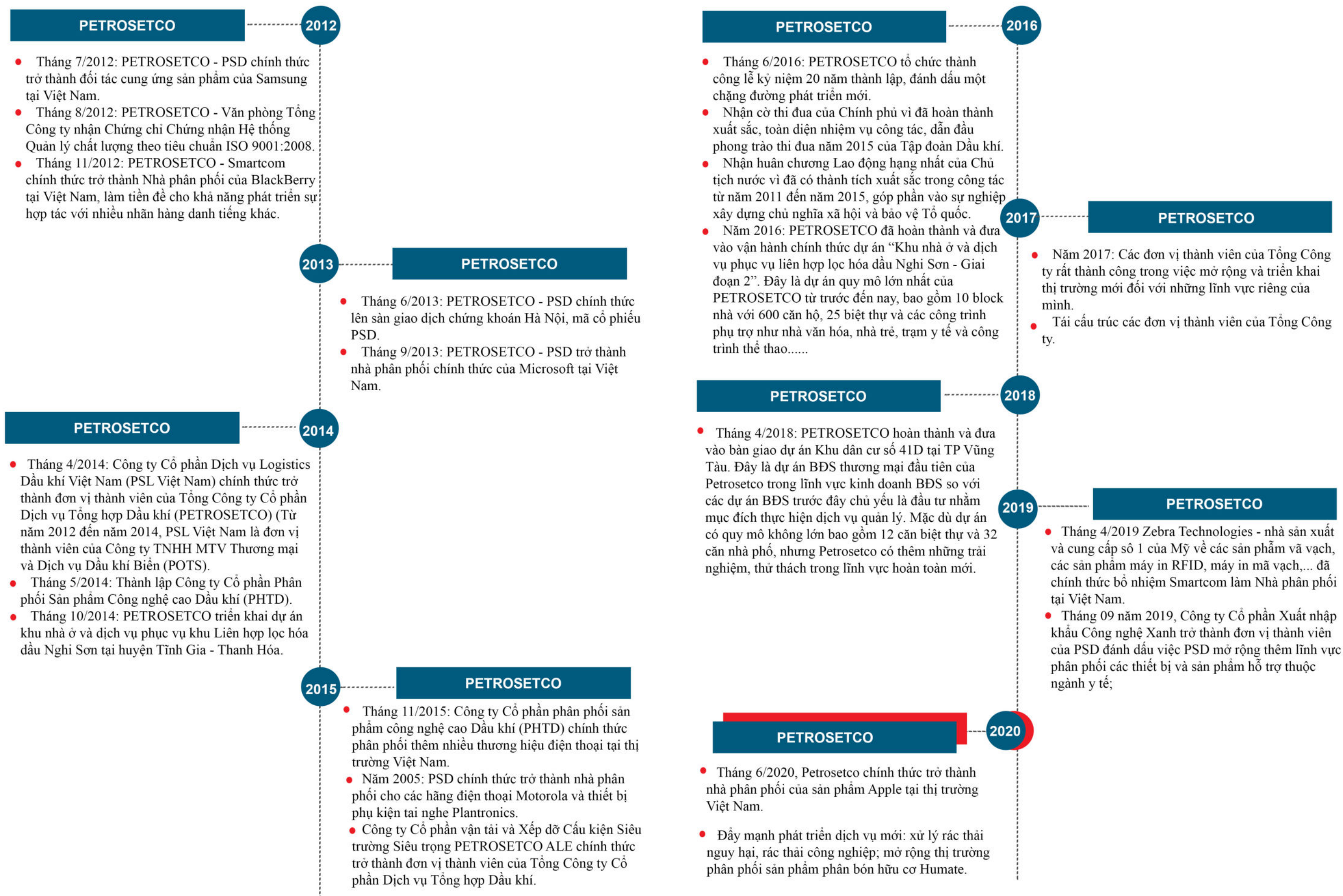
Mã cổ phiếu: PET





LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN





I. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Phân phối sản phẩm CNTT, điện gia dụng và y tế

PETROSETCO hiện có ba đơn vị thành viên và một Công ty con gián tiếp đang thực hiện mảng kinh doanh sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin và các sản phẩm điện máy, điện lạnh là: Công ty CP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD); Công ty CP Hội Tụ Thông Minh (Smartcom); Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD) và Công ty con của PSD là Công ty cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh (BMD). Các sản phẩm về thiết bị hỗ trợ ngành y tế do Công ty Cổ phần XNK Công nghệ xanh thực hiện (là công ty mà PSD có góp 50% vốn cổ phần.)

Hiện PETROSETCO đang phân phối các sản phẩm điện thoại di động như Apple, Samsung, Blackberry, ITEL...; các sản phẩm công nghệ thông tin như máy tính xách tay các thương hiệu Apple, Dell, Lenovo, Asus, Acer... phụ kiện máy tính của các thương hiệu như Dell, Lenovo, Asus, Cyber Power... máy tính bảng của các hãng Apple, Samsung, Lenovo,... sản phẩm công nghệ cao như khoá cửa thông minh Smart Doorlock Samsung, các sản phẩm điện máy điện lạnh mang các thương hiệu như Whirlpool, Candy, Cuchen và Pensonic. Các sản phẩm về thiết bị y tế như: các thiết bị vật tư y tế tiêu hao; các sản phẩm điều trị và theo dõi bệnh đái tháo đường, tim mạch; phân phối vật tư thiết bị ngành Nha khoa và Implant...

Phân phối sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí

Mảng kinh doanh này được giao cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung (PSMT) thực hiện. Các sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí do Petrosetco phân phối bao gồm: hạt nhựa Polypropylen (PP), khí hóa lỏng (LPG). Petrosetco đảm nhận việc bao tiêu các sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến dầu khí như LPG, PP của nhà máy lọc dầu Dung Quất với sản lượng 37.5 ngàn tấn PP và 28 ngàn tấn LPG/năm 2019. PSMT cũng thực hiện hoạt động chiết nạp bình gas để cung cấp sản phẩm bình gas mang thương hiệu PET-GAS tại thị trường Quảng Ngãi và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên với 2 trạm chiết nạp Tịnh Phong (Quảng Ngãi) và Cam Ranh (Nha Trang), trong tháng 4/2019 PSMT đã chính thức mở rộng thị trường gas bình ra khu vực Miền Tây.

Năm 2020, Petrosetco cũng mở rộng thêm 2 ngành dịch vụ: Dịch vụ phân phối phân bón hữu cơ Humate và Dịch vụ Giải pháp điện lạnh cho các dự án.

II. DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN DẦU KHÍ

Cung ứng vật tư thiết bị

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) là đơn vị thực hiện mảng kinh doanh này, chủ yếu hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. POTS đã và đang làm dịch vụ Đại lý cho các Nhà sản xuất lớn trên thế giới về vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí như: ống chống, cần khoan, bơm, van các loại... Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt và bảo trì bảo dưỡng hệ thống thiết bị cho các Công ty, Nhà thầu Dầu khí và các công ty hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến Dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam như Vietsovpetro, NSRP, JVPC, PTSC...

Dịch vụ hậu cần dầu khí

Dịch vụ Logistics: Dịch vụ này được giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) thực hiện. Trong năm 2019, Petrosetco thực hiện tốt các dịch vụ hậu cần như thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục xuất nhập cảnh đối ca, vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải siêu trường siêu trọng (hàng quá khổ quá tải) cho các khách hàng trong và ngoài ngành. Đơn vị đang thực hiện hợp đồng với các nhà thầu chính như Talisman, Biển Đông, Murphy oil, Petronas Over Sea, Cuu Long JOC, HLHV, PTSC, PVTrans, PVDrilling, PVFCCo, Gas Shipping... Trong tình hình khó khăn chung của ngành Dầu khí, đơn vị đã mở rộng ra một số khách hàng ngoài ngành như Vard, Kim Hoàng Ngân, Ngọc Quyết Thắng, Biomass và các khách hàng nhỏ lẻ khác...

Dịch vụ vận chuyển: Dịch vụ vận tải đường bộ do Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) thực hiện. Kết thúc năm 2019, PSA có 73 xe ô tô đời mới cùng đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, Tổng Công ty đảm bảo phục vụ tốt và ổn định việc đi lại công tác của cán bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội cũng như TP. HCM. Ngoài ra, Tổng Công ty còn cung cấp dịch vụ vận chuyển cho các nhà thầu dầu khí nhằm gia tăng các dịch vụ và tiện ích cho khách hàng.

Dịch vụ lao động: Trong năm 2019, Petrosetco phát triển mạnh mẽ cung cấp dịch vụ quản lý chuyên gia cao cấp, bao gồm chuyên gia Việt Nam, chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực: Khoan, Dự án, Khai thác dầu khí. Ngoài ra, dịch vụ cung ứng lao động văn phòng, lao động ở các ngành nghề cũng được nhiều khách hàng quan tâm ủng hộ. Mảng dịch vụ này hiện giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) liên doanh với công ty ORIENT thực hiện. Các khách hàng PSL đang triển khai dịch vụ cung cấp nhân sự, ký hợp đồng khung như: Phú Quốc POC, Rosneft BV VIỆT NAM, Wood Kenny, PV Gas Đồng Nai ... và một số hợp đồng với các đối tác như NOC, Clean Marine, Tây Nam...

III. DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG (CATERING)

Đây là mảng dịch vụ truyền thống của Tổng công ty do hai đơn vị thực hiện là Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA). Hiện nay Tổng Công ty đang cung cấp dịch vụ cho trên 50 công trình trong và ngoài ngành dầu khí cho các khách hàng phân bố trải dài trên khắp các tỉnh thành như Vietsovpetro, Biển Đông POC, Cửu Long JOC, JVPC, MODEC, PVEP, PTSC, PVTRANS, BSR,... Ngoài ra, Tổng Công ty còn cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho gần 50 tàu các loại, thuộc đội tàu dịch vụ của VSP, PTSC, PV Trans, JDC (Hakuryu 5, Hakuryu 11) và tàu dịch vụ nước ngoài.

Thị phần dịch vụ Catering của PETROSETCO trong ngành dầu khí hiện chiếm khoảng 95%. Ngoài ra, trong thời gian qua, PETROSETCO đã mở rộng cung cấp dịch vụ đời sống, suất ăn cho nhiều ngành, nhiều đơn vị khác nhau như: các chuỗi trường học FPT, Ischool, chuỗi nhà máy thép Hòa Phát, khu công nghiệp Phú Mỹ, các cảng Cái Mép, các nhà máy lọc dầu như Dung Quất, Nghi Sơn, các công ty như Vinamilk...

IV. DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mảng dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản được giao cho các đơn vị là PSA, POTS và PSV thực hiện với các dịch vụ chính là cho thuê văn phòng, quản lý vận hành và khai thác các tòa nhà.

Khách hàng chính của mảng dịch vụ này chủ yếu là trong Ngành bao gồm Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Tổng Công ty thành viên của Tập đoàn như PVEP, PVGas, PVCombank, Viện Dầu khí (VPI)... Trong chiến lược phát triển, PETROSETCO sẽ tận dụng ưu thế về kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực này để tham gia quản lý và khai thác các tòa nhà, khách sạn, trung tâm thương mại ngoài ngành dầu khí nhằm từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu PETROSETCO trong lĩnh vực này.

Năm 2019, PETROSETCO tiếp tục mở rộng ra ngoài ngành và được nhiều khách hàng đón nhận như các trường đại học, hệ thống các ngân hàng, các khu dân cư, khu đô thị, các cơ quan hành chính sự nghiệp như: Tòa nhà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Tòa nhà HUD Tower tại Hà Nội, Tòa nhà Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Nội, HCM, Vũng Tàu...

PETROSETCO cũng thực hiện cung cấp dịch vụ cho thuê diện tích, văn phòng, căn hộ, trong đó nổi bật là cung cấp khu nhà ở và dịch vụ cho tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn với hơn 600 căn hộ và biệt thự.

Bên cạnh đó, nhằm đa dạng hóa chuỗi dịch vụ, PETROSETCO đã mở thêm hoạt động cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng kỹ thuật cho các khu dân cư, với khách các hàng như Khu dân cư Vinhomes central park, Vinhomes Bason...

PETROSETCO

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2020

01

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

- Tháng 6 năm 2020, Petrosetco chính thức trở thành nhà phân phối của sản phẩm Apple tại thị trường Việt Nam. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực phân phối, PETROSETCO tự tin làm tươi mới bức tranh kinh doanh các sản phẩm Apple tại thị trường Việt Nam.
- Trong năm 2020, PSD đạt 8000 tỷ doanh thu, là doanh số cao nhất kể từ khi thành lập, qua đó cho thấy sự nỗ lực của PSD trong 1 năm đầy khó khăn thách thức. Trong năm PSD cũng đã đoạt giải thưởng AMD PARTNER AWARD 2020 - Giải thưởng cho nhà phân phối tại khu vực Pacific Asia.
- Được giao nhiệm vụ phân phối Apple mangle iphone, đây cũng là năm đầu tiên PHTD cán mốc doanh thu 1000 tỷ, ghi dấu ấn của PHTD trong việc hợp tác với các đối tác đầy tiềm năng và khó tính nhất trên thị trường hiện nay.
- Năm 2020, Smartcom chính thức ký hợp đồng phân phối sản phẩm Aver tại Việt Nam để cung cấp các giải pháp giáo dục thông minh và các giải pháp hội nghị truyền hình trực tuyến.
- Công ty phân phối Bình minh thuộc PSD chính thức phân phối sản phẩm điện tử gia dụng của 2 LG và Galanz tại Việt Nam..

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN

- Với kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện, POTS tiếp tục đã một lần nữa trúng gói thầu có giá trị lớn gần 70 tỷ đồng để cung cấp vật tư thiết bị cho Trạm biến áp 220 KV An Phước thuộc dự án các công trình điện miền Nam và hợp đồng giá trị hơn 18 tỷ đồng cho dự án BK21 của VietsovPetro.
- Năm 2020, bên cạnh việc duy trì các hợp đồng dịch vụ hiện hữu, liên danh PSL-Orion đã tiếp tục cung cấp chuyên gia cho Dự án phát triển mỏ Nam Du-U Minh, cho ENI Vietnam, và là nhân sự cho dự án mỏ dầu Kèn Bầu, tại thềm lục địa phía Bắc Việt Nam
- Công ty PSL đã đầu tư phát triển đội xe tải với thương hiệu PSL Express để vận chuyển giao hàng nhanh trong nội thị (gồm 11 chiếc với tải trọng từ 500 kg đến 2.3 tấn) và các tuyến kết nối ngắn tới các địa phương.

02

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

03

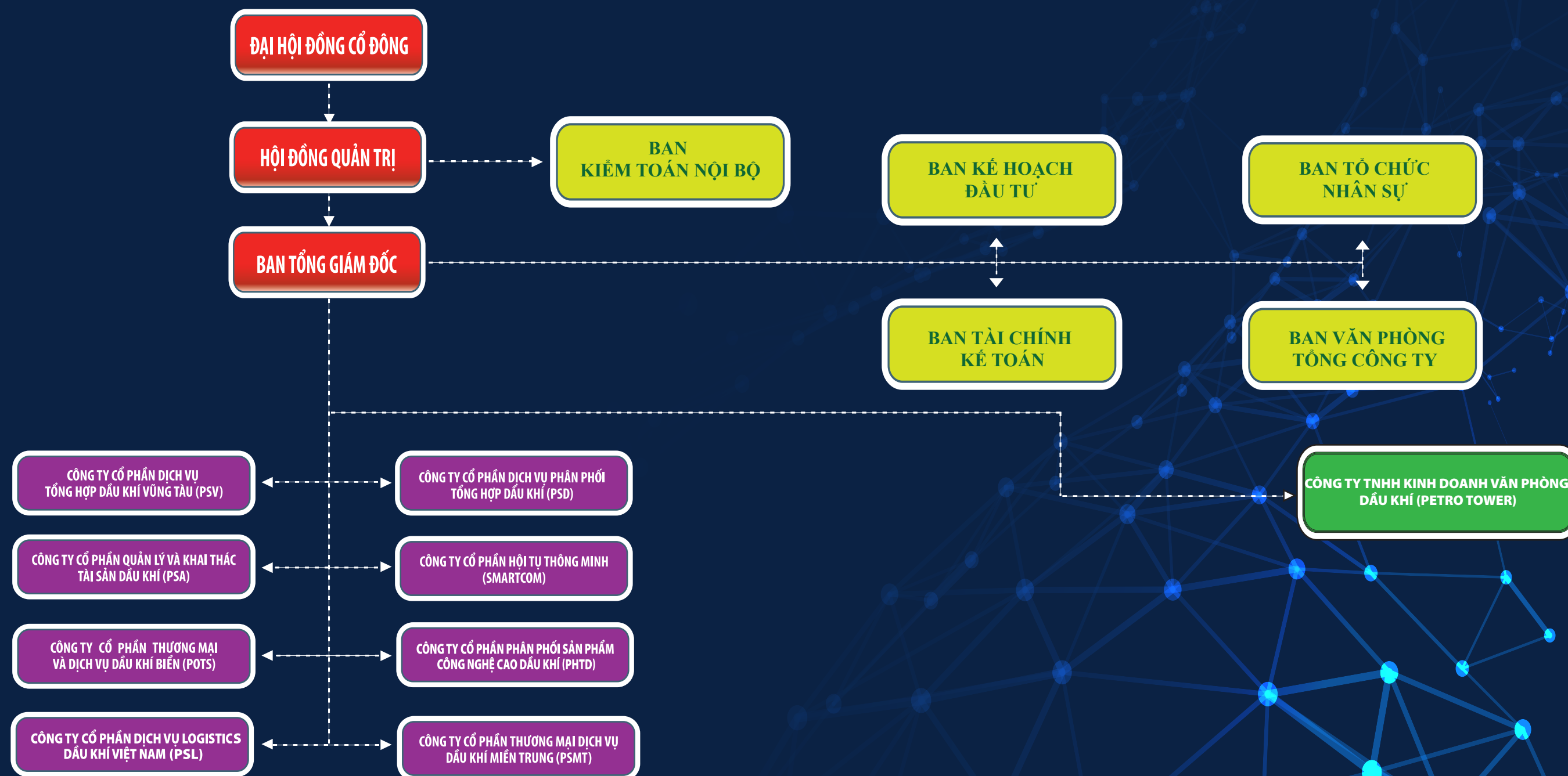
PSV đã ký kết thành công các hợp đồng về Dịch vụ Catering với tổng trị giá 49 tỷ đồng, Dịch vụ cung cấp thực phẩm với trị giá 21 tỷ đồng và Dịch vụ cung cấp lao động và vệ sinh với trị giá 30 tỷ đồng.

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

- Trong năm 2020, PSA đã trúng thầu, thực hiện và cung cấp một số gói dịch vụ quản lý tại các tòa nhà như: Tòa nhà Ngân hàng nhà nước số 8 Võ Văn Kiệt, TP. HCM, Tòa nhà Trung tâm Hành chính TP. Thanh Hóa. Ngoài ra, vượt lên trên 1000 hồ sơ đăng ký và trải qua nhiều vòng đánh giá của Hội đồng Thương hiệu quốc gia, tháng 11/2020, PSA đã lần thứ 3 liên tiếp được công nhận là doanh nghiệp có sản phẩm dịch vụ quản lý bất động sản đạt Thương hiệu quốc gia.
- POTS đã tiếp tục nhận được sự tín nhiệm của khách hàng về chất lượng dịch vụ cũng như tinh thần tận tâm phục vụ, và đã gia hạn thành công các hợp đồng quản lý các tòa nhà thuộc Tập đoàn Dầu khí, PV GAS, Viện Dầu Khí Phía nam, đồng thời mở rộng phạm vi quản lý tại Tòa nhà Betrimex.
- Cũng trong năm 2020, Petrosetco tiếp tục đẩy mạnh các mảng kinh doanh mới: phân phối độc quyền các sản phẩm phân bón hữu cơ Humate USA tại Việt Nam, Phân phối vật tư thiết bị y tế, đồng thời triển khai thêm mảng xử lý rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp, qua đó nhằm để củng cố sự phát triển bền chắc hơn trong thời gian tới.

04





- BAN LÃNH ĐẠO
- ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN PETROSETCO
- CÁC BAN TỔNG CÔNG TY
- ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

TỔNG CÔNG TY PETROSETCO KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT



Ông PHÙNG TUẤN HÀ
CHỦ TỊCH HĐQT

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 29 năm, ông từng giữ các chức vụ: Trưởng chi nhánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí TPHCM, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ năm 2009. Tháng 4 năm 2015 ông được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Petrosetco.

Ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự phát triển của Petrosetco trong những năm qua.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhất năm 2016, Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2007, Huân chương lao động Hạng Ba năm 2002, Bằng khen Thủ tướng chính phủ năm 2013, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2014 và Chiến sỹ thi đua Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn DKVN từ 2013-2019.

Ông VŨ TIẾN DƯƠNG
THÀNH VIÊN

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 25 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, phân phối thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng Ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP
THÀNH VIÊN

Cử nhân Ngữ văn Anh và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Marketing.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, quản trị hành chính, quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012. Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

Bà LÊ THỊ CHIẾN
THÀNH VIÊN

Cử nhân Tài chính Kế toán.

Bà gia nhập ngành Dầu khí năm 1999 có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị tài chính, kế toán. Hiện Bà đang đảm nhiệm vị trí cố vấn cho Ban Kiểm toán nội bộ của Petrosetco.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014. Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam 2013-2018.

Bà VŨ VIỆT ANH
THÀNH VIÊN

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Bà được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí vào tháng 6 năm 2020. Bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng của các Tập đoàn, Công ty lớn tại Việt Nam.



Ông VŨ TIẾN DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 25 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, phân phối thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIẾP
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Ngữ văn Anh và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Marketing.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, quản trị hành chính, quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012. Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

Ông HỒ MINH VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Kinh tế Xây dựng và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 2017, với nền tảng kiến thức vững chắc cùng nhiều năm kinh nghiệm tư vấn chiến lược và đầu tư cho nhiều tập đoàn đa quốc gia như Tập đoàn Big C (Pháp), Lotte (Hàn Quốc), OCHN (Pháp), Tập đoàn Posco (Hàn Quốc), ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Petrosetco từ ngày 11/8/2017.

Ông ĐÀO VĂN ĐẠI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Gia nhập ngành Dầu khí từ 2001 và có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ Dầu khí, đặc biệt trong lĩnh vực Tài chính Kế toán của Tổng Công ty.

Thành tích đạt được: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2012; Bằng khen của Bộ Công thương 2010; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2011.

Ông HUỖNH VĂN NGÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 2009, ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong công tác quản lý dịch vụ đời sống (catering) trên các công trình biển và các dịch vụ trên đất liền.

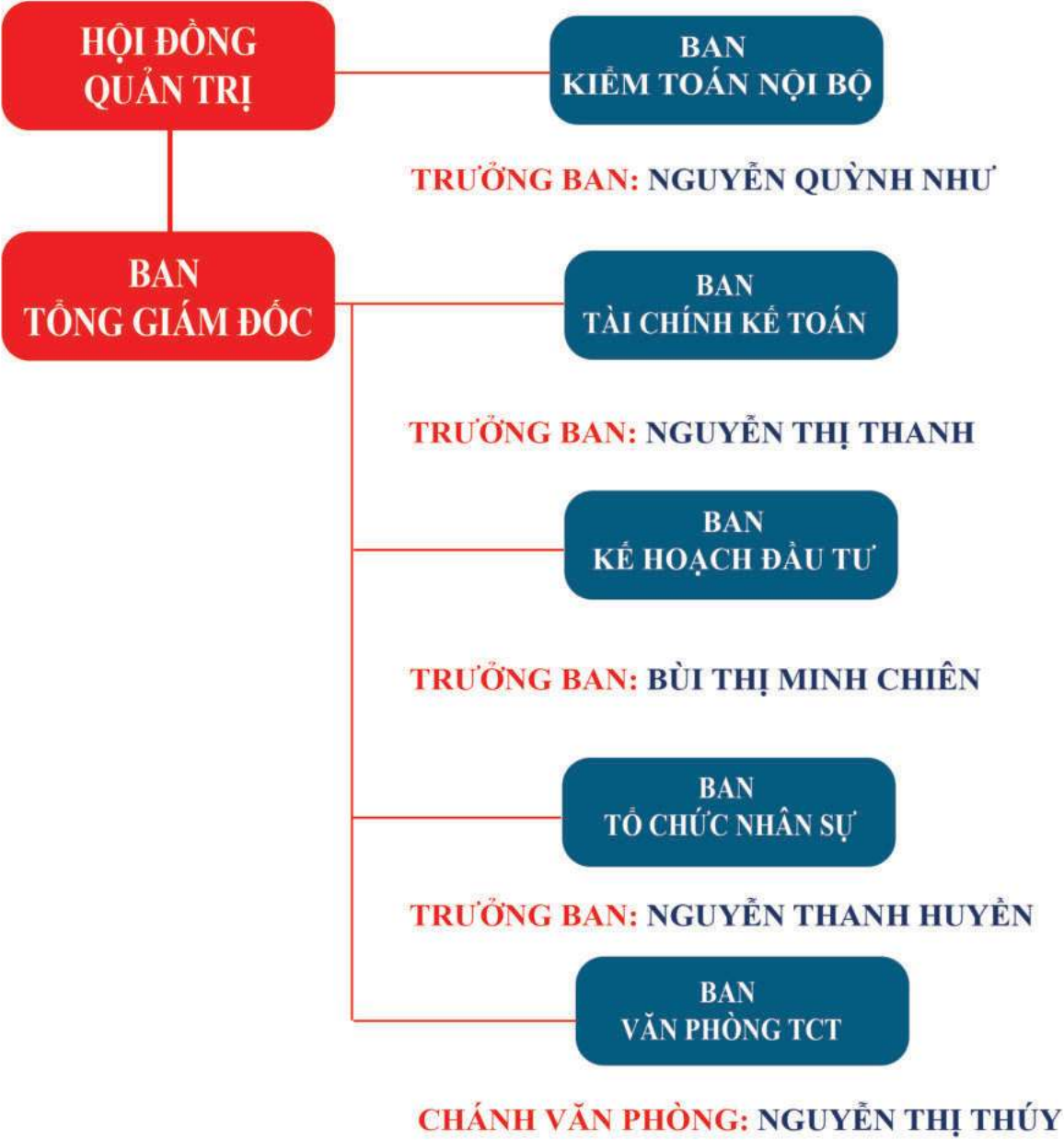
1

Bà NGUYỄN THỊ THANH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cử nhân Kế toán và Cử nhân Ngữ văn Anh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1999, bà có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính kế toán tại đơn vị thành viên theo chuẩn quốc tế. Tháng 5/2017 bà được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Petrosetco.

Thành tích đạt được: Bằng khen Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2018.



CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2020



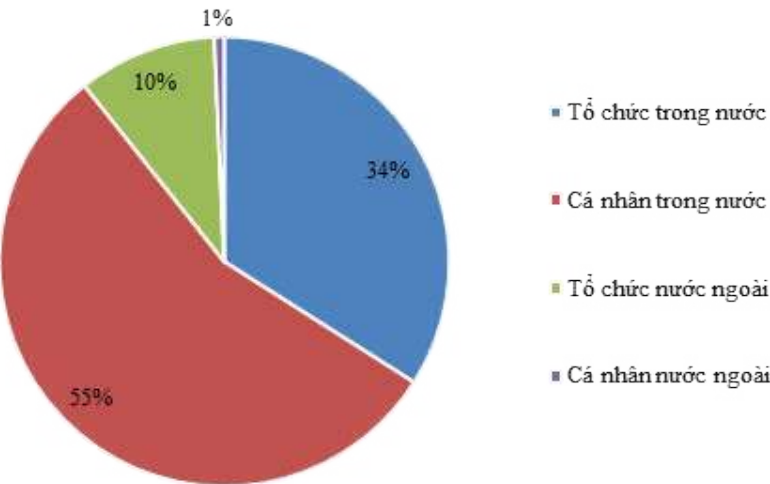
Tên chứng khoán:	Cổ phiếu Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
Mã chứng khoán niêm yết:	PET
Sàn niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HoSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (31/12/2020):	86.600.124 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (31/12/2020):	83.570.524 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (31/12/2020):	3.029.600 cổ phiếu (*)
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2020):	16.500 đồng
Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt:	10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000đ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền:	17/08/2020
Ngày chốt danh sách cổ đông:	18/08/2020
Ngày thực hiện thanh toán:	07/09/2020

(*) Theo nghị quyết HĐQT số 14/NQ-DVTHDK ngày 31/03/2020 và Công văn số 3338/UBCK-QLCB ngày 15/05/2020 của UBCKNN v/v chấp thuận phương án mua lại cổ phiếu quỹ. Tổng Công ty đã thực hiện giao dịch mua 1,439,290 cổ phiếu quỹ trong khoảng thời gian từ 27/05/2020 – 26/06/2020.

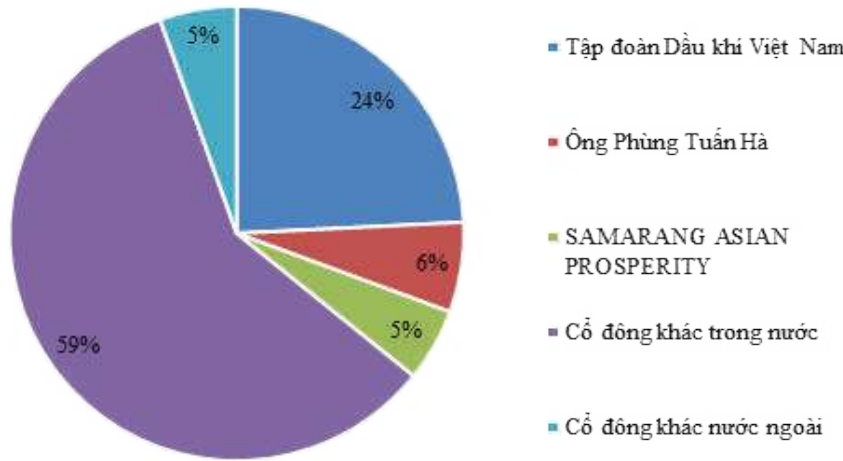
CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông phân theo loại hình/ khu vực



Cơ cấu cổ đông theo đối tượng



(*) Tại ngày 31/12/2020 SAMARANG UCITS – SAMARANG ASIAN PROSPERITY đã bán ra 500.000 cổ phiếu PET để giảm sở hữu từ 5,38% về còn 4,78% vốn điều lệ và chính thức không còn là cổ đông lớn tại PETROSETCO.

CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3. SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Hội đồng quản trị	Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch HĐQT	5,534,989	6.39%
	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGD	301,642	0.35%
	Lê Thị Chiến	UV HĐQT - TV độc lập	150,583	0.18%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm P.TGD	20,000	0.02%
	Vũ Việt Anh	UV HĐQT - TV độc lập	-	0.00%
Ban Tổng Giám đốc	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGD	301,642	0.35%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm P.TGD	20,000	0.02%
	Hồ Minh Việt	Phó TGD	-	0.00%
	Huỳnh Văn Ngân	Phó TGD	-	0.00%
	Đào Văn Đại	Phó TGD	40,000	0.05%
	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán trưởng	2	0.00%
Ban Kiểm toán nội bộ	Nguyễn Quỳnh Như	Trưởng ban KTNB	17,200	0.02%
	Lê Minh Kha	Chuyên viên KTNB	-	0.00%
	Trần Công Luận	Chuyên viên KTNB	-	0.00%
Tổng cộng			6,386,058	7.37%

CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

STT	Cá nhân/ Tổ chức thực hiện giao dịch	Chức vụ người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Ông Phùng Tuấn Hà	CT HĐQT	2,534,989	2.93%	5,534,989	6.39%	Mua 3,000,000 CP
2	Công đoàn Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	Tổ chức Công đoàn TCT	1,828,853	2.11%	1,353,853	1.56%	Giảm 475,000 CP
3	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	P.TGD/ UV HĐQT	100,000	0.12%	20,000	0.02%	Bán 80,000 CP

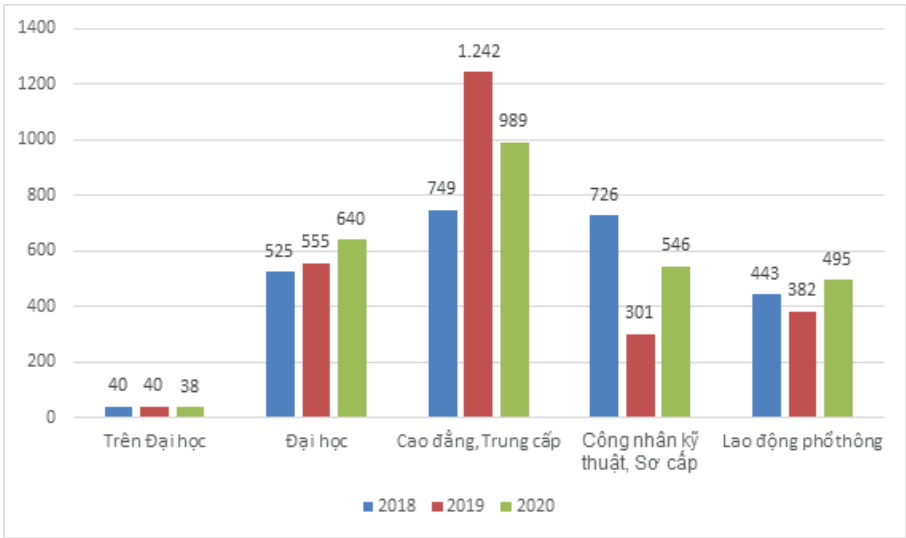
STT	Cá nhân/ Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Người liên quan		Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
			Tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Công Cường	Chồng	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán trưởng	-	0%	1,000	0%	Mua 1,000 CP
2	Bà Phạm Thị Thu Hiền	Em	Phạm Thị Hồng Điệp	P.TGD	2,000	0%	-	0%	Bán 2,000 CP
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Người đại diện là Người nội bộ	Vũ Tiến Dương	Tổng Giám đốc	2,034,411	2.39%	-	0%	Bán 2,034,411 CP

STT	Cá nhân/ Tổ chức thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ngày bắt đầu/ Không còn là CDL	Lý do tăng/ giảm
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ		
1	Ông Phùng Tuấn Hà	2,534,989	2.93%	5,534,989	6.39%	14/09/2020	Mua 3,000,000 CP
2	SAMARANG UCITS - SAMARANG ASIAN PROSPERITY	8,494,768	9.81%	3,994,768	4.78%	31/12/2020	Bán 4,500,000 CP

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

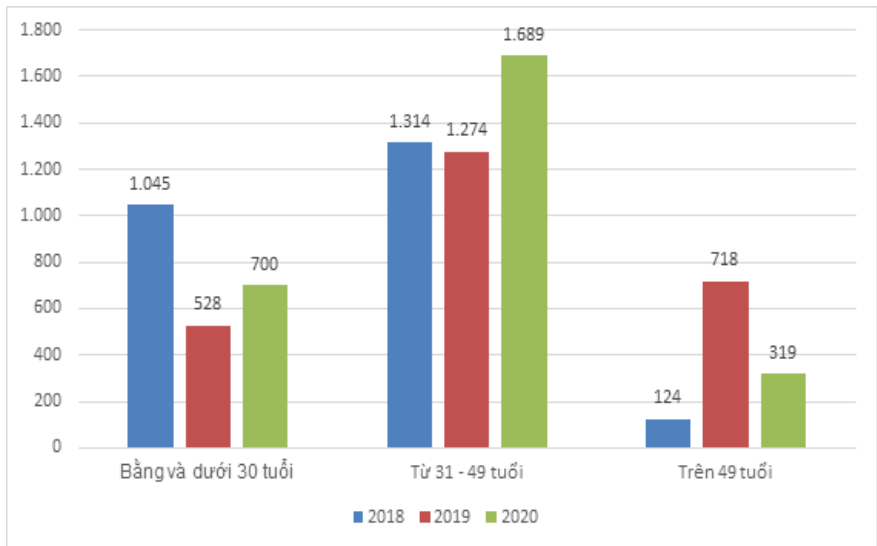
Kết thúc năm 2020, tổng số lao động tại Petrosetco đạt 2.708 lao động, tăng 7,4% so với năm 2019. Dưới đây là cơ cấu nguồn nhân lực được phân bổ trong 03 năm (2018, 2019, 2020) dựa theo các tiêu chí về:

- Trình độ (Biểu đồ 1).
- Độ tuổi (Biểu đồ 2).
- Giới tính (Biểu đồ 3).
- Theo vùng, miền (Biểu đồ 4).



Biểu đồ 1 - Cơ cấu lao động theo trình độ

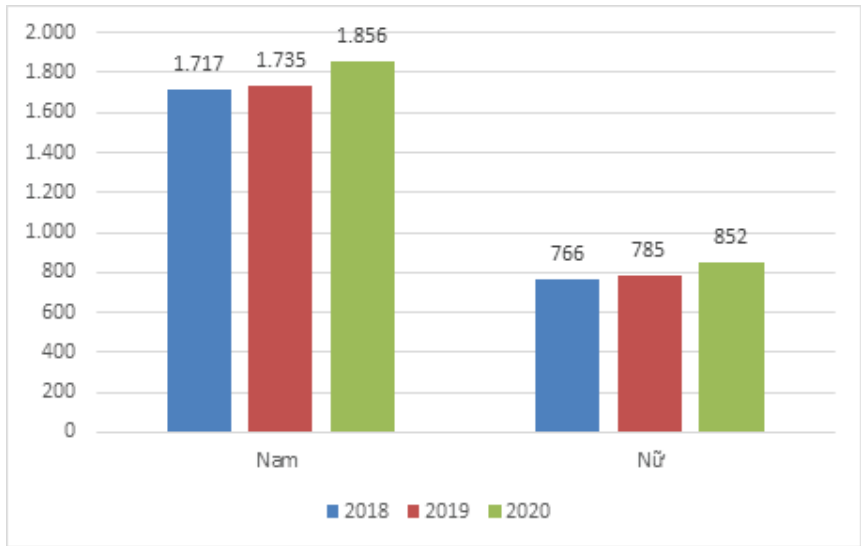
Nhóm lao động có trình độ Đại học chủ yếu là lực lượng lao động gián tiếp, nhân viên văn phòng; trong năm 2020, nhóm lao động này tăng lên 85 người, tương ứng với 1,6% so với năm 2019. Nhóm lao động trực tiếp của Tổng Công ty là nhóm lao động có trình độ CNKT - Sơ cấp và lao động phổ thông lần lượt tăng lên 245 và 113 người, tương ứng với 8,3% và 3,1% so với năm 2019.



Biểu đồ 2 - Cơ cấu lao động theo độ tuổi

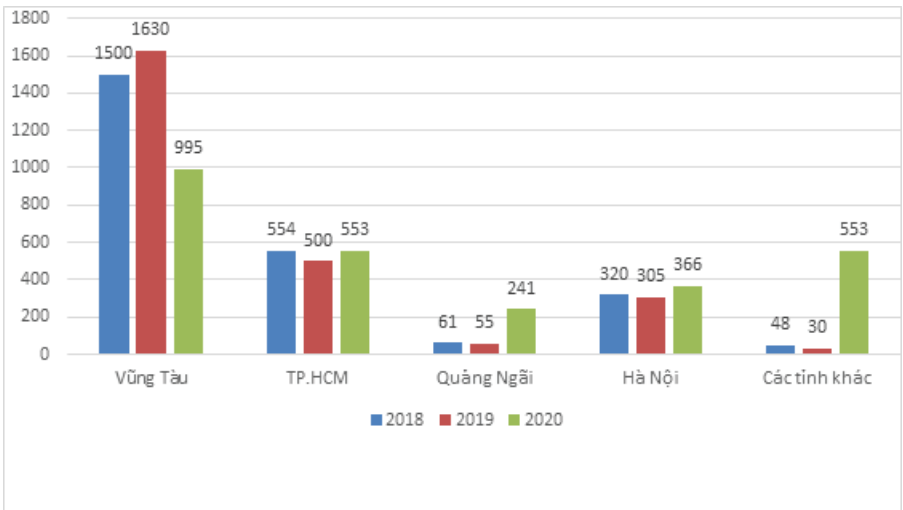
Trong năm 2020, cơ cấu lao động theo độ tuổi đã có sự thay đổi đáng kể. Lao động dưới 30 tuổi tăng lên 172 người, tương ứng với 25,8% tổng số lao động trong Tổng Công ty. Nhóm lao động ở độ tuổi từ 31 đến 49 tuổi tăng lên 415 người, tăng khoảng 12% so với năm 2019. Trong năm 2021, Tổng Công ty cần tiếp tục chú trọng việc đào tạo và phát triển đội ngũ lao động trẻ, bồi dưỡng họ để trở thành lực lượng lao động nòng cốt, tăng sức cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường.

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC



Biểu đồ 3 - Cơ cấu lao động theo giới tính

Tỷ lệ nam nữ có sự chênh lệch lớn. Lao động nam chiếm khoảng 2/3 tổng số lao động trong toàn Tổng Công ty, khoảng gần 70% qua các năm. Tuy nhiên, trong 03 năm vừa qua, tỷ lệ lao động nữ dần có sự thay đổi, tăng khoảng 1% qua từng năm, cân bằng lại cơ cấu lao động theo giới tính của Tổng Công ty.



Biểu đồ 4 - Cơ cấu lao động theo vùng miền

Trong năm 2020, với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, việc duy trì và tiếp tục phát triển đội ngũ nhân lực là một trong những điều hết sức khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty vẫn duy trì việc làm cho người lao động đang làm việc và tiến hành tuyển mới những lao động có tiềm năng; đồng thời, khi tình hình dịch bệnh ổn định, Tổng Công ty cũng đã tổ chức các hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ lao động trẻ, phục vụ cho việc sản xuất - kinh doanh của Tổng Công ty. Trong những năm tiếp theo, với kế hoạch phát triển đội ngũ Giảng viên nội bộ, Tổng Công ty tin rằng hoạt động đào tạo nội bộ sẽ trở thành một trong những điểm sáng của công tác đào tạo. Việc này sẽ giúp xây dựng đội ngũ kế thừa vững mạnh, tạo cơ hội để gắn kết người lao động trong toàn Tổng Công ty; đồng thời, phát triển Tổng Công ty thành một tổ chức học hỏi và đầy nhiệt huyết.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)

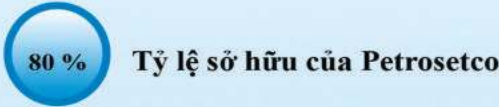


* Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39115578

*Ngành nghề kinh doanh: Phân phối điện thoại di động, máy tính xách tay, máy tính bảng, PC, LCD; Linh phụ kiện các sản phẩm Điện gia dụng; Thiết bị y tế,....

Vốn điều lệ: 213.265.490.000 VND



Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom)



* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39105566

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Chăn, drap gối nệm Lotus.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VND



Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD)



* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, P. Bến Nghé, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39107979

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND



Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển (POTS)



* Phòng 201 - 211, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39106868

* Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị cho các ngành công nghiệp; Cung cấp dịch vụ vận tải, hàng hóa đường bộ, đường thủy; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, các hệ thống xây dựng khác; Cho thuê và điều hành quản lý bất động sản (Văn phòng, mặt bằng nhà xưởng; nhà ở..)

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND



Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)



* Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39104466

* Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND



Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV)



* Số 63, đường 30/4, Phường 9 TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

* Điện thoại: 0254.3833345

* Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành Dầu khí; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Dịch vụ khách sạn; Dịch vụ phục vụ đồ uống, nhà hàng; Dịch vụ nhà ở; Dịch vụ khai thác và quản lý tòa nhà; Dịch vụ sinh công nghiệp; Kinh doanh lương thực, thực phẩm, nhu phẩm yếu, hàng nông sản.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VND



Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)



* Tầng 15, Tòa nhà PVI, Số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

* Điện thoại: 024.37726886

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý, vận hành tòa nhà văn phòng, chung cư; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ vận chuyển; Dịch vụ lễ tân; Dịch vụ lưu trú.

Vốn điều lệ: 74.800.000.000 VND



Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)



* Số 01 An Dương Vương, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

* Điện thoại: 0255.3738738

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí; Bán buôn tơ, xơ sợi dệt; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn nhựa tổng hợp, phân đạm.

Vốn điều lệ: 107.000.000.000 VND



ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí (PETROTOWER)

* Số 08 Hoàng Diệu - Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

* Điện thoại: 0254.3850098

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý và Khai thác Tòa nhà Văn phòng

Vốn điều lệ: 164.040.911.440 VNĐ



Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

* Khu kinh tế Dung Quất, Bình Thuận, Bình Sơn, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

* Điện thoại: 0255.3714180

* Ngành nghề kinh doanh: sản xuất Ethanol từ sắn lát

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ





I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2020

1. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2020

Với kết quả doanh thu hợp nhất đạt 13.453 tỷ đồng, vượt 48% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 206,9 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch cho thấy năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt công việc điều hành hoạt động SXKD theo đúng chỉ đạo của HĐQT, khi mà năm 2020 là năm mà Petrosetco bị ảnh hưởng trực tiếp từ tác động kép do Dịch bệnh Covid-19 hoành hành và nhu cầu dịch vụ trong Ngành Dầu khí vẫn tiếp tục giảm do giá dầu vẫn ở mức thấp, cộng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường phân phối các thiết bị điện tử, điện máy là ngành kinh doanh chính của Petrosetco. Bên cạnh đó, để có được kết quả kinh doanh khả quan trên cũng phải kể đến sự nỗ lực của các Công ty thành viên, hầu hết các đơn vị đều hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020, ngoại trừ một số đơn vị ở mảng cung cấp VTTB cho ngành Dầu khí không hoàn thành kế hoạch. Chiến lược mở rộng ngành nghề, sản phẩm phân phối, đa dạng dịch vụ cung cấp... tiếp tục là động lực phát triển của PETROSETCO, nhờ sự đóng góp này mà mặc dù thị trường Dầu khí kém sôi động nhưng các mảng dịch vụ như đời sống, dịch vụ bất động sản, logistics, lao động... đã đạt sự tăng trưởng so với năm 2019 và đóng góp tỷ trọng ngày càng cao vào cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty.

2. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2020, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp thường xuyên và định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, việc này góp phần giúp cho Hội đồng quản trị có những quyết sách kịp thời, minh bạch và phù hợp với chiến lược phát triển và nhu cầu hoạt động động của Tổng công ty. Các thành viên HĐQT đã đưa ra các quyết định, chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua. HĐQT đã có những chủ trương và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo hoạt động của Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh cũng như chiến lược của Petrosetco.

3. Đánh giá về kết quả thực hiện các định hướng của HĐQT

3.1. Mở rộng danh mục phân phối

Trong năm 2020, việc mở rộng danh mục phân phối được PETROSETCO tiếp tục chú trọng triển khai, HĐQT đã giao nhiệm vụ cho Ban TGD tìm kiếm thêm ít nhất một nhãn hàng mới và Ban TGD đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, vào tháng 6/2020 Petrosetco đã ký hợp đồng phân phối Apple tại Việt Nam và bắt đầu triển khai từ tháng 7/2020.Với kinh nghiệm hơn 15 năm trong ngành phân phối điện thoại, cùng đội ngũ kinh doanh phủ rộng khắp 63 tỉnh thành trong cả nước, Petrosetco đã thực hiện thành công việc phân phối sản phẩm Apple tại thị trường Việt Nam, được đối tác đánh giá cao.

Bên cạnh đó, các mảng kinh doanh mới của Petrosetco từ năm 2019 là mảng kinh doanh phân bón hữu cơ nhập khẩu từ Mỹ và mảng Phân phối thiết bị y tế, sang năm 2020 đã bắt đầu có những kết quả khả quan nhất định. Mặc dù các danh mục mới chưa mang lại hiệu quả lớn lao rõ rệt trong thời gian đầu tiếp cận thị trường nhưng HĐQT đánh giá rất cao về tiềm năng mang lại trong tương lai. Đồng thời, Petrosetco vẫn không ngừng thực hiện việc rà soát các nhãn hàng, sản phẩm không hiệu quả, tiềm năng phát triển thấp để thực hiện chấm dứt kinh doanh.

3.2. Phát triển ra ngoài ngành Dầu khí

Phát triển dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí vẫn được HĐQT xác định là động lực phát triển của PETROSETCO trong thời gian tới. Tại Việt Nam, quá trình đô thị hóa, cùng với việc tăng trưởng kinh tế và dân số một cách nhanh chóng đang tạo ra lượng chất thải ngày càng tăng cao, với khối lượng phát sinh chất thải ở Việt Nam tăng gấp đôi trong vòng chưa đầy 15 năm. Trong khi đó, Việt Nam đang tích cực tham gia vào các Hiệp định CPTTPP, EVFTA... vấn đề môi trường là vấn đề đang được quan tâm chú trọng, quan tâm hàng đầu. Vì vậy trong Chiến lược Quốc gia về Quản lý chất thải rắn, Việt Nam cam kết tiến tới thu gom, vận chuyển và xử lý 100% chất thải ngoài hộ gia đình vào năm 2025 và 85% chất thải của các hộ gia đình vào năm 2025 ở các khu vực đô thị. Nắm bắt được xu thế đó, trong năm 2020, PETROSETCO đã mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp – với quy mô nhà máy lên đến 32 ha với đầy đủ năng lực và chức năng cung cấp dịch vụ về thu gom, tái chế và xử lý chất thải và đặc biệt là chất thải nguy hại. Trong năm nay, PETROSETCO đã tập trung hoàn tất các thủ tục góp vốn, hoàn thiện nhà máy, xây dựng quy trình chuyên nghiệp, hình ảnh...Dự kiến trong năm 2021 sẽ chính thức đi vào hoạt động ổn định. Bên cạnh đó Petrosetco đã phát triển thêm một số mảng dịch vụ mới như phân phối phân hữu cơ, thiết bị y tế, thiết bị gia dụng....v.v.

3.3. Củng cố, cải tiến, nâng cấp các dịch vụ cung cấp

Như đã nêu ở phần trên, trước những khó khăn chồng chất trong năm 2020 bên cạnh việc phát triển dịch vụ ra ngoài ngành dầu khí, PETROSETCO còn tập trung nguồn lực để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các Khách hàng đang sử dụng dịch vụ của PETROSETCO trước dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra, các đơn vị của PETROSETCO cũng đã chủ động cải tiến, nâng cấp dịch vụ và đã xây dựng được nhiều mô hình khác nhau giúp cung cấp dịch vụ linh hoạt theo nhu cầu của Khách hàng.

4. Đánh giá về giá trị mang lại cho các bên liên quan.

Bên liên quan	Giá trị mang lại
Cổ đông	+ Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020: 206,9 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch. + Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2020: 1.526 đồng/cổ phiếu; + Chi trả cổ tức năm 2019 trong quý III/2020 với tỷ lệ 10%, bằng tiền mặt.
Khách hàng, nhà cung cấp	+ Đối với Khách hàng ở mảng phân phối, cùng chia sẻ khó khăn vì ảnh hưởng do dịch Covid-19, PETROSETCO đã đồng hành, hỗ trợ khách hàng bằng cách: nâng hạn mức công nợ; kéo dài thời gian thanh toán trong giai đoạn dịch, hỗ trợ các chính sách bán hàng khác... Bên cạnh đó, PETROSETCO đã hoàn thành vượt mức mọi chỉ tiêu đối với các Nhà cung cấp lớn như Samsung, Apple... + Các dịch vụ cung cấp cho khách hàng không ngừng được hoàn thiện và cải tiến, trong đó đơn vị thành viên Công ty PSA lần thứ 3 liên tiếp được công nhận là doanh nghiệp có sản phẩm dịch vụ quản lý bất động sản đạt Thương hiệu Quốc gia trong tháng 11/2020. + Các dịch vụ của PETROSETCO gắn liền với sức khỏe, sự an toàn của khách hàng như dịch vụ vận hành BDS, dịch vụ ăn uống, vận chuyển... và kết quả trong năm 2020 vừa qua, trước sự nguy hiểm của Đại Dịch Covid -19 PETROSETCO đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa Dịch bệnh để duy trì kiểm soát dịch bệnh tốt nhất, không để xảy ra bất cứ sự cố nào gây mất an toàn cho khách hàng đang sử dụng dịch vụ. + PETROSETCO tiếp tục củng cố, nâng cấp và cải tiến sản phẩm dịch vụ giúp đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về số lượng lẫn chất lượng. Nâng tầm vị trí của thương hiệu Petrosetco trên thị trường.
Người lao động của Tổng công ty	+ Một năm 2020 đầy khó khăn do Dịch bệnh, nhưng PETROSETCO vẫn đảm bảo công ăn việc làm cho Người lao động, không cắt giảm lương của lao động trong khi rất nhiều công ty gặp khó khăn phải cho nghỉ việc... + Trong năm 2020, PETROSETCO đã triển khai thực hiện 1,900 lượt đào tạo cho CBCNV trong toàn Tổng công ty. + Người lao động có công việc làm, thu nhập ổn định, phát triển kỹ năng nghề nghiệp ở mức cao nhất có thể, các chế độ phúc lợi được được duy trì tốt. + Thu nhập bình quân trong năm 2020 của người lao động đạt mức 12.2 triệu đồng/người/tháng.
Cơ quan nhà nước	+ Đóng góp cho ngân sách nhà nước với số tiền 1,453 tỷ đồng. Tài trợ nhiều chương trình do các cơ quan ban ngành tổ chức.
Cộng đồng	+ Chi số tiền cho công tác an sinh xã hội 2.4 tỷ đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phương pháp giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Tổng công ty hàng tuần, hàng tháng và hàng quý;
- Tham gia vào các cuộc buổi họp giao ban định kỳ hay đột xuất của Tổng công ty nhằm theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, triển khai tốt các chủ trương từ Hội đồng Quản trị với tinh thần quyết liệt ngay từ đầu năm, cụ thể:

- Đối với việc ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị thì Ban Tổng Giám đốc đã có những giải trình, tham mưu rất chi tiết giúp tạo sự đồng thuận cao và nhanh chóng trong việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Dù áp lực về huy động vốn cho hoạt động thương mại và phân phối cũng như cho các dự án đầu tư là rất lớn nhưng trong năm qua Ban điều hành đã chủ động trong việc điều phối cân đối nguồn tài chính đảm bảo cho sản xuất kinh doanh và chi trả các dự án đầu tư.
- Trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tương đối tốt, nhạy bén trong các quyết định kinh doanh, hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho các đơn vị thành viên.

Sự xuất hiện của Đại dịch Covid-19 và giá dầu liên tục giảm sâu năm 2020 đã ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả SXKD của các Đơn vị trong Ngành Dầu khí, trong đó có Petrosetco. Trước diễn biến phức tạp của Dịch Covid-19 ảnh hưởng mạnh mẽ tới nền kinh tế toàn cầu cũng như tất cả các nền kinh tế, Việt Nam đã tập trung thực hiện tốt mục tiêu “Vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”, đảm bảo nền kinh tế hoạt động hiệu quả trong trạng thái bình thường mới. Tại Petrosetco, để giải quyết các thách thức đó, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc linh hoạt và bám sát trước những diễn biến của thị trường để có những cân chỉnh phù hợp, cụ thể:

- Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các biện pháp tăng cường nhằm phòng chống dịch bệnh Covid-19, chuẩn bị mọi kịch bản để ứng phó kịp thời với các tình huống có thể xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ của Petrosetco.
- Xây dựng kế hoạch nhập hàng hoá, kế hoạch tiêu thụ chi tiết để làm căn cứ nhập hàng đảm bảo tồn kho an toàn và hiệu quả trước diễn biến phức tạp của Dịch bệnh.
- Tiếp tục cơ cấu danh mục phân phối, loại bỏ những sản phẩm hiệu quả thấp, mang lại nhiều rủi ro cho quá trình kinh doanh. Công tác tiết giảm chi phí được Petrosetco ưu tiên thực hiện hàng đầu.
- Công tác quản trị nhân sự, công tác quản trị rủi ro cũng được PETROSETCO chú trọng, nhằm giúp các hoạt động kinh doanh được vận hành ổn định.
- Bên cạnh việc tiếp cận các nhóm khách hàng để phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin ra thị trường theo diện rộng, Petrosetco cũng không ngừng tìm kiếm thêm ngành nghề, sản phẩm, thương hiệu mới có tiềm năng để bổ sung vào danh mục phân phối nhằm thay thế cho các lĩnh vực kinh doanh bị ảnh hưởng do Dịch bệnh Covid -19.

Trong năm 2020, Ban điều hành đã thực hiện rất tốt chủ trương trên của Hội đồng Quản trị Tổng công ty, góp phần mang lại những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2020.

Hoạt động đầu tư

Trong năm 2020, hoạt động đầu tư được Tổng công ty thực hiện theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT khi mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, dự án này do Công ty PSL thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần môi trường xanh Pedaco với số vốn 52 tỷ đồng.

Với nỗ lực cao nhất Tổng công ty đã hoàn thành việc thực hiện chuyển đổi khu đất tại số 01 Lê Quang Định – TP Vũng tàu với diện tích 2.278m từ đất căn cứ dịch vụ cảng sang đất kinh doanh thương mại, từ đất thuê hàng năm sang đất sử dụng lâu dài trong thời điểm được áp dụng đơn giá tốt nhất với chi phí nộp tiền thuê sử dụng đất gần 16.5 tỷ.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã đầu tư mua sắm tài sản là 02 chiếc ô tô phục vụ SXKD với chi phí 2,1 tỷ đồng.

Hoạt động thu xếp và sử dụng vốn

Trong năm 2020, hầu hết các ngân hàng đã áp dụng Basel II và ảnh hưởng bởi tỷ lệ tăng trưởng tín dụng thấp của NHNN do đó các ngân hàng đều siết chặt điều kiện cho vay. Trong khi doanh thu trong năm của PETROSETCO tăng đột biến từ 10.000 tỷ đồng lên gần 14.000 tỷ đồng. Nên để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành nhanh chóng tập trung làm việc với các tổ chức tín dụng cũng như giãn nợ với nhà cung cấp để thu xếp đủ nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn tăng, với dư nợ bình quân khoảng 2.500 tỷ đồng từ các Ngân hàng thương mại. Các khoản vay trong Tổng công ty đều được quản lý, theo dõi chặt chẽ nhằm tiết kiệm chi phí lãi vay, đảm bảo cân đối dòng tiền thanh toán đúng hạn.

Có thể nói trong năm qua, nhu cầu vốn của PETROSETCO cơ bản được thu xếp ổn thỏa, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD.

Công tác tái cấu trúc Tổng Công ty

Năm 2020, Tổng công ty tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc tuân đúng theo chỉ đạo của Chính Phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong đó lộ trình thoái vốn dần tại các đơn vị thành viên được cân nhắc triển khai khi thị trường thích hợp.

Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục rà soát tái cơ cấu bộ máy hoạt động tại các đơn vị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động

Kết luận: Kết quả của năm 2020 tiếp tục minh chứng cho tinh thần vượt khó, sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban Điều hành Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí trong việc quyết tâm quản lý điều hành theo mô hình tinh gọn nhất, năng động và linh hoạt nhất chú trọng phát triển đa ngành nghề, tìm kiếm mặt hàng phân phối mới, khai phá thị trường ra ngoài ngành, t65n dụng cơ hội nhằm tiếp tục đưa Tổng công ty trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ đa dạng phát triển ổn định và sẵn sàng đương đầu với thách thức, có khả năng ứng phó linh hoạt đối với môi trường kinh doanh khi gặp khó khăn.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT GIAI ĐOẠN 2021

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

Từ đầu năm 2021, mặc dù dịch bệnh Covid -19 vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp ở nhiều nước, đặc biệt là Châu Âu, và Việt Nam cũng ghi nhận đợt bùng dịch mới trong dịp tết nguyên đán 2021 tuy nhiên đã được kiểm soát tốt và ngăn chặn kịp thời việc lây nhiễm trong cộng đồng. Bên cạnh đó có nhiều tín hiệu tốt về vacxin, giá dầu đang tăng dần trở lại ở mức 60USD/thùng, tạo ra nhiều tín hiệu tích cực cho nền kinh tế Việt Nam và hoạt động kinh doanh của đơn vị trong thời gian tới. Trên cơ sở những phân tích đó, HĐQT PETROSETCO đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2021 mang tính đột phá và có nhiều tín hiệu tích cực trong hoạt động kinh doanh của đơn vị, đây cũng là lần đầu tiên các chỉ tiêu kế hoạch trình Đại hội cổ đông cao hơn mức đã được Tập đoàn chấp thuận tại thời điểm tháng 12/2020 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021 cũ	Kế hoạch 2021 xây dựng mới	Tỷ lệ %	
	1	2	3	4= 3/1	5=3/2
Doanh thu (thuần) hợp nhất	13.453	9.386	15.000	111%	160%
Lợi nhuận trước thuế	206,9	170	250	121%	147%
Lợi nhuận sau thuế	140,2	130	200	143%	154%
Vốn điều lệ	866	866	866	100%	100%
Tỷ lệ cổ tức tối thiểu	10%	10%	10%	100%	100%
Kế hoạch đầu tư của công ty mẹ	2,1	5,0	5,0	238%	100%

2. Định hướng điều hành hoạt động kinh doanh năm 2021:

- PETROSETCO tiếp tục củng cố, nâng cấp và cải tiến sản phẩm dịch vụ giúp đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về số lượng lẫn chất lượng.
- Khẳng định bản lĩnh của nhà phân phối hàng đầu tại thị trường Việt Nam và nỗ lực giành quyền tiếp tục là 1 trong số 02 đơn vị phân phối ủy quyền của Apple trong các năm tiếp theo khi Apple tiến hành đánh giá lại năng lực của các nhà phân phối hiện tại vào khoảng quý II/2021.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành quyết liệt hơn nữa trong định hướng mở rộng hoạt động Sản xuất kinh doanh ra thị trường ngoài ngành Dầu khí đối với các mảng như dịch vụ đời sống, dịch vụ logistics, dịch vụ bất động sản, dịch vụ lao động... xem đây là động lực cho sự tăng trưởng của PETROSETCO.
- Áp dụng công nghiệp 4.0, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số hóa và ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp theo đặc thù của lĩnh vực, ngành, thúc đẩy thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ hiện đại phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng khoa học công nghệ nhằm góp phần cho sự tăng trưởng và phát triển của Doanh nghiệp.
- Nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp.
- Tiếp tục rà soát cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, tăng năng suất và tăng thu nhập cho người lao động.Tập trung công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế công việc.
- Đầu tư mở rộng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho việc phát triển ra thị trường ngoài ngành.
- Đảm bảo huy động đủ vốn, đồng thời quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, đúng mục đích, kiểm soát tốt chi phí.

1. Về việc tổ chức các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Petrosetco đã tổ chức 5 cuộc họp, ban hành 54 nghị quyết để quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tất cả các vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược, định hướng kinh doanh, mở rộng ngành hàng,... đều được HĐQT tổ chức họp, đánh giá trước khi thực hiện.
Năm 2020 việc kiểm soát hoạt động của các đơn vị thành viên được HĐQT quan tâm sát sao, nhất là đối với các đơn vị trong lĩnh vực phân phối, thương mại nhằm kịp thời chỉ đạo điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và thực hiện theo các thủ tục, trình tự theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế quản trị Tổng Công ty. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu được gửi tới các thành viên HĐQT đầy đủ trước khi tổ chức cuộc họp. Các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng Công ty, thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu nghiêm túc, thực hiện việc đánh giá hoạt động chi tiết, tiến hành thảo luận cẩn thận trong các cuộc họp trước khi đưa ra ý kiến đối với các vấn đề cần biểu quyết thông qua, nhằm đảm bảo các nội dung tốt nhất cho Tổng Công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, tái cấu trúc Tổng Công ty, xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp, chiến lược phát triển nhân lực phục vụ nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty thường xuyên được HĐQT xem xét, đánh giá, trao đổi trong các cuộc họp của HĐQT với ban điều hành.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế quản trị Tổng Công ty. Biên bản họp HĐQT được lập đầy đủ, có đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia họp. Đối với các vấn đề xin ý kiến qua email đều có lưu lại email đảm bảo theo đúng quy định của Tổng Công ty.

2. Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2020 do ảnh hưởng kép của dịch Covid và giá Dầu giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Petrosetco, do đó, việc giám sát đánh giá hoạt động của Ban TGD được HĐQT quan tâm chặt chẽ. HĐQT đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đầy đủ theo đúng quy định. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, chỉ đạo việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, tập trung điều hành quyết liệt mọi hoạt động của Tổng công ty; chủ động thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tích cực mở rộng thị trường.

Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, từ đó HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Ban TGD đã có sự phối hợp nhịp nhàng với HĐQT để hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc cũng đã áp dụng nhiều biện pháp làm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí. Ban Tổng Giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động SXKD, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

Nhìn chung, công tác giám sát của HĐQT với ban TGD được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty luôn ổn định, an toàn, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ, HĐQT thông qua.

3. Chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ được thành lập từ năm 2019 thay thế mô hình Ban kiểm soát. Việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT đã giúp HĐQT kiểm soát tốt hơn tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

Trong năm 2020 Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện việc giám sát thường xuyên, định kỳ tập trung vào các đơn vị phân phối, thương mại, mặc dù còn một số hạn chế, nhưng đã cung cấp cho HĐQT các thông tin kịp thời về tình hình kinh doanh, quản lý hàng hóa tồn kho, công nợ, vòng quay vốn,... của các đơn vị phân phối, qua đó HĐQT kịp thời nắm bắt hoạt động kinh doanh để có kế hoạch điều hành phù hợp.

Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động tại các đơn vị có vốn góp của Petrosetco trong năm 2020 và yêu cầu các đơn vị điều chỉnh, hoàn thiện những vấn đề còn hạn chế trong quá trình hoạt động

Việc phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và HĐQT trong quản lý chức năng kiểm toán nội bộ giúp kiểm toán nội bộ phát huy tốt vai trò của mình, đảm bảo các đơn vị tuân thủ việc kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo của HĐQT với ban Kiểm toán nội bộ được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Ban KTNB được thường xuyên, liên tục giúp HĐQT giám sát hoạt động của Tổng Công ty.

4. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2020 HĐQT đã thực hiện các công việc theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ theo đúng Điều lệ của Tổng Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

Năm 2020 HĐQT được bổ sung thêm thành viên mới, có kinh nghiệm về mảng kinh doanh bất động sản, tài chính doanh nghiệp,... giúp HĐQT thực hiện tốt hơn công việc của mình.

Các thành viên HĐQT, có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của từng thành viên, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển Tổng Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát các chiến lược phát triển của Công ty.

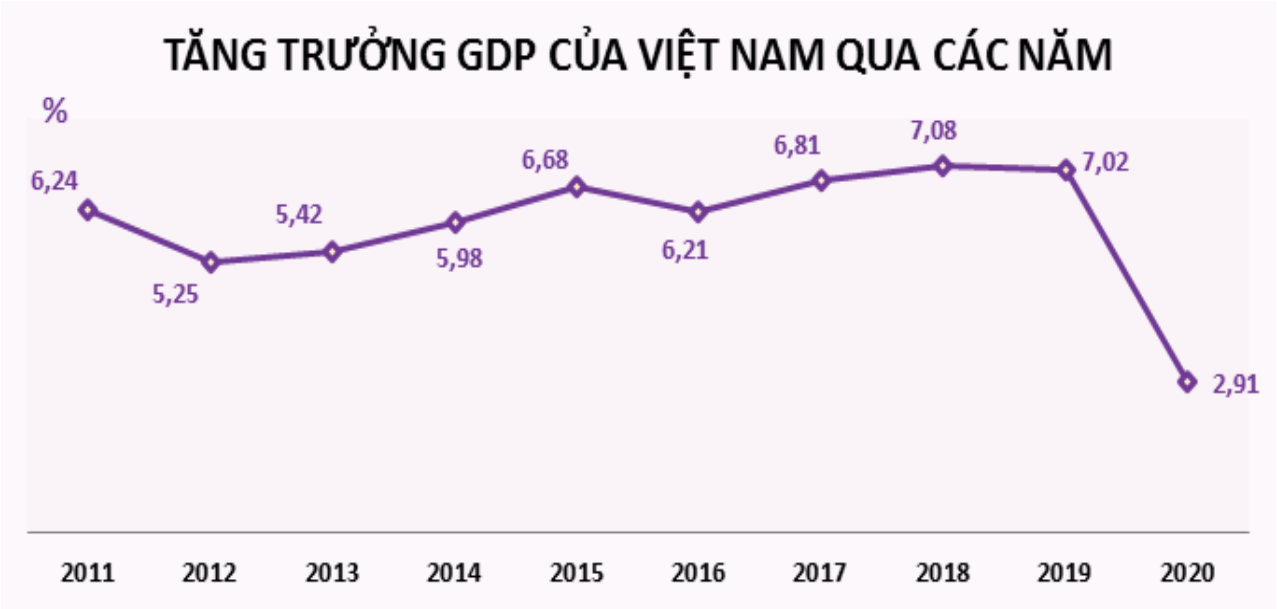
HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Tổng Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội cổ đông giao. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo công ăn, việc làm, thu nhập cho người lao động.

1. TỔNG QUAN

Kinh tế thế giới năm 2020 trải qua cuộc khủng hoảng kép về y tế và kinh tế khi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng chưa từng có trong lịch sử. Đại dịch Covid-19 vừa là cú sốc, vừa là tác nhân lớn nhất đẩy kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu và phải mất 2-4 năm mới khắc phục được. Theo các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới năm 2020 suy giảm 4-4,5%, trong đó thương mại toàn cầu dự báo suy giảm khoảng 9,2-10% và đầu tư giảm khoảng 10-15%, dòng vốn FDI giảm khoảng 25-30%, chủ yếu do dịch Covid-19.

VIỆT NAM 2020

Ở trong nước, trước diễn biến phức tạp, nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, Việt Nam đã hoàn thành "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Bức tranh kinh tế năm 2020 ghi nhận nhiều điểm sáng, được cộng đồng trong nước và quốc tế ghi nhận. Tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,91%, tuy là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, nhưng là mức tăng trưởng dương và thuộc nhóm cao nhất thế giới. Kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét từ đáy Quý 2/2020 với mức tăng trưởng GDP của 4 quý lần lượt là 3,68% 0,39%; 2,62% và 4,48% so với cùng kỳ năm trước. Theo Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới năm 2020 ngày 13/10/2020 của IMF, với mức tăng trưởng tích cực trong năm nay đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong Khu vực Đông Nam Á (sau Indonexia, Thái Lan và Phillipin).

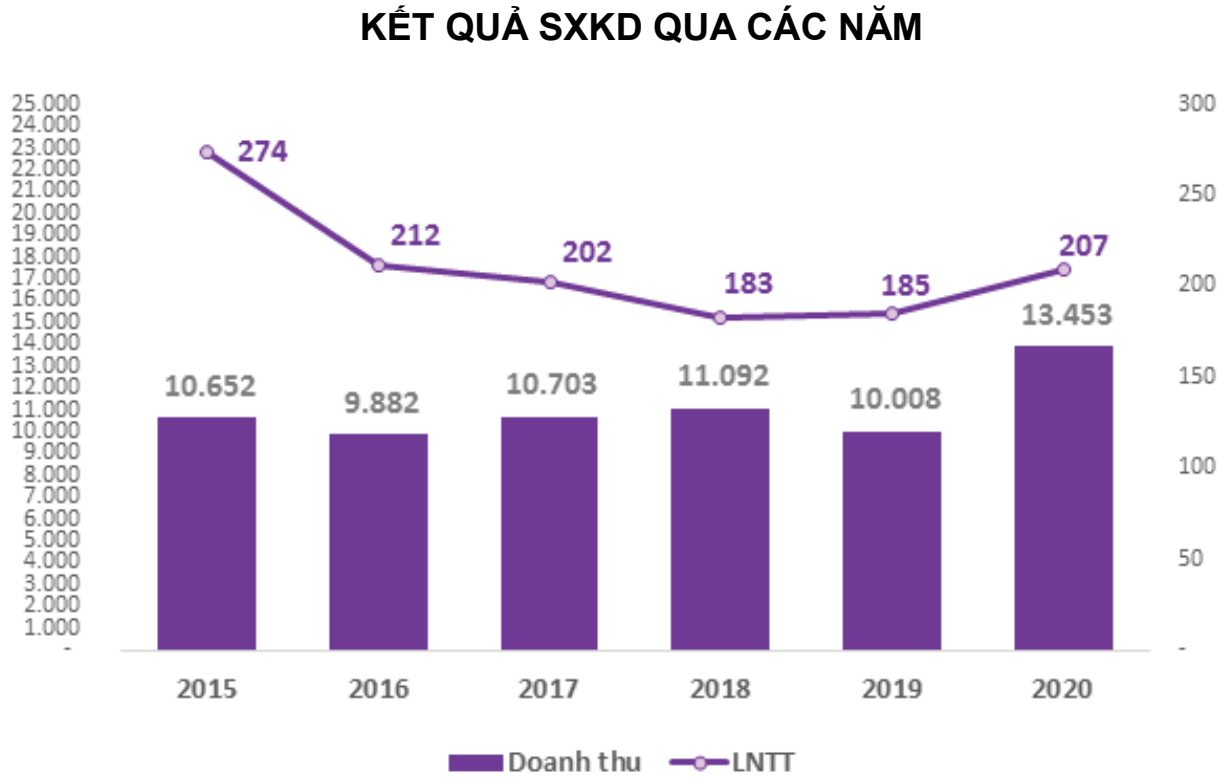


2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

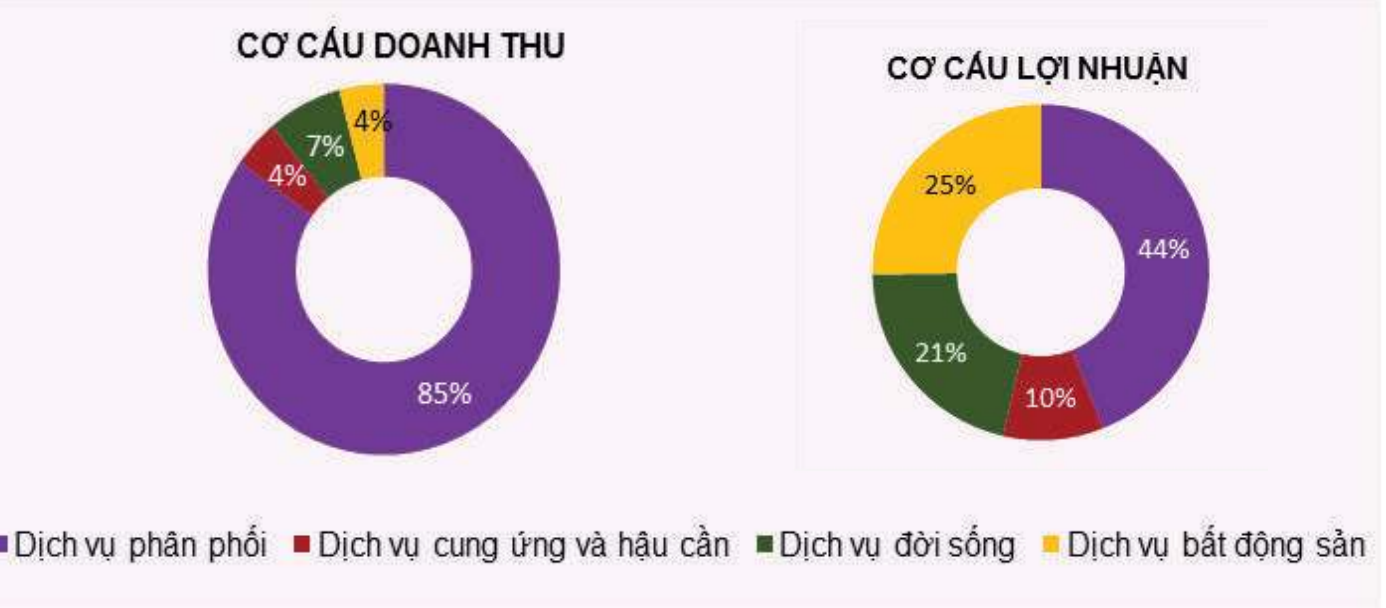
Năm 2020 là một năm đầy biến động và đặc biệt khó khăn. Đại dịch Covid-19 bùng phát và giá dầu giảm sâu, có những thời điểm giá dầu rơi vào trạng thái gần như hoảng loạn khiến cho các đơn vị làm dịch vụ như Petrosetco bị ảnh hưởng nặng nề và phải trải qua một giai đoạn khó khăn chưa từng có. Tuy nhiên, kết quả thực tế mà Petrosetco đã đạt được trong năm 2020 là vô cùng ấn tượng với các chỉ tiêu kinh doanh đều đạt vượt mức kế hoạch đề ra ngay từ đầu năm khi mà tại thời điểm đó Covid-19 vẫn chưa xuất hiện.

- Doanh thu thuần hợp nhất cả năm 2020 đạt 13.453 tỷ đồng, đạt 148% so với kế hoạch năm 2020 và bằng 134% so với cùng kỳ năm 2019. Đây là mức doanh thu cao nhất trong 5 năm trở lại đây.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 206,9 tỷ đồng, bằng 115% so với kế hoạch năm 2020 và bằng 112% so với cùng kỳ năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 140,2 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm 2020 và 110% so với cùng kỳ năm 2019.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 1.526 đồng, tăng 16% so với cùng kỳ (năm 2019: 1.321 đồng)

Chỉ tiêu	Đvt	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch năm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.966	5.400	6.715	135%	124%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.008	9.100	13.453	134%	148%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	185	180	206,9	112%	115%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	127	140	140,2	110%	100%



3. KẾT QUẢ THEO MẢNG KINH DOANH



Dịch vụ phân phối là mảng kinh doanh chính của Petrosetco với tỷ trọng chiếm 85% tổng doanh thu và 44% lợi nhuận trước thuế. Nhìn chung các mảng kinh doanh của Petrosetco vẫn duy trì nhịp tăng trưởng so với cùng kỳ, thậm chí còn tăng mạnh ở mảng Phân phối với doanh thu tăng +44% và lợi nhuận tăng +71% yoy. Riêng với mảng dịch vụ cung ứng và hậu cần doanh thu chỉ đạt 90% cùng kỳ do nhiều công trình/dự án Dầu khí ngừng/hoãn triển khai khi giá dầu giảm sâu do ảnh hưởng của Covid-19.

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So KH
Tổng doanh thu (thuần)	10.008	9.100	13.453	100%	134%	148%
Dịch vụ phân phối	7.910	7.080	11.412	85%	144%	161%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	631	670	570	4%	90%	85%
Dịch vụ đời sống	924	750	921	7%	100%	123%
Dịch vụ bất động sản	543	600	551	4%	101%	92%
Lợi nhuận trước thuế	185	180	206,9	100%	112%	115%
Dịch vụ phân phối	53	73	91,4	44%	172%	125%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	26	24	19,9	10%	76%	83%
Dịch vụ đời sống	52	42	43,7	21%	84%	104%
Dịch vụ bất động sản	54	41	51,96	25%	96%	127%

4. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC MẢNG NĂM 2020

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI:

Bao gồm phân phối thiết bị điện – điện tử và các sản phẩm hoá dầu.

- Phân phối thiết bị điện tử được triển khai bởi 03 đơn vị thành viên và 02 công ty con gián tiếp là: Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD); Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh (Công ty con của PSD); Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Công nghệ Xanh (Công ty con của PSD); Công ty Cổ phần Hội Tụ Thông Minh (Smartcom) và Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD).

- Phân phối sản phẩm hóa dầu do Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT) triển khai thực hiện.



Trong năm qua, mảng dịch vụ phân phối đạt 11.412 tỷ đồng doanh thu, vượt 61% kế hoạch và tăng +44% so với cùng kỳ, đóng góp 85% trong tỷ trọng tổng doanh thu; lợi nhuận mảng này đạt 91,4 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch và tăng +72% so với cùng kỳ, đóng góp 44% tỷ trọng tổng lợi nhuận của Petrosetco.

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	7.910	7.080	11.412	100%	144%	161%
Điện - Điện tử	6.198	5.850	10.081	88%	163%	172%
Sản phẩm hóa dầu	1.712	1.230	1.331	12%	78%	108%
Tổng lợi nhuận	53,0	73	91,4	100%	172%	125%
Điện - Điện tử	43,7	64	82,2	90%	188%	128%
Sản phẩm hóa dầu	9,3	9,0	9,2	10%	98%	102%

Phân phối thiết bị điện - điện tử:

Đầu năm 2020, thị trường kinh doanh smartphone toàn cầu chịu nhiều thiệt hại nặng nề bởi sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Không chỉ trên thế giới, đây cũng là tình trạng chung diễn ra tại Việt Nam. Nhưng đó cũng là bài test về năng lực nghiên cứu chế tạo, sản xuất và khả năng thích ứng của doanh nghiệp. Theo số liệu thống kê của Canalis, top 5 thương hiệu smartphone đứng đầu thị phần Việt Nam hiện nay bao gồm Samsung (24%), Oppo (16%), Vivo (13%), Apple (11%) và Vsmart (11%).

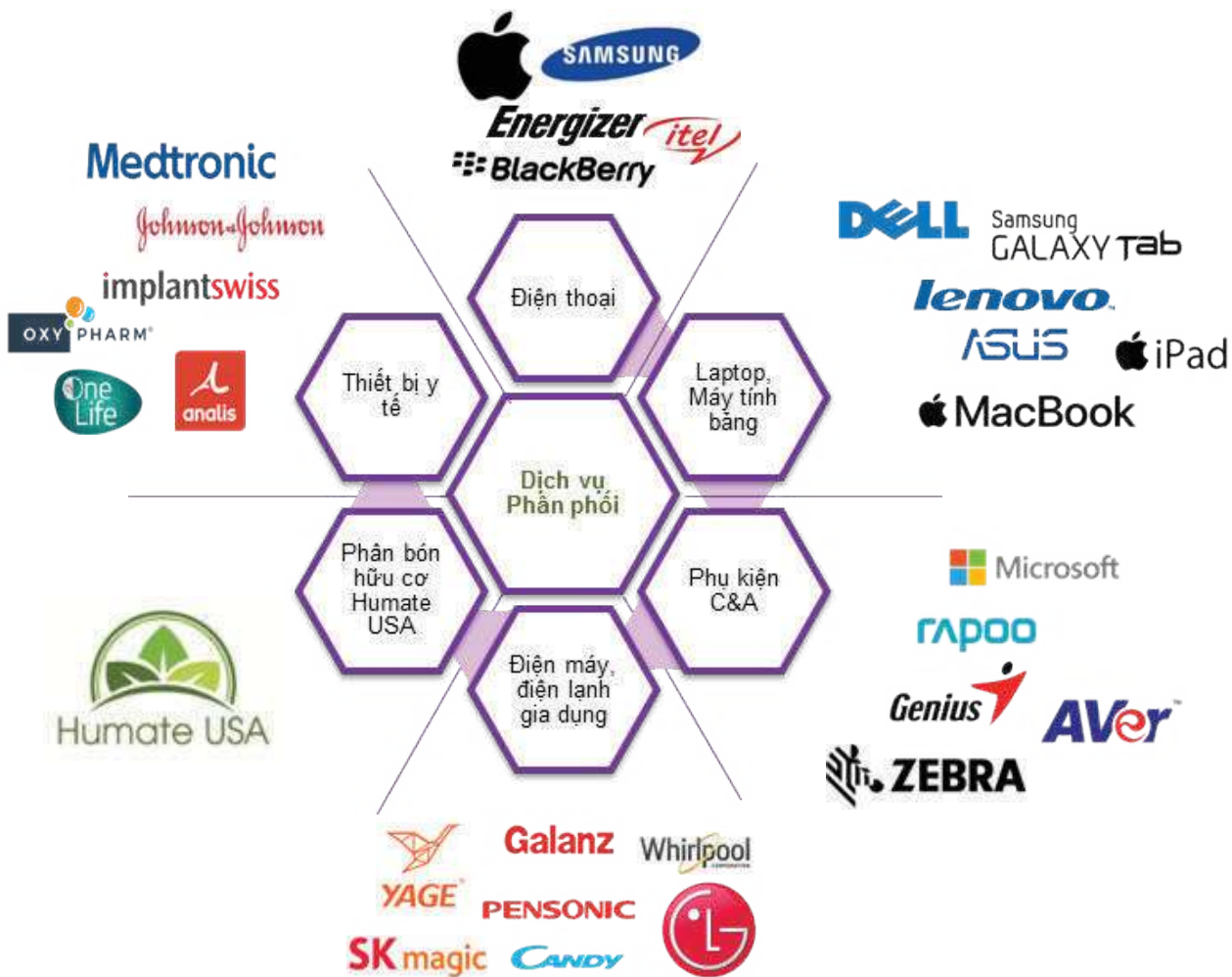


Liên hệ đến kết quả kinh doanh của Petrosetco, Điểm sáng của mảng phân phối điện tử là việc Petrosetco trở thành nhà phân phối ủy quyền của Apple tại thị trường Việt Nam vào cuối tháng 6/2020. Sau 07 tháng triển khai, Petrosetco đã khẳng định được năng lực và uy tín trong việc phân phối các sản phẩm từ Apple với doanh số trên 100.000 điện thoại Iphone và các sản phẩm Apple khác, đóng góp tỷ trọng 16% trong cơ cấu doanh thu của nhóm ngành điện tử, góp phần vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của Petrosetco.

Ngành hàng Samsung vẫn là nhân hàng lớn của Petrosetco trong những năm qua. Năm 2020 Petrosetco đã hợp tác chặt chẽ và nhận được sự hỗ trợ, đồng hành từ Samsung Vina nên mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid nhưng doanh thu ngành hàng Samsung tại Petrosetco vẫn tăng trưởng vượt bậc so với năm 2019. Cuối năm 2020, ngành hàng Samsung tại Petrosetco, tăng trưởng hơn 70% so với cùng kỳ năm trước.

Ngành hàng IT năm 2020 cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra nhờ nhu cầu làm việc, học tập online tăng do ảnh hưởng của dịch Covid – 19, cụ thể các sản phẩm laptop tăng 58% so với năm 2019 tương đương khoảng 560 tỷ đồng ở các hãng Lenovo, Dell... Các sản phẩm IT và linh phụ kiện điện tử khác cũng tăng trưởng +23% cùng kỳ (như màn hình LCD, loa, tai nghe, máy quét mã vạch,...)

Các nhãn hàng đang được phân phối bởi petrosetco



Với kinh nghiệm dày dặn trên 15 năm nhập khẩu, phân phối và kinh doanh về lĩnh vực các sản phẩm công nghệ thông tin với tiềm lực tài chính vững chắc, đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, hệ thống phân phối và bán lẻ rộng khắp cả nước thông qua hệ thống chi nhánh và kho bãi trên toàn quốc, PETROSETCO hiện là một trong những Nhà phân phối hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực phân phối điện thoại di động, máy tính xách tay, phần mềm bản quyền và các sản phẩm công nghệ chính hãng.

Phân phối sản phẩm hoá dầu:
Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên các nhà máy sản xuất tiêu thụ PP đưa vào sản xuất chậm và hoạt động với công suất thấp. Bên cạnh đó, thị trường giá PP biến động giảm liên tục nên Petrosetco phải luôn linh hoạt trong chính sách bán hàng, cạnh tranh về giá, giữ thị phần ở các khách hàng tiêu thụ sản xuất.

Tháng 04/2019, Công ty PSMT-Công ty thành viên của Petrosetco lần đầu tiên triển khai hoạt động sản xuất chiết nạp, kinh doanh LPG bình mang thương hiệu PETROSETCO PETGAS và có được hệ thống khách hàng LPG Gas bình ổn định trên thị trường khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Với chủ trương tập trung đẩy mạnh bán lẻ khi đánh giá hiệu quả kinh tế tốt hơn, tính ổn định, bền vững hơn và ít rủi ro hơn so với bán buôn, Petrosetco đã chính thức phát triển hệ thống kênh phân phối đến thị trường các tỉnh Miền Tây Nam bộ, đầu tư xây dựng trạm chiết nạp LPG tại Ấp Vĩnh Qui, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ với diện tích 5096 m2.

Mặc dù mới tham gia tại thị trường Miền Tây và đang triển khai xây dựng hệ thống kênh phân phối ở các tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long... kế hoạch đặt ra là 250 tấn/tháng nhưng hiện nay sản lượng tiêu thụ LPG đã đạt hơn 300 tấn/tháng, vượt kế hoạch đề ra 123,2%.

Kết thúc năm, PETROSETCO tiêu thụ được 41.357 tấn nhựa PP và 26.654 tấn khí hóa lỏng LPG, mang lại doanh thu 1.331 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch và lợi nhuận 9,2 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm.

Phân phối khác: bao gồm phân bón hữu cơ sinh học, thiết bị y tế.

Phân bón hữu cơ
Trong năm 2020, Petrosetco đã mở rộng thêm mảng phân phối mới là dịch vụ phân phối phân bón hữu cơ sinh học Humate USA với 3 dòng sản phẩm trên thị trường:

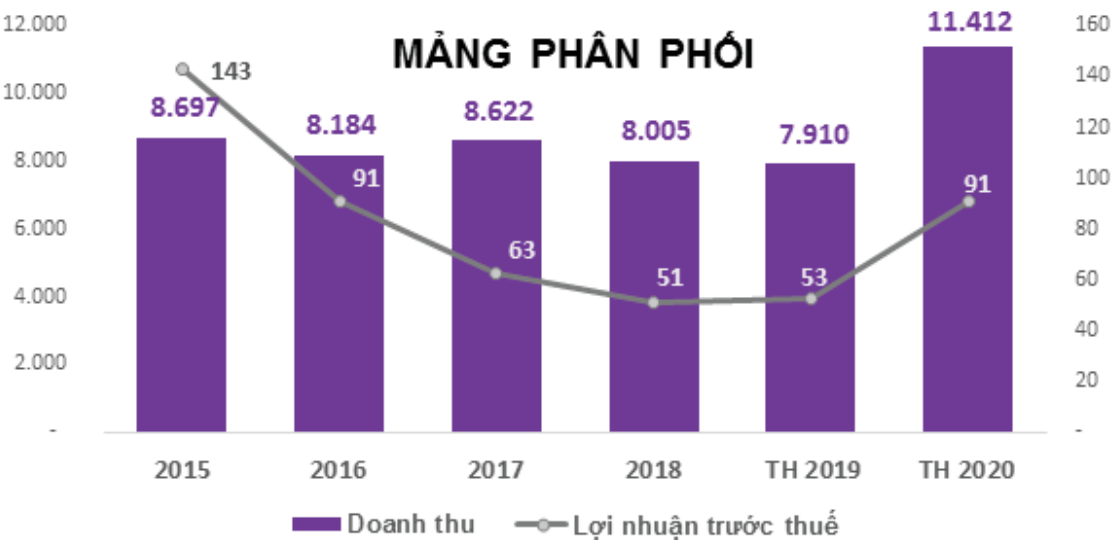


Thiết bị y tế
Đây là mảng kinh doanh mới của Petrosetco và vẫn đang được tiếp tục đẩy mạnh phát triển ở các nhóm ngành:
- Sản phẩm tiểu đường
- Sản phẩm nha khoa và Implant
- Sản phẩm kiểm soát nhiễm khuẩn
- Các sản phẩm vật tư thiết bị y tế tiêu hao.

Hiện Petrosetco đang phân phối cho các bệnh viện lớn như Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM, BV Nhân dân 115, BV Chợ Rẫy, BV Nhân dân Gia định, BV Bình dân,...

Mảng này cũng ghi nhận kết quả tốt hơn so với cùng kỳ khi doanh thu đạt hơn 98 tỷ đồng, tăng +13%.

Kết quả: Toàn mảng Dịch vụ Phân phối trong năm 2020 với doanh thu đạt 11,412 tỷ đồng, bằng 161% so với kế hoạch và Lợi nhuận trước thuế ước đạt 90,7 tỷ đồng, bằng 124% kế hoạch năm 2020. Đây là mức doanh thu cao nhất kể từ năm 2015 trở lại đây, khẳng định bước tiến vượt trội của mảng kinh doanh này trong năm 2020.



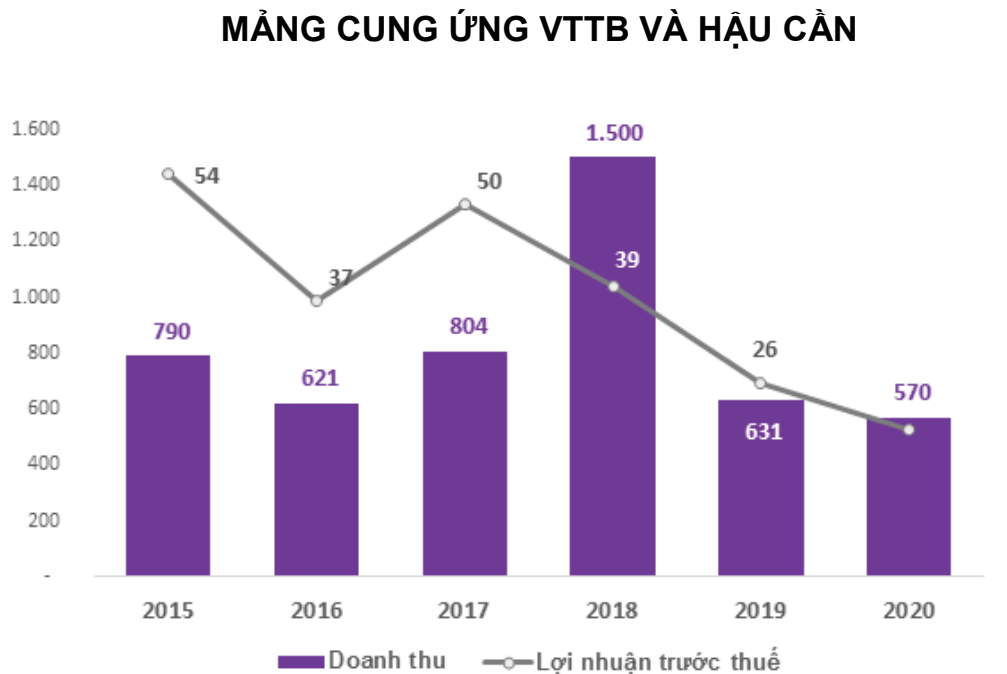
DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN:

Bao gồm hoạt động cung ứng VTTB và cung cấp các dịch vụ hậu cần cho ngành Dầu khí.

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	631	670	570,2	62%	90%	85%
Cung ứng VTTB dầu khí	308	370	248,2	27%	81%	67%
Dịch vụ hậu cần	323	300	322,0	35%	100%	107%
Tổng lợi nhuận	26,0	24	19,9	46%	76%	83%
Cung ứng VTTB dầu khí	0,9	20	(9,4)	-22%	-1003%	-47%
Dịch vụ hậu cần	25,1	18	29,3	67%	117%	163%

Cung ứng VTTB: do Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) triển khai thực hiện. Mảng kinh doanh này trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực kép của đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm đã tác động rất xấu đến ngành dầu khí khi hàng loạt các dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển khai thác mỏ bị giãn, dừng, thậm chí hủy bỏ. Khối lượng công việc trong năm 2020 được cho là thấp nhất kể từ nhiều năm trở lại đây trong ngành Dầu khí, do đó công ty không có nhiều cơ hội cung cấp vật tư thiết bị trong ngành. Do những khó khăn trên mà kết quả kinh doanh trong năm 2020 của mảng này chưa đạt như kỳ vọng. Doanh thu 248 tỷ đồng, bằng 67% kế hoạch và 81% so với cùng kỳ.

Kết quả: Nhìn chung năm 2020 là một năm thực sự khó khăn đối với mảng Dịch vụ Cung ứng VTTB và Hậu cần Dầu khí, doanh thu đạt 570 tỷ đồng, bằng 85% so với kế hoạch năm 2020 và Lợi nhuận trước thuế ước đạt 19,9 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch, giảm lần lượt -10% DT và -24% LNTT so với năm 2019.



DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Bao gồm dịch vụ đời sống trên biển, cung cấp suất ăn văn phòng, suất ăn công nghiệp và cung cấp thực phẩm. Mảng kinh doanh này do các đơn vị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) triển khai thực hiện.

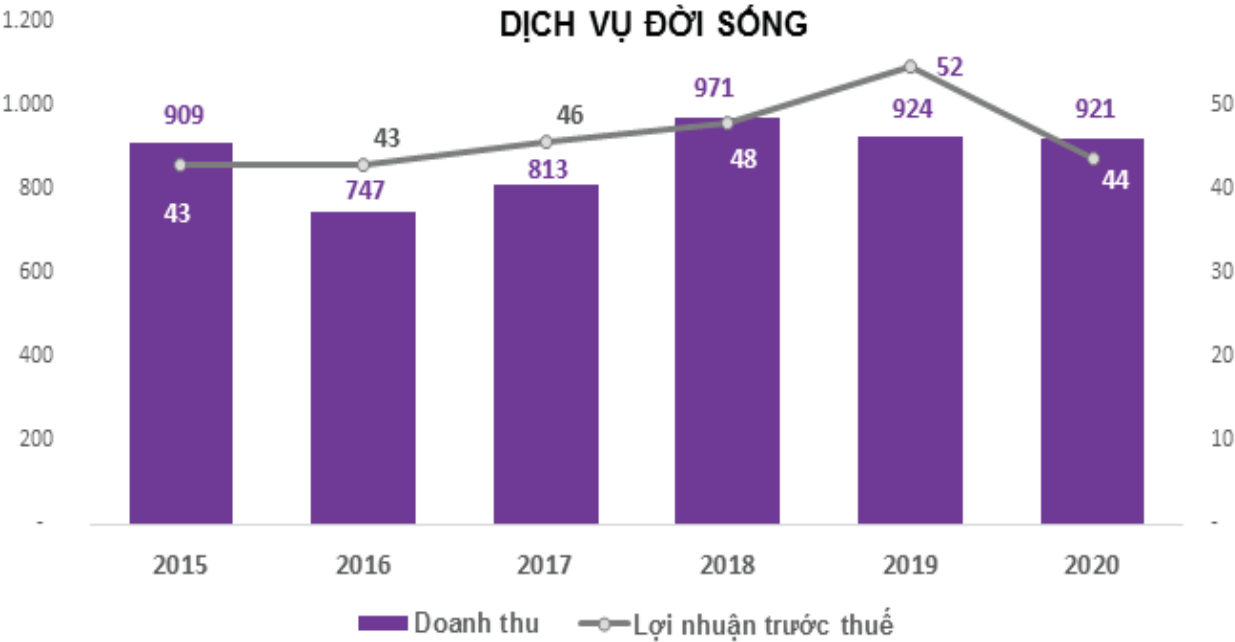
Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	923.5	750	921.1	100%	100%	123%
Dịch vụ Catering	853.6	700	851.8	92%	100%	122%
Cung ứng thực phẩm	69.9	50	69.2	8%	99%	138%
Tổng lợi nhuận	52,0	42	43,7	100%	84%	104%
Dịch vụ Catering	48,2	40	41,0	94%	85%	102%
Cung ứng thực phẩm	3,8	2	2,7	6%	72%	136%

Năm 2020, do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, các trường học và công ty triển khai học và làm việc tại nhà trong thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp đã làm giảm mạnh thị phần cung cấp suất ăn trong mảng Dịch vụ Đời sống của Petrosetco. Mặc dù duy trì được mức chỉ tiêu doanh thu tương đương cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận chỉ bằng 80% năm 2019 do giá cả nguyên vật liệu đầu vào ngày càng tăng cao.

Nguồn cung ứng thực phẩm gặp khó khăn do dịch tả lợn Châu Phi, tiếp đó là dịch cúm gia cầm H5N6. Chăn nuôi bị bệnh dịch hoành hành, thiệt hại từ gia súc đến gia cầm, sản xuất công nghiệp lại thiếu nguyên liệu, trồng trọt đang gặp khó khăn trong các hoạt động cung ứng do dịch Covid-19 và bão lũ ở miền Trung. Thực phẩm rau không ổn định vì nguyên liệu vật tư trong chuỗi nhập khẩu bị gián đoạn. Từ những nguyên nhân trên đã làm giá cả hàng hóa thị trường, thực phẩm tăng giá.

Tuy nhiên, công tác dịch vụ suất ăn (catering) tại Petrosetco luôn được đảm bảo chất lượng dịch vụ và tính chuyên nghiệp, không để xảy ra sự cố nào về an toàn vệ sinh thực phẩm, được các khách hàng đánh giá cao và tin tưởng sử dụng.

Kết quả: Doanh thu toàn mảng Dịch vụ đời sống đạt 921 tỷ đồng, bằng 123% so với kế hoạch năm và tương đương so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 43,7 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch và bằng 84% so với năm 2019.



DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

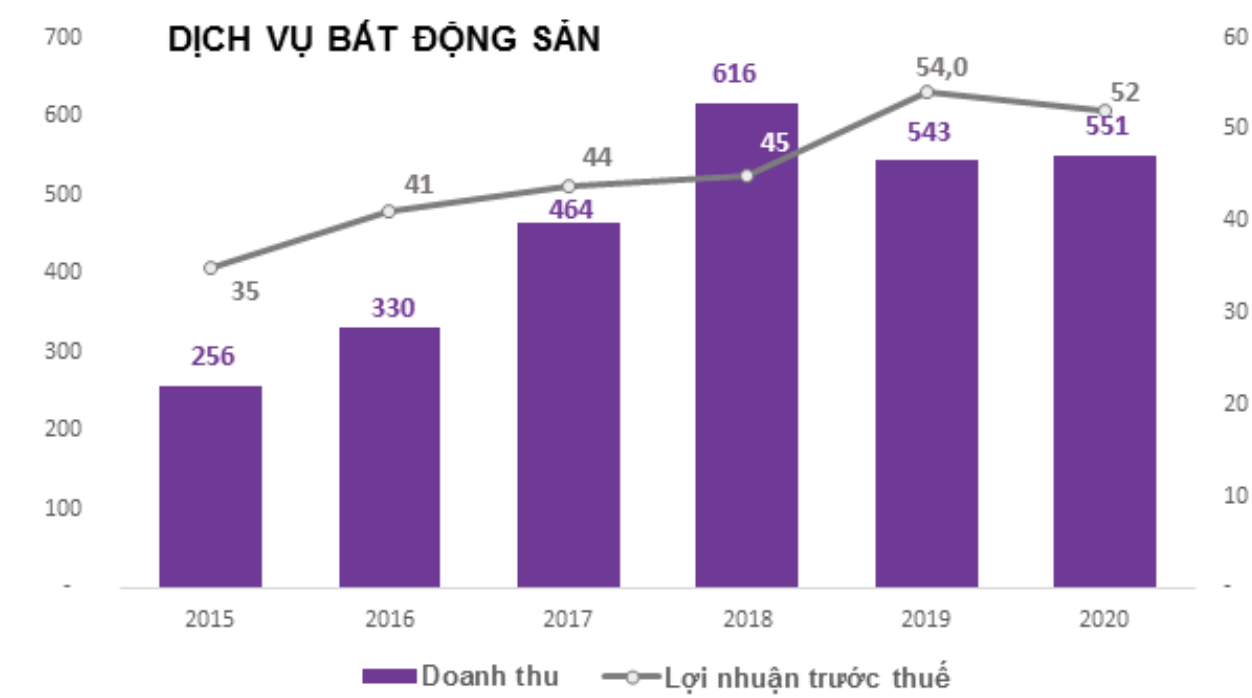
Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ (%)	
				So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	543.4	600	550.5	101%	92%
Tổng lợi nhuận	54,0	41	51.9	96%	127%

Dịch bệnh Covid-19 diễn ra đã gây áp lực rất lớn cho các Ban quản lý tòa nhà của Petrosetco để đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả khách thuê tại các tòa nhà hiện do Petrosetco quản lý. POTS và PSA là 02 đơn vị thành viên cung cấp dịch vụ Bất động sản, đã và đang thực hiện kiểm soát tối đa trong phạm vi có thể đối với khách thuê và khách ra vào tòa nhà trong tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, thiết lập quy trình phản ứng trước và ngay khi có các trường hợp F0, F1, F2...

Đồng thời, khi dịch bệnh diễn ra đã dẫn đến phát sinh nhiều hạng mục chi phí cho phòng chống dịch như: Bồn khử khuẩn, Hóa chất khử trùng, dung dịch sát khuẩn, khẩu trang y tế, công cụ dụng cụ, vật tư và nhân sự thực hiện công tác chống dịch,...

Kết quả: Doanh thu dịch vụ bất động sản năm 2020 đạt 551 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch năm và bằng 101% so với cùng kỳ thực hiện. Lợi nhuận trước thuế đạt 51,9 tỷ đồng, bằng 96% so với cùng kỳ thực hiện.



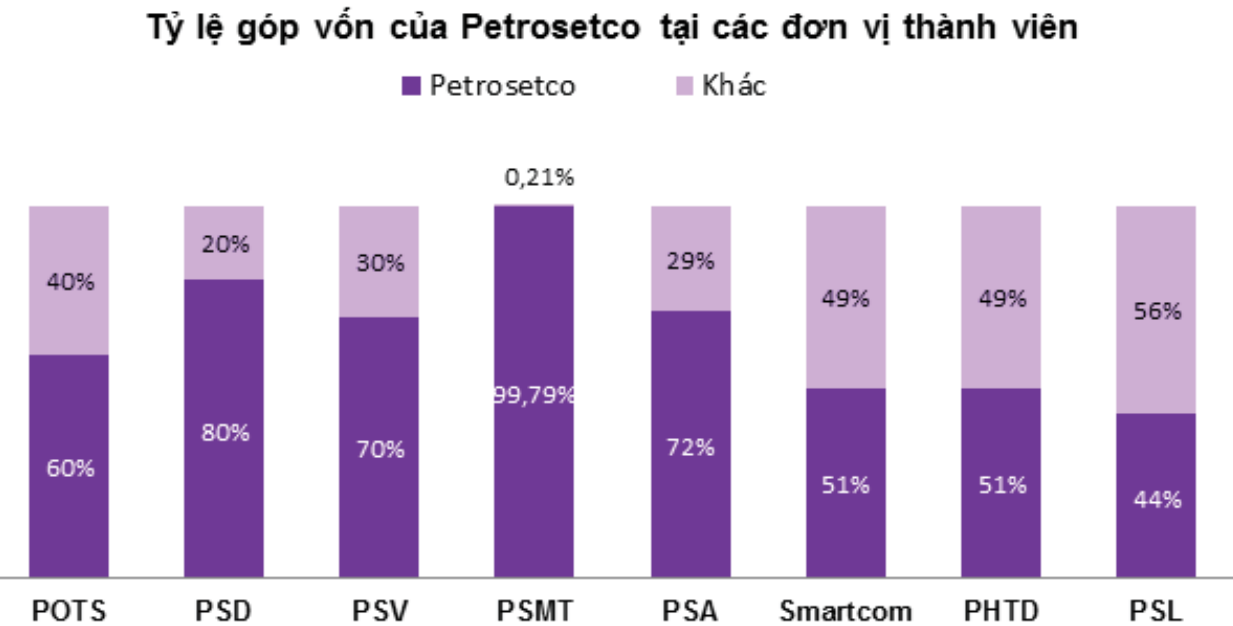
5. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2020

Dự án Vịnh Hoà Emerald Bay Resort: PETROSETCO góp 20% vốn tương đương 111,2 tỷ đồng vào Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vịnh Hoà để triển khai dự án với quy mô 362 căn biệt thự biển và công trình phụ trợ trên diện tích 71,6 ha mặt đất và 50,3ha mặt biển. Năm 2019, Petrosetco đã góp được 16 tỷ đồng. Dự án được chia làm 3 giai đoạn, với giai đoạn 1 gồm: 200 căn biệt thự các công trình phụ trợ, giai đoạn 2: 42 căn biệt thự và giai đoạn 3: đầu tư 120 căn biệt thự và công viên biển. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong năm 2020 nên Petrosetco chủ động giãn tiến độ của dự án và tập trung hoàn tất các thủ tục pháp lý cuối cùng.

Dự án nhà máy Khu liên hợp xử lý chất thải Lagi – Bình Thuận: Năm 2020 Petrosetco đã mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp. Dự án này do Petrosetco thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Môi trường xanh Pedaco, hiện đã xây dựng nhà máy xử lý rác thải nguy hại tại Thị Xã Lagi - Bình Thuận trên diện tích 32ha với đầy đủ năng lực và chức năng cung cấp dịch vụ về thu gom, tái chế và xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại với hệ thống trang thiết bị, máy móc hiện đại. Ngoài ra còn cung cấp thêm các dịch vụ tư vấn môi trường như: Tư vấn và cung cấp các giải pháp công nghệ xử lý môi trường; để án bảo vệ môi trường; giấy phép khai thác nước mặt, nước dưới đất; lập hồ sơ xả nước thải,...

6. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC

Trong năm 2020, Tổng công ty Petrosetco tiếp tục rà soát, tái cơ cấu bộ máy hoạt động tại các đơn vị thành viên theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả. Song song đó, Petrosetco cũng tiến hành rà soát, cơ cấu lại các loại hình kinh doanh, dừng và giảm các mặt hàng không mang lại hiệu quả hoặc hiệu quả thấp, giúp hoạt động kinh doanh diễn ra thuận lợi, gia tăng lợi nhuận và phát triển bền vững hơn.



7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019	2020
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần	9,882	10,703	11,092	10,008	13,453
Lợi nhuận gộp	658	748	662	611	669
Lợi nhuận trước thuế	212	202	183	185	207
Lợi nhuận sau thuế	167	144	130	127	140
EPS (VNĐ/CP)	1,578	1,400	1,196	1,323	1,526
Tỷ suất lợi nhuận					
Tỷ lệ lợi nhuận gộp	6.7%	7.0%	6.0%	6.1%	4.9%
Tỷ lệ lợi nhuận ròng	1.5%	1.2%	1.0%	1.2%	1.0%
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn	4,741	4,786	4,331	3,715	5,083
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,694	1,342	1,038	816	1,808
Các khoản phải thu ngắn hạn	1,632	2,229	1,847	1,451	2,086
Hàng tồn kho	970	775	1,006	1,122	784
Tài sản ngắn hạn khác	446	440	439	326	405
Tài sản dài hạn	1,486	1,387	1,232	1,251	1,235
Tài sản cố định	311	306	229	242	234
Bất động sản đầu tư	915	803	758	714	673
Tài sản dài hạn khác	259	278	245	296	328
Nợ phải trả	4,579	4,512	3,943	3,326	4,658
Vay ngắn hạn	2,303	2,030	1,614	1,271	2,508
Nợ phải trả ngắn hạn khác	1,856	2,069	1,943	1,735	1,874
Vay dài hạn	251	279	280	255	207
Nợ phải trả dài hạn khác	169	134	106	66	69
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,466	1,490	1,477	1,512	1,543
Vốn điều lệ	866	866	866	866	866
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	272	296	264	158	178
Vốn chủ sở hữu khác	328	328	347	488	499
Lợi ích cổ đông thiểu số	182	171	143	129	120
TỔNG TÀI SẢN/NGUỒN VỐN	6,227	6,173	5,563	4,966	6,321

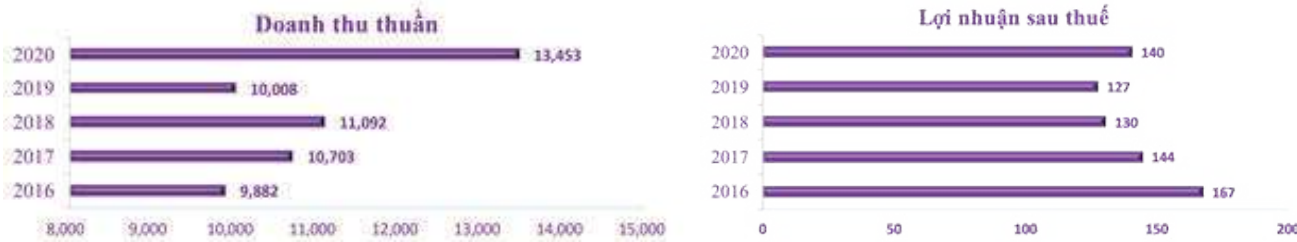
KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2020 Petrosetco đạt mức doanh thu thuần cao nhất từ trước đến nay với 13,453 tỷ đồng, tăng trưởng 34% so với năm 2019. Thành công này có sự đóng góp rất lớn từ mảng phân phối điện thoại và thiết bị điện tử, đặc biệt là sau khi Petrosetco trở thành nhà phân phối chính thức của Apple tại Việt Nam. Mảng phân phối đóng góp 85% doanh thu và 44% LNTT của Petrosetco trong năm 2020. Đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các nhà phân phối và các chuỗi bán lẻ lớn trên thị trường, sự tăng trưởng mạnh mẽ của Petrosetco trong năm 2020 đã chứng minh vị thế vững vàng của Công ty trong môi trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt.

Năm 2020 ghi nhận một năm vô cùng khó khăn đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Catering và Quản lý bất động sản và Petrosetco cũng không phải ngoại lệ. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, bên cạnh đó là các khoảng thời gian tiến hành giãn cách xã hội buộc nhiều công trình cung cấp suất ăn phải tạm hoãn trong thời gian dài. Tuy nhiên, chính trong thời điểm vô cùng khó khăn đó, Ban Lãnh đạo Petrosetco đã không ngần ngại chia sẻ khó khăn với cộng đồng khi vừa hỗ trợ thu nhập cho người lao động, vừa có chính sách hỗ trợ giá bán cho khách hàng. Doanh thu dịch vụ Caterring và Quản lý bất động sản đạt lần lượt 921 và 551 tỷ đồng (tăng 1% so với cùng kỳ), LNTT đạt 43.7 và 52 tỷ.

Doanh thu mảng dịch vụ Cung ứng của Petrosetco đạt 570 tỷ, LNTT đạt gần 20 tỷ đồng. Trong bối cảnh ngành logistics chịu tác động nặng nề từ dịch bệnh Covid-19 và giá dầu thay đổi thất thường, kết quả kinh doanh của Petrosetco thể hiện khả năng kinh doanh linh hoạt và chiến lược kinh doanh đúng đắn, thay đổi phù hợp với biến động thị trường.

Tổng kết kết quả Kinh doanh toàn Công ty năm 2020, Petrosetco đạt 13,453 tỷ doanh thu thuần và 207 tỷ lợi nhuận trước thuế. Hoàn thành lần lượt 148% và 115% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cả năm đạt 1.526 đồng/cổ phần tăng 203 đồng (tương đương 15.3%) so với cùng kỳ năm trước.



TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Tổng tài sản của PETROSETCO tại thời điểm 31/12/2020 là 6,321 tỷ đồng, tăng 1,355 tỷ đồng, tương đương 27.3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi tiền và các khoản tương đương tiền tăng 992 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 635 tỷ đồng thì giá trị tồn kho lại giảm 338 tỷ đồng. Các khoản tương đương tiền tăng mạnh nhờ hơn 1,113 tỷ tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng, tăng hơn 730 tỷ so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2020, Petrosetco đã nỗ lực tìm kiếm và phân phối thêm các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Công ty đã chủ động huy động thêm các nguồn vốn, đặc biệt là trong thời điểm lãi suất ngân hàng thấp để có nguồn tiền mở rộng phạm vi hoạt động. Nợ ngắn hạn cuối năm 2020 tăng 58% so với năm 2019, tuy nhiên các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp lại giảm 25%, sở dĩ nợ ngắn hạn tăng là do Công ty chủ động huy động nguồn tiền với lãi suất thấp từ các ngân hàng để sẵn sàng cho mục tiêu tiếp tục mở rộng kinh doanh trong năm 2021.



8 CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018	2019	2020
1. Chỉ tiêu tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu	-8%	8%	4%	-10%	35%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-21%	-14%	-10%	-2%	10%
Tăng trưởng EPS	-22%	-11%	-15%	11%	15%
Tăng trưởng tổng tài sản	21%	-1%	-10%	-11%	27%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	4%	2%	-1%	2%	2%
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán hiện hành	1.1	1.2	1.2	1.2	1.2
Hệ số thanh toán nhanh	0.9	1.0	0.9	0.9	1.0
Khả năng thanh toán lãi vay	3.6	2.9	3.0	3.7	3.7
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	1.7	1.7	1.9	1.9	2.4
Vòng quay tài sản cố định	9.5	7.5	8.5	8.1	10.8
Vòng quay vốn lưu động bình quân	3.9	4.1	4.1	3.9	5.4
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	55	66	67	60	48
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	64	70	68	69	51
Thời gian tồn kho (ngày)	45	32	31	41	28
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1.59	1.73	1.99	2.02	2.16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi					
Lợi nhuận gộp biên	6.7%	7.0%	6.0%	6.1%	4.9%
Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	2.1%	1.9%	1.6%	1.8%	1.5%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.5%	1.2%	1.0%	1.2%	1.0%
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	9.8%	8.4%	7.7%	8.1%	8.9%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	2.3%	2.0%	2.0%	2.5%	2.2%
5. Cơ cấu vốn					
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	74%	73%	71%	67%	74%
Tổng nợ vay/Tổng tài sản	41%	37%	34%	31%	43%
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3.12	3.03	2.67	2.20	3.02

Về quản lý vốn lưu động:

Vốn bằng tiền: với 10 đơn vị thành viên trực thuộc, nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền, PETROSETCO đang thực hiện việc quản lý dòng tiền của các đơn vị thành viên qua hệ thống tài khoản trung tâm, bằng cách điều dòng tiền nhân rồi từ những đơn vị dịch vụ về tài khoản tập trung của Công ty mẹ, sau đó điều chuyển dòng tiền cho các công ty phân phối đang có nhu cầu, từ đó tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền đồng thời giúp giảm thiểu chi phí lãi vay. Tổng Công ty đã rất thành công trong việc duy trì mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao trong những năm vừa qua, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh cũng như các dự án đầu tư theo kế hoạch.

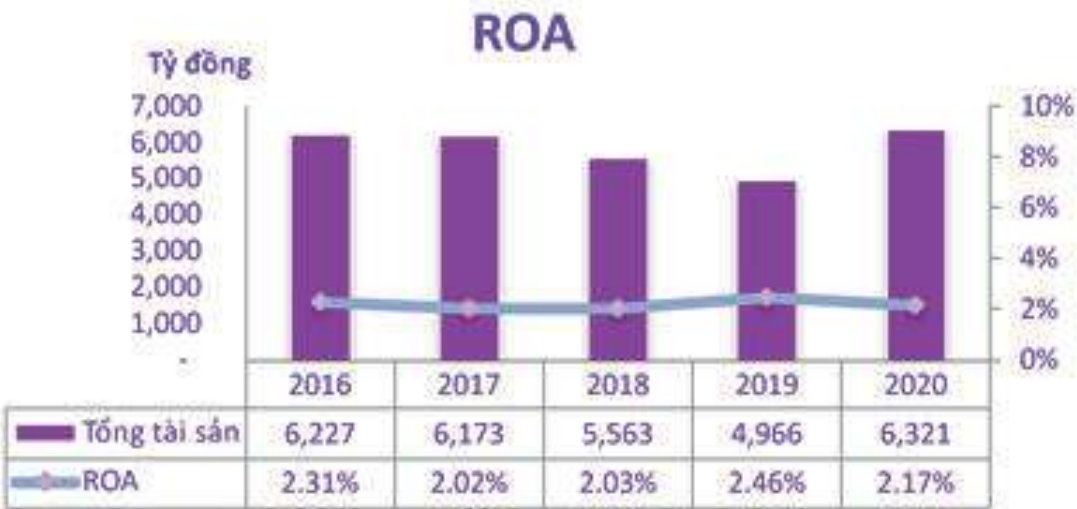
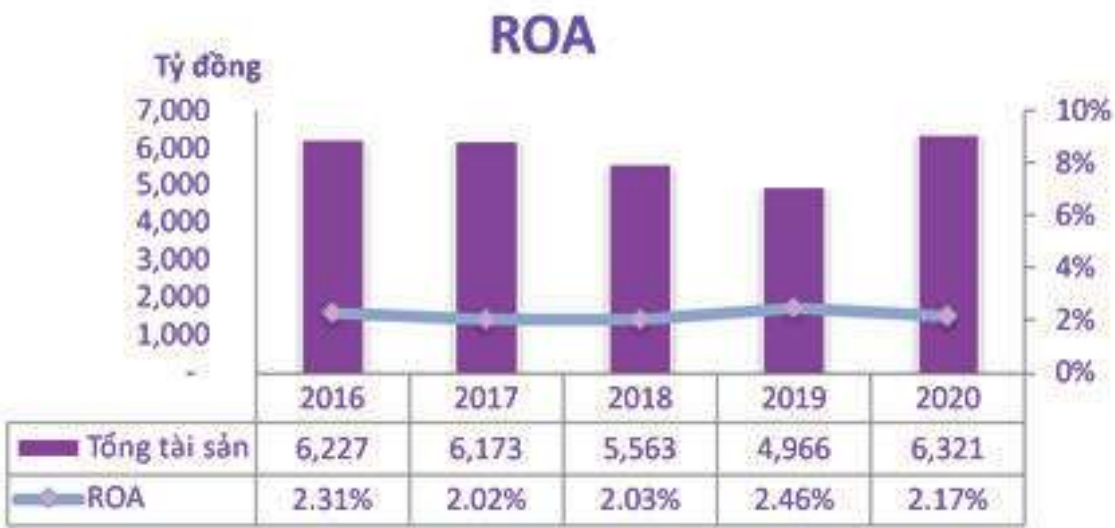
Nợ phải thu khách hàng: chiếm 33% tài sản ngắn hạn, phần lớn nằm ở 4 đơn vị thành viên hoạt động trong mảng phân phối điện thoại, thiết bị điện tử. Đối với những đơn vị có hoạt động kinh doanh phân phối, việc nợ phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản là đặc trưng chung của ngành. Năm 2020, Petrosetco thực hiện rất quyết liệt công tác quản lý và thu hồi công nợ, nhờ đó chỉ số kỳ thu tiền bình quân đạt mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

Hàng tồn kho: chiếm 15% tài sản ngắn hạn, giảm hơn một nửa so với cùng kỳ năm ngoái (31%). Chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2020 là 13,1 lần, cao nhất từ trước đến nay. Hàng tồn kho giảm đáng kể do vòng quay hàng hóa nhanh nhờ siết chặt quy trình từ khâu lên kế hoạch kinh doanh, đặt hàng đến khâu bán hàng để tối ưu hoá nguồn vốn. Đồng thời đội ngũ kinh doanh luôn bám sát thị trường, nhu cầu của khách hàng để điều chỉnh lượng tồn kho phù hợp, đặc biệt đối với nhãn hàng Apple mà Công ty vừa trở thành nhà phân phối chính thức trong năm 2020. Chính sách hàng tồn kho luôn được duy trì và quản lý chặt chẽ, đặc biệt đối với các đơn vị phân phối. Petrosetco đã nỗ lực tối ưu hóa tỷ lệ tồn kho trong năm 2020, đưa tỷ lệ hàng tồn kho trên 30 ngày xuống mức dưới 10%. Để đạt được điều đó, ban lãnh đạo PETROSETCO đã đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời điểm biến động của thị trường, tự động hóa hệ thống kho bãi và logistic, thường xuyên đánh giá, so sánh giá trị tồn kho và nhu cầu thị trường để vừa làm tốt việc quản trị rủi ro hàng tồn kho vừa tận dụng triệt để các cơ hội kinh doanh.

Nợ phải trả người bán ngắn hạn: chiếm 21% tổng nguồn vốn. Chỉ số vòng quay nợ phải trả người bán ở mức 10,1 lần (năm 2019 7,3 lần). Việc Công ty luôn duy trì chính sách thanh toán đúng hạn với nhà cung cấp nhất là trong các thời điểm khó khăn vì dịch bệnh đã khẳng định tiềm lực tài chính và uy tín của Công ty đối với thị trường.



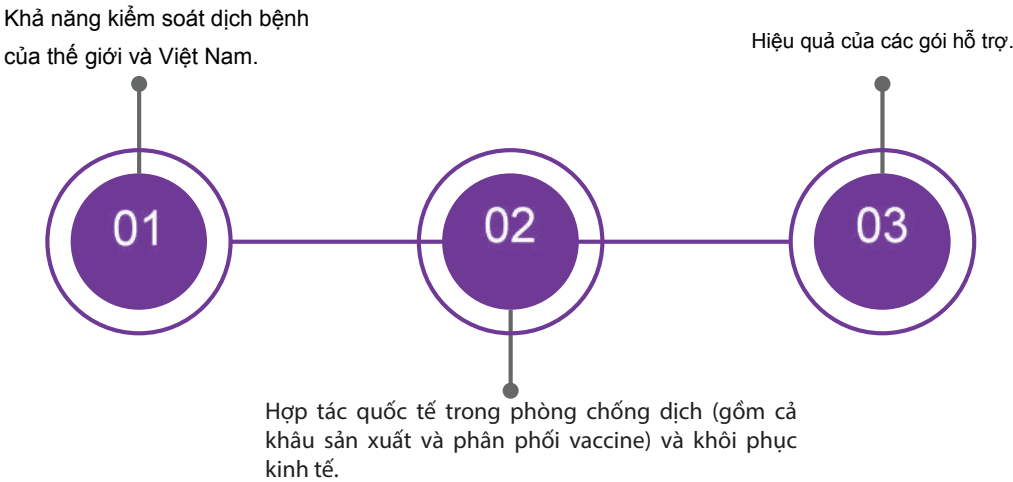
Về quản lý tài sản dài hạn: tài sản cố định và bất động sản đầu tư của PETROSETCO lần lượt chiếm 3.7% và 10.6% tổng tài sản. Chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới luôn được công ty chú trọng và duy trì để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, cũng như không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.



9. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

9.1 Tổng quan Kinh tế Việt Nam

Năm 2021, nền kinh tế của Việt Nam được dự báo sẽ phục hồi mạnh hơn tuy nhiên còn phải phụ thuộc vào 3 yếu tố sau:



Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 dự báo có thể đạt 6,5-7%, tương đồng với dự báo của các tổ chức quốc tế như nêu dưới đây:

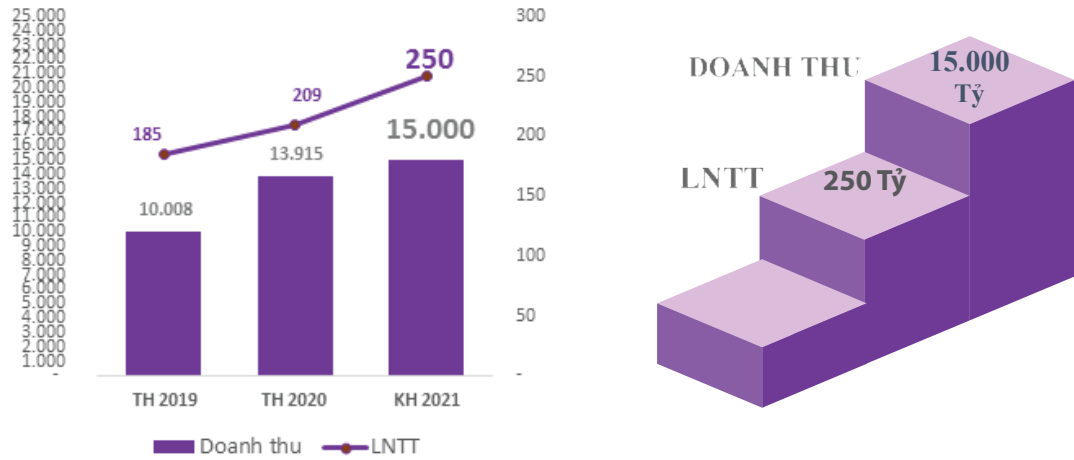
Bảng 1: Dự báo tăng trưởng và lạm phát của Việt Nam năm 2021

Tổ chức dự báo	Tăng trưởng GDP (%)	Lạm phát (%)	Thâm hụt NS/GDP (%)
ADB (12/2020)	6,3	3,5	-3,5
IMF (10/2020)	7	3,9	-
World Bank (12/2020)	6,8	3,6	-4,8
Citibank (12/2020)	7,1	3,2	-3,4
Chính phủ Việt Nam (1/2021, theo NQ 01)	6,5	Khoảng 4	<4
Viện ĐT&NC BIDV (12/2020)	6,5-7	3,5-3,7	-3,5*

Nguồn: Tổng hợp của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV, * theo GDP sau đánh giá lại.

9.2. Kế hoạch kinh doanh 2021 của Petrosetco

Với dự báo về tình hình dịch bệnh tại Việt Nam và trên thế giới đang được kiểm soát hiệu quả cũng như lượng vaccine sẽ được mang đến cho người dân trong năm 2021, giá dầu cũng từ đó tăng cao trở lại ở mức 60 USD/thùng nhờ dự báo lạc quan của nền kinh tế toàn cầu. Petrosetco đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 lạc quan hơn với doanh thu bằng 165% và Lợi nhuận trước thuế bằng 139% so với Kế hoạch năm 2020, cụ thể:



Chỉ tiêu	ĐVT: Tỷ đồng				
	KH 2020	TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ %	
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
Tổng doanh thu	9100	13,453	15.000	165%	111%
Lợi nhuận trước thuế	180	207	250	139%	121%
Lợi nhuận sau thuế	140	140	200	143%	143%
Vốn điều lệ	866	866	866	100%	100%
Tỷ lệ chia cổ tức	0.1	10%	10%	100%	100%

10. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

Để hoàn thành các mục tiêu chiến lược và kế hoạch của PETROSETCO trong năm 2021, Ban điều hành xây dựng giải pháp cụ thể như sau:

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI:

Khẳng định bản lĩnh của nhà phân phối hàng đầu tại thị trường Việt Nam. Tiếp tục tìm kiếm những thương hiệu tiềm năng, phấn đấu đưa vào phân phối hiệu quả từ 2-3 sản phẩm mới có thương hiệu, uy tín trên thị trường trong năm 2021.

Giải pháp:

Kết nối và hợp tác đóng vai trò quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Petrosetco, khi những công nghệ mới liên tục xuất hiện trên thị trường, hợp tác là điều cần thiết để nắm giữ được vị thế cạnh tranh trong kỷ nguyên công nghệ. Thường xuyên rà soát, tái cơ cấu danh mục phân phối, kiên quyết loại bỏ dứt điểm các sản phẩm có hiệu quả thấp, mang lại nhiều rủi ro cho quá trình kinh doanh. Xây dựng kế hoạch nhập hàng, kế hoạch tiêu thụ chi tiết để làm căn cứ nhập hàng. Kiểm soát tốt vòng quay hàng tồn kho để đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh. Bám sát các biến động của thị trường về giá cả, nhu cầu tiêu thụ... của các sản phẩm mà Petrosetco tham gia phân phối để điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả. Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh mảng kinh doanh Phân bón hữu cơ ở các tỉnh miền Tây, xây dựng bộ máy bán hàng hiệu quả và hỗ trợ cung cấp kỹ thuật đến nông dân, đưa ra các giải pháp tối ưu xử lý các vấn đề hạn mặn kéo dài.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN DẦU KHÍ

Tăng cường tiếp cận các công trình, dự án mới để cập nhật và nắm bắt thông tin, chuẩn bị hồ sơ thầu đạt chất lượng, đồng thời rà soát quy trình, chi phí cũng như dự báo, kiểm soát những rủi ro về tỷ giá để nâng cao hiệu quả. Nâng cao năng lực cung cấp, năng lực cạnh tranh để đẩy mạnh tham gia các gói thầu cung cấp vật tư thiết bị cho các đơn vị trong ngành và ngoài ngành. Đặc biệt, đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng mới. Phát triển thêm các dịch vụ có liên quan để hoàn thiện chuỗi dịch vụ và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt nhằm đến việc cung cấp các giải pháp, dịch vụ trọn gói thông qua việc đầu tư hoàn thiện cũng như liên kết với các đơn vị khác.

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Nâng cao chất lượng dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm để giữ vững thị phần cung cấp dịch vụ Catering trong ngành, và phát triển mạnh ra ngoài ngành. Các sản phẩm đầu vào sẽ được nghiên cứu và sàng lọc với các tiêu chí xây dựng thực đơn khác nhau tùy từng thời điểm, nhưng luôn đảm bảo đến mức cao nhất về chất lượng cho khách hàng. Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng, tiếp tục áp dụng hệ thống ISO 9001-2015 và HACCP, quản lý rủi ro, Care card nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý môi trường, ổn định và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho các khách hàng hiện có. Đối với các thị trường mới, PETROSETCO sẽ xây dựng từng nhóm sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng ngành nghề, từng thị trường để có sự tiếp cận phù hợp nhất. Song song với việc đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, vùng nguyên liệu, PETROSETCO cũng sẽ đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng.

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp tăng cường phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại các tòa nhà do đơn vị quản lý, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả các khách hàng. Chuẩn bị sẵn sàng kịch bản phân công nhiệm vụ, mức độ duy trì hệ thống, phương án ứng phó tình huống để đảm bảo chủ động nhất có thể trong mọi trường hợp. Không ngừng rà soát, nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý vận hành thông qua việc áp dụng CNTT, đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ CBCNV. Nghiên cứu cung cấp thêm các dịch vụ mới có liên quan để đa dạng hóa và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Tăng cường công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, đặt biệt hướng đến các đối tượng khách hàng chuỗi, khách hàng hệ thống như các ngân hàng, trường đại học, công ty BĐS...

Tổng quan về quản trị công ty

Trách nhiệm quản trị công ty được thực hiện bởi Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc dựa trên hệ thống quy định của pháp luật và hệ thống các quy chế quản trị nội bộ, quản trị rủi ro do Tổng Công ty ban hành trên cơ sở quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Tổng Công ty, đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, để thông qua định hướng phát triển ngắn hạn và dài hạn, báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch ngân sách cho năm tiếp theo và kế hoạch phân chia lợi nhuận hàng năm của Petrosetco.

Hội đồng quản trị Petrosetco gồm 05 thành viên. Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của Tổng Công ty, công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên, ngành nghề hoạt động của Công ty, thảo luận các vấn đề liên quan đến việc chia cổ tức, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trong năm,...

Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Tổng công ty trong năm. Trong trường hợp có thành viên nào không tham gia họp được thì phải có thông báo gửi cho HĐQT với lý do cụ thể. Biên bản họp đều được gửi tới tất cả các thành viên HĐQT để ghi nhận lại các nội dung đã họp.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ông Phùng Tuấn Hà: với chức vụ chủ tịch HĐQT, ông đã trực tiếp chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD đối với Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trực tiếp điều hành các cuộc họp của HĐQT cũng như tham dự các họp quan trọng với các đối tác, khách hàng. Đặc biệt trong giai đoạn ngành Dầu khí gặp nhiều khó khăn, ông quan tâm sát sao đến tình hình kinh doanh của các đơn vị thành viên, thường xuyên chủ trì các cuộc họp định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất đối với ban lãnh đạo, chủ động tham dự họp giao ban với các đơn vị thành viên để nắm bắt sát sao các hoạt động và có giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho đơn vị, cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh. Song song với việc định hướng quản lý, ông còn tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới giới thiệu cho các đơn vị nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, ông còn trực tiếp kiêm nhiệm chủ tịch HĐQT, trực tiếp tham gia chỉ đạo điều hành Công ty Petrosetco Vũng tàu - đơn vị đồng CBNV nhất trong Tổng Công ty nhằm mục đích cải tiến chất lượng dịch vụ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới cung cách quản lý, duy trì ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

Ông Vũ Tiến Dương: là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty, ông Vũ Tiến Dương đã tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty đúng theo kế hoạch đã đề ra. Ông cũng đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và là cầu nối quan trọng giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Ngoài việc chỉ đạo, điều hành chung, ông còn được HĐQT giao nhiệm vụ trực tiếp điều hành công ty PSD - Công ty có doanh số và lợi nhuận lớn nhất trong Tổng Công ty, đồng thời theo dõi và phát triển mảng phân phối, chú trọng mở rộng danh mục phân phối, kiểm soát tốt công nợ, hạn chế hàng tồn kho, đảm bảo hiệu quả vốn.

Bà Phạm Thị Hồng Điệp: là thành viên HĐQT kiêm nhiệm, được HĐQT giao việc quản lý, định hướng phát triển mảng kinh doanh quản lý bất động sản, bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Ngoài ra, Bà Phạm Thị Hồng Điệp đã đưa ra các ý kiến tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với công tác tổ chức, truyền thông, phát triển thương hiệu. Bà còn được giao kiêm nhiệm thành viên HĐQT công ty POTS. Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành dịch vụ quản lý Bất động sản, bà quan tâm và có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến đối với việc phát triển dịch vụ, đặc biệt là việc hoàn thiện, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ của Petrosetco.

Bà Lê Thị Chiến: là thành viên HĐQT độc lập nhưng bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Đặc biệt, Bà Lê Thị Chiến còn quan tâm và có nhiều tư vấn, đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với công tác tài chính, kế toán và kiểm toán. Công tác quản trị rủi ro cũng được Bà Chiến đặc biệt quan tâm và đã có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến có liên quan đến vấn đề này trong các cuộc họp của Tổng công ty.

Bà Vũ Việt Anh: được bầu là thành viên HĐQT độc lập của Tổng Công ty Petrosetco từ tháng 6/2020 nhiệm kỳ 2020-2025, bà Vũ Việt Anh với nền tảng và kinh nghiệm trong hoạt động SXKD trong năm qua đã giúp HĐQT giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty ra thị trường, tạo nhiều cơ hội hợp tác giữa Tổng Công ty với các đối tác uy tín trên thị trường Việt Nam.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Petrosetco luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến quản trị công ty, công bố thông tin, bao gồm:

- Luật doanh nghiệp 2020
- Luật chứng khoán 2019
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về việc quản trị công ty và thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng

Năm 2020, Petrosetco đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn về tình hình hoạt động của Tổng Công ty cho các cổ đông, cơ quan quản lý Nhà nước và các bên liên quan một cách minh bạch, chính xác, kịp thời. Thông qua đó, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo đầy đủ và bình đẳng.

Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác

Thù lao cho HĐQT năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty phê duyệt. Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vào các loại sau: (1) Tiền lương, (2) Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động SXKD, (3) Thù lao HĐQT. Tổng Công ty đã phân bổ các khoản như sau:

Thành viên HĐQT	Lương	Tiền thưởng dựa trên KQ HĐ SXKD	Thù lao HĐQT
Thành viên chuyên trách			
Ông Phùng Tuấn Hà	64,15%	35,85%	0%
Thành viên không chuyên trách			
Ông Vũ Tiến Dương (TV HĐQT kiêm TGD)	79,83%	10,91%	9,26%
Bà Phạm Thị Hồng Điệp (TV HĐQT kiêm P. TGD)	0%	0%	100%
Bà Lê Thị Chiến	75,19%	24,81%	0%
Bà Vũ Việt Anh	0%	0%	100%

Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn cho toàn cảnh nền kinh tế nói chung và các lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bởi đại dịch toàn cầu - Covid. Vừa bị ảnh hưởng bởi tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu, sản xuất, vận chuyển cho chuỗi cung ứng dầu vào, kèm theo việc thực hiện theo chỉ thị giãn cách xã hội của Chính phủ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh doanh, phục vụ hậu cần,... thị trường đầu ra. Tuy nhiên, với nỗ lực quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và điều hành công ty theo đúng định hướng đề ra bởi HĐQT của Ban Tổng Giám đốc, kết quả kinh doanh năm 2020 có sự tăng trưởng tích cực so với năm 2019 và kết quả mang lại cho thầy sự đúng đắn trong định hướng này.

Ban tổng giám đốc Tổng Công ty đã triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng tinh thần được giao. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc được phân công, phân nhiệm rõ ràng. Định kỳ ban Tổng Giám đốc thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên thông qua các ban chức năng nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

PETROSETCO luôn đảm bảo tính tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản trị công ty, công tác công bố thông tin theo hướng dẫn bao gồm nhưng không giới hạn bởi các văn bản điển hình như sau:

- Luật doanh nghiệp 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020.
- Luật chứng khoán 2006 và luật sửa đổi bổ sung năm 2010.
- Nghị định số 71/NĐ-CP về việc hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC và Thông tư 96/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2020, PETROSETCO đã chấp hành đúng các quy định về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn về tình hình hoạt động của công ty cho các cổ đông, cơ quan quản lý Nhà nước và các bên liên quan một cách minh bạch, chính xác, kịp thời. Thông qua đó, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo đầy đủ và bình đẳng.

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Các Thành viên Ban KTNB làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng; Duy trì mối quan hệ công tác và phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng của PETROSETCO. Các thành viên của Ban Kiểm soát được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch phân công công việc cho mỗi thành viên, trong quá trình làm việc, các thành viên luôn trao đổi công việc và phối hợp chặt chẽ với nhau để hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Trong năm 2020 Ban KTNB đã thực hiện việc rà soát, kiểm tra các quy định, quy chế, quy trình hoạt động nội bộ đặc biệt là đánh giá các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh phân phối- mảng kinh doanh chủ đạo của Tổng Công ty, từ đó có đề xuất với Hội đồng quản trị thay đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Ban KTNB đã thực hiện việc cung cấp thông tin, đánh giá đầy đủ về tình hình hoạt động kinh doanh, các mảng hoạt động của Công ty, những rủi ro trong hoạt động kinh doanh cho HĐQT.

Ban KTNB đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính, thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2020 của PETROSETCO và đánh giá như sau :

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Báo cáo tài chính của PETROSETCO đã được kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC) đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định theo đúng các qui định hiện hành.

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2020

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-DVTHDK	02/01/2020	Về việc Công tác cán bộ tại Công ty PSA
2	02/NQ-DVTHDK	03/01/2020	Về việc Công tác cán bộ chấp thuận thôi giữ chức vụ UV HĐQT Tổng Công ty CP DV TH Dầu khí đối với Ông Kim Kang Ho
3	02A/NQ-DVTHDK	03/01/2020	Về việc công tác cán bộ tại Công ty TNHH nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay
4	03/NQ-DVTHDK	16/01/2020	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền trung được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt nam – Chi nhánh Đà Nẵng.
5	04/ NQ-DVTHDK	16/01/2020	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh 7 TP HCM

6	05/NQ-DVTHDK	16/01/2020	Về việc bảo lãnh thanh toán hợp đồng mua ống chống và mua dịch vụ tiện ren cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí với Sumitomo Singapore và Sumitomo Việt Nam
7	06/NQ-DVTHDK	06/02/2020	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam- Chi nhánh HCM
8	07/NQ-DVTHDK	25/02/2020	Về việc điều chỉnh hạn mức bảo lãnh thanh toán cho Smartcom thực hiện hợp đồng Zebra Technologies Asia Pacific PTE.LTD
9	08/NQ-DVTHDK	27/02/2020	Về việc Thanh toán cho Công ty CP DV Phân phối Tổng hợp Dầu khí thực hiện hợp đồng với CT TNHH Samsung Electronics VN CN TP HCM
10	10/NQ-DVTHDK	13/03/20	Về việc bảo lãnh thanh toán cho công ty CP Hội tụ Thông minh theo HĐ mua thiết bị hội nghị truyền hình Aver VB342 + Người thụ hưởng công ty TNHH Aver information VN
11	11/NQ-DVTHDK	16/03/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP TM DV Dầu khí miền trung được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Quảng Ngãi.
12	11A/NQ-DVTHDK	17/03/20	Về việc đề nghị bổ nhiệm lại Tổng giám đốc PETROSETCO
13	12/NQ-DVTHDK	19/03/20	Về việc hoãn tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020
14	13/NQ-DVTHDK	23/03/20	Về việc cơ cấu tổ chức và nhân sự tại cơ quan Văn phòng TCT
15	14/NQ-DVTHDK	31/03/20	Về việc thông qua mua cổ phiếu quỹ
16	15/NQ-DVTHDK	01/04/20	Về việc Cấp hạn mức tín dụng của Tổng Công ty CP DV TH Dầu khí tại NH TMCP công thương VN CN 7

17	16/NQ-DVTHDK	17/04/20	Về việc điều chỉnh thời hạn bảo lãnh cho Công ty CP TM và DV Dầu khí biển tại Ngân Hàng TMCP Công thương VN CN 7
18	17/NQ-DVTHDK	29/04/20	Về việc Công tác nhân sự tại PSD.
19	18/NQ-DVTHDK	29/04/20	Về việc Công tác nhân sự tại PHTD
20	19/NQ-DVTHDK	29/04/20	Về việc Công tác nhân sự tại PSV.
21	20/NQ-DVTHDK	04/05/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần DV Phân phối Tổng hợp Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – CN HCM
22	22/NQ-DVTHDK	26/06/02	Về việc cấp Hạn mức tín dụng của Tổng Công ty cổ phần dịch Tổng hợp Dầu khí tại NHTMCP Công thương VN CN 7
23	23/NQ-DVTHDK	26/06/20	Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020
24	24/NQ-DVTHDK	30/06/20	Về việc ban hành quy chế và quy trình tổ chức và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ
25	25 /NQ-DVTHDK	06/07/20	Về việc lựa chọn công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt nam kiểm toán BCTC năm 2020
26	25A/NQ-DVTHDK	06/07/20	Về việc Công tác cán bộ tại Smartcom.
27	26/NQ-DVTHDK	10/07/20	Về việc cấp hạn mức tín dụng cho Tổng Công ty CP DV TH DK tại NHTMCP Á Châu CN Tân Thuận
28	27/NQ-DVTHDK	15/07/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP DV Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD) được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Thạnh
29	27A/NQ- DVTHDK	27/07/20	Về việc chi cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt
30	28/NQ-DVTHDK	28/07/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP DV PP Tổng hợp Dầu khí (PSD) được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài gòn

31	29/NQ-DVTHDK	05/08/20	Về việc cấp hạn mức tín dụng cho Tổng Công ty CP DV TH DK (PETROSETCO) tại NHTMCP Quân đội CN Sài Gòn
32	30/NQ-DVTHDK	12/08/20	Về việc cấp hạn mức tín dụng cho Tổng Công ty CP DV TH DK((PETROSETCO) tại NHTMCP Quân đội CN Sài Gòn
33	31/NQ-DVTHDK	24/08/20	Về việc cấp hạn mức tín dụng cho Tổng Công ty CP DV TH DK (PETROSETCO) tại NHTMCP Ngoại thương Việt nam CN HCM
34	32/NQ-DVTHDK	31/08/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP TM và DV Dầu khí biển (POTS) được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam –CN HCM
35	33/NQ-DVTHDK	31/08/20	Về việc Công tác tại Công ty CP DV Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)
36	34/NQ-DVTHDK	18/09/20	Về việc bảo lãnh và cam kết hỗ trợ tài chính cho công ty CP TM và DV Dầu khí Biển được cấp hạn mức cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN CN HCM
37	35/NQ-DVTHDK	22/09/20	Về việc cấp hạn mức tín dụng tại NH TNHH MTV HSBC Việt Nam - CN METROPOLITAN
38	35A/NQ-DVTHDK	30/09/20	Về việc công tác cán bộ tại Công ty CP TM DV Dầu khí Miền trung
39	36/NQ-DVTHDK	01/10/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP Điện tử Điện lạnh Bình Minh được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương VN CN 07 HCM
40	36A/NQ-DVTHDK	01/10/20	Về việc không tính chi phí lãi vay sử dụng vốn năm 2020 cho Công ty CP Hội tụ Thông minh (Smartcom)
41	37/NQ-DVTHDK	15/10/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP Phân phối SP CN Cao Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Công thương VN CN 7

42	38/NQ-DVTHDK	15/10/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP Phân phối SP CN Cao Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài Gòn
43	39/NQ-DVTHDK	27/10/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP TM và DV Dầu khí biển (POTS) được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN CN 7 TP HCM
44	40/NQ-DVTHDK	13/11/20	Về việc Công tác Cán bộ tại Công ty CP DV Logistic Dầu khí VN
45	41/NQ-DVTHDK	18/11/20	Về việc điều chỉnh hạn mức cấp tín dụng của Tổng Công ty CP DV TH dầu khí (PETROSETCO) tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN CN HCM
46	42/NQ-DVTHDK	20/11/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP TM và DV Dầu khí Biển (POTS) được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài Gòn
47	43/NQ-DVTHDK	01/12/20	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP Phân phối SP Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD) được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam cn HCM
48	44/NQ-DVTHDK	01/12/20	Về việc giới thiệu Nhân sự bổ nhiệm lại cán bộ quản lý PETROSETCO
49	45/NQ-DVTHDK	07/12/20	Về việc bảo lãnh CTCP DV Logistic Dầu khí VN (PSL) thực hiện hợp đồng cung cấp DV NS,chuyên gia DA Đại Hùng, giai đoạn 3, Lô 05-1A cho CT PVEP POC
50	46/NQ-DVTHDK	09/12/20	Về việc bảo lãnh thanh toán cho Công ty CP DV Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD) tại CT TNHH Samsung Electronics VN CN HCM
51	48/NQ-DVTHDK	30/12/20	Về việc bảo lãnh CTCP DV Logistic Dầu khí VN (PSL) được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Đại chúng Việt nam CN HCM

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Niên độ tài chính 2019 – 2020 vừa qua được đánh giá là một năm của những biến động chưa từng có không chỉ đối với PETROSETCO nói riêng mà còn đối với cả nền kinh tế nói chung khi chúng ta đang chịu những tác động vô cùng to lớn từ đại dịch Covid-19. Trên thực tế, đại dịch Covid-19 đang gây ra một cuộc khủng hoảng toàn cầu chưa từng có tiền lệ, hầu khắp các quốc gia, các lĩnh vực đều bị cuốn vào, với các biện pháp cách ly, giãn cách xã hội kéo dài đến hiện nay. Bên cạnh đó giá dầu thế giới sụt giảm mạnh, thậm chí có những thời điểm giá dầu về mức âm ảnh hưởng nặng nề lên các doanh nghiệp trong ngành dầu khí. Trong bối cảnh đó, hệ thống quản trị rủi ro của PETROSETCO đã chủ động ứng biến kịp thời, chủ động đưa ra những kế hoạch ứng phó với những biến động, kết hợp hài hòa giữa quản trị rủi ro với mục tiêu phát triển của Công ty và nắm bắt những cơ hội đầu tư tương lai.

Hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) tại PETROSETCO được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu sau đây:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hỗ trợ chiến lược phát triển kinh doanh thông qua việc triển khai các quy trình, công cụ và kỹ thuật QTRR hiệu quả và nhất quán trong toàn Tổng công ty.
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tổng công ty.

Cơ hội trong rủi ro là quan điểm của PETROSETCO. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro mà cần phải phân tích tường tận rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng công ty. Nhờ đó, PETROSETCO chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng, có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

Hoạt động QTRR được thực hiện xuyên suốt từ HĐQT đến các phòng ban chức năng của Tổng công ty nhằm kịp thời phát hiện những rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

Bộ phận	Vai trò Quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR - Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức - Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép - Ban hành Quy chế, chính sách và phương pháp QTRR nhằm xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu - Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy QTRR.
Ban Tổng giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động QTRR được thực hiện phù hợp với chiến lược và chính sách QTRR.
Bộ phận quản trị rủi ro	Phối hợp với các ban khác thực hiện QTRR bằng việc sử dụng các công cụ, hạn mức rủi ro và quy trình QTRR. Rà soát hệ thống QTRR, xem xét những điểm còn hạn chế cần bổ sung và đề xuất với HĐQT hoàn thiện hệ thống QTRR.
Các ban chức năng	Thực hiện QTRR theo các quy định đã được ban hành. Đề xuất các điều chỉnh với bộ phận QTRR nếu phát hiện các hạn chế.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song hành có sự kiểm tra, giám sát từ các bộ phận kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2020

PETROSETCO luôn coi quản trị rủi ro như là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược phát triển. Hoạt động QTRR được phân loại theo từng nhóm rủi ro để từ đó đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro cũng như tiếp tục hoàn thiện các quy trình QTRR cho toàn bộ hệ thống, phù hợp với chiến lược QTRR của Tổng công ty. Ngoài ra, để tăng cường nhận thức về QTRR đến với từng cán bộ trong Tổng công ty, hằng năm, PETROSETCO đều tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo và truyền thông về các rủi ro mới, các thay đổi về môi trường pháp lý, luật pháp cho Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về kinh tế vĩ mô	Rủi ro vĩ mô có thể được gây ra bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội hoặc các biến cố xảy ra nằm ngoài sự kiểm soát của doanh nghiệp.	• Thành lập các bộ phận chuyên môn giám sát môi trường kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc các xu hướng kinh tế vĩ mô tương lai cũng như tác động đối với các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu để từ đó ban lãnh đạo có thể đưa ra các quyết sách, chiến lược phù hợp. • Theo dõi, cập nhật kịp thời định hướng, chính sách lớn của Chính phủ cũng như tình hình chính trị, xã hội trong và ngoài nước.
Rủi ro về cạnh tranh	Xu hướng nhập hàng trực tiếp từ các chuỗi bán lẻ lớn và rào cản gia nhập ngành thấp đối với các lĩnh vực PETROSETCO đang hoạt động	• Ban lãnh đạo PETROSETCO chú trọng xây dựng hoạch định chiến lược và mô hình kinh doanh linh hoạt để có thể thích ứng nhanh, tồn tại và phát triển trước áp lực cạnh tranh cao trên thị trường. • Liên tục tìm kiếm các nhà cung cấp mới, sản phẩm mới, thực hiện M&A để mở rộng ngành hàng phân phối sang các lĩnh vực mới, cũng như cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ để tối ưu hóa việc vận hành và tối ưu hóa chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại.
Rủi ro truyền thông	Các thông tin về doanh nghiệp được công bố không chính xác, không kịp thời ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của Công ty.	• Cập nhật và tuân thủ chính sách công bố thông tin đối với các công ty niêm yết. • Giám sát, theo dõi các thông tin của Công ty được chia sẻ trên các phương tiện truyền thông và xây dựng quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông.
Rủi ro nguồn nhân lực	Chất lượng nhân sự không đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, không có nhân sự kế thừa đủ năng lực hoặc nhân sự bị thu hút bởi các đối thủ cạnh tranh.	• Xây dựng chương trình đào tạo nhân sự phù hợp với nguyện vọng và năng lực của từng CB CNV. • Coi nhân sự là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp. Có chính sách phúc lợi và khen thưởng phù hợp, cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân tài.

Rủi ro Hoạt động

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro hàng tồn kho	Vòng đời của các sản phẩm điện tử ngày càng bị rút ngắn do sự cạnh tranh và cải tiến liên tục từ các nhà hàng. Doanh nghiệp ngày càng gặp thách thức trong việc quyết định lượng tồn kho phù hợp đối với mỗi mặt hàng trong mỗi thời điểm khác nhau.	- Luôn luôn theo dõi sát sao, cập nhật tình hình hàng tồn kho hàng tuần từ các đơn vị từ đó kịp thời ra các quyết định chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị trong việc xử lý hàng hóa. - Liên tục tự động hóa hệ thống kho bãi nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và giảm thiểu nguy cơ thất thoát hàng hóa
Rủi ro thu hồi công nợ	Danh sách khách hàng của PETROSETCO đã lên đến hàng ngàn, rộng khắp cả nước, không ngừng gia tăng và phát sinh công nợ thường xuyên.	- Tuân thủ nghiêm ngặt quy chế tài chính và quản lý công nợ, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý công nợ đối với các Đơn vị thành viên. - Tiến hành mua bảo hiểm công nợ cho các khách hàng lớn, thường xuyên cập nhật và đánh giá khả năng tài chính của từng khách hàng.
Rủi ro hệ thống thông tin và quản trị dữ liệu	Những rủi ro về mặt hệ thống như lộ thông tin, thay đổi, mất mát dữ liệu ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.	- Tăng cường đầu tư hệ thống và giải pháp an toàn thông tin nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Công ty. - Đào tạo, nâng cao nhận thức và năng lực vận dụng hệ thống thông tin quản lý đối với người lao động.
Rủi ro kiểm soát chi phí	Với lĩnh vực kinh doanh đa dạng, mô hình kinh doanh linh hoạt theo từng ngành nghề và hệ thống triển khai rộng khắp cả nước. Bài toán sử dụng hợp lý chi phí luôn được PETROSETCO đặc biệt quan tâm	- Công ty duy trì hoạt động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong suốt nhiều năm trở lại đây, có cơ chế kiểm tra, đánh giá và khen thưởng phù hợp. - Xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình về bán hàng, mua hàng, triển khai hợp đồng, sử dụng nguồn lực,... để hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động - Xây dựng phần mềm tự động hóa các khâu kiểm soát để nâng cao hiệu quả quản trị.

Rủi ro Tài chính

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro cân đối dòng tiền và tính thanh khoản	Rủi ro mất cân đối dòng tiền sẽ khiến cho công ty gặp khó khăn trong việc kiểm soát khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, thiếu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh và từ đó ảnh hưởng đến uy tín và kết quả kinh doanh của công ty.	- PETROSETCO đặc biệt quan tâm trong việc lập kế hoạch chi tiết về nhu cầu vốn, thanh toán phát sinh theo ngày, tuần, tháng,... cũng như cân đối dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, từ đó có kế hoạch kịp thời nhằm bảo đảm nguồn vốn phục vụ cho kinh doanh và hoạt động đầu tư, tăng cường tính thanh khoản cho Tổng công ty. - PETROSETCO còn sử dụng hệ thống tài khoản trung tâm, thực hiện việc điều tiết dòng tiền giữa các đơn vị thành viên nhằm giúp cho nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, đạt được tối đa lợi nhuận đồng thời giảm thiểu chi phí tài chính.
Rủi ro lãi suất	Với đặc thù kinh doanh thương mại và phân phối chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh, PETROSETCO luôn phải duy trì số tiền vay rất lớn, hầu hết trong số đó là các khoản vay ngắn hạn nhằm phục vụ nhu cầu vốn lưu động.	- PETROSETCO luôn cố gắng kết hợp nguồn vốn vay và vốn tự có một cách linh hoạt để điều phối vốn cho các đơn vị thành viên khi có nhu cầu và sử dụng vốn một cách hiệu quả, hợp lý nhất. Bộ phận tài chính kế toán của PETROSETCO chủ động làm việc với nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng để có thể huy động được nguồn vốn với chi phí hợp lý nhất. - Mặc dù tỷ lệ nợ phải trả cao, nhưng PETROSETCO không ngừng tìm cách giảm sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay, thể hiện qua tỷ lệ nợ phải trả giảm dần qua từng năm. Bên cạnh đó, trong các năm gần đây PETROSETCO đã rất thành công trong việc huy động vốn với mức lãi vay hợp lý, giúp tiết kiệm được chi phí lãi vay.
Rủi ro tỷ giá	Tất cả các hoạt động kinh doanh của PETROSETCO hầu như đều liên quan đến mua bán với đối tác nước ngoài. Do đó, ảnh hưởng của biến động tỷ giá luôn là quan tâm hàng đầu của Tổng công ty.	- PETROSETCO luôn xây dựng chi tiết kế hoạch, thời gian thực hiện và thời hạn thanh toán các hợp đồng ngoại tệ để cân đối ngoại tệ cho phù hợp, kết hợp với việc sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá (hedging) thông qua các hợp đồng phái sinh (kỳ hạn, tương lai). - Với các biện pháp linh hoạt và nhanh nhạy trong việc nắm bắt các tín hiệu biến động tỷ giá, trong những năm vừa qua ảnh hưởng cho biến động tỷ giá hối đoái đối với PETROSETCO không đáng kể và luôn trong tầm kiểm soát.

Rủi ro tuân thủ

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro tuân thủ quy định công ty	Rủi ro về tuân thủ các quy định có liên quan trực tiếp đến những sự cố và sai sót trong quá trình hoạt động, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.	- PETROSETCO đã thành lập Ban kiểm soát tại từng đơn vị thành viên nhằm thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy trình, quy trình nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện theo hình thức định kỳ và đột xuất tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát được báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành, từ đó giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thay đổi của luật và tình hình sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro. - PETROSETCO cũng tiến hành nghiên cứu và liên tục cập nhật các chính sách tài chính, thuế có liên quan để áp dụng phù hợp với tình hình của Tổng công ty, nhằm tăng cường hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty trong khi vẫn đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với ngân sách Nhà nước.

Với đặc thù của các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các hoạt động trên các vùng biển xa bờ, thời tiết khắc nghiệt cũng như như các điều kiện làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, công tác Sức khỏe - An toàn - Môi trường - Chất lượng (HSEQ) luôn được các cấp lãnh đạo và người lao động nhận thức sâu sắc, thực hiện nghiêm túc và là một trong những ưu tiên hàng đầu cùng với các kế hoạch phát triển kinh doanh. Petrosetco luôn chú trọng và triển khai trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc của người lao động đảm bảo năng suất, hiệu quả và an toàn; thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm cung ứng. Trong năm 2020, Petrosetco không để xảy ra sự cố về an toàn lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm một cách tuyệt đối. Công tác HSEQ được thực hiện tốt đã góp phần xây dựng, tạo sự tin tưởng trong khách hàng, duy trì và nâng cao hình ảnh chất lượng dịch vụ của Petrosetco theo phương châm "Chuyên tay, chuyên tâm".

Các chỉ số cơ bản về An toàn, Sức khỏe, Môi trường

1. Tổng số giờ công hoạt động an toàn của CBNV: 5.898.186 giờ

2. Đào tạo về công tác HSEQ

Petrosetco luôn chú trọng thực hiện các chương trình đào tạo xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cho việc đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng cho công việc như đào tạo nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy, An toàn vệ sinh thực phẩm, Đào tạo Fosiet, An toàn lao động, An toàn Điện, Ứng cứu tình huống khẩn cấp,... Trong năm 2020, Tổng công ty thực hiện đào tạo mới và đào tạo lại về HSEQ cho trên 4.500 lượt cán bộ công nhân viên.

3. Kiểm tra/ giám sát về HSEQ và kiểm soát HSEQ đối với các nhà thầu phụ

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được bảo hành, bảo trì và vận hành, đạt hệ số an toàn và được kiểm định theo đúng yêu cầu. Tổng Công ty thực hiện chỉ đạo các Công ty kiểm soát chất lượng, phương thức vận hành đảm bảo theo đúng quy định và định kỳ kiểm tra 01 lần/năm đối với các nhà thầu phụ về HSEQ.

4. Quản lý y tế và An toàn vệ sinh thực phẩm

Với dịch vụ cung cấp suất ăn Catering, công tác quản lý, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm được Petrosetco xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đảm bảo hình ảnh và uy tín của Tổng công ty. Toàn bộ nguyên liệu thực phẩm đầu vào đảm bảo tất cả được giám sát chặt chẽ từ xuất xứ, quá trình vận chuyển và lưu trữ; chế biến thực phẩm được tuân thủ tích hợp theo quy trình kiểm soát chất lượng thực phẩm HACCP 9001-2003 và tiêu chuẩn ISO 9001:2008 dành cho nhà cung cấp thực phẩm an toàn do TUV chứng nhận. Bên cạnh đó các đơn vị cung cấp dịch vụ Catering như Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu đã tiến hành xây dựng các mô hình trồng rau sạch theo chuẩn Vietgap để sử dụng trực tiếp.

Hàng năm, Petrosetco thực hiện khám sức khỏe định kỳ người lao động. Đối với các lao động đặc thù trên biển, người lao động được thực hiện các chương trình giám sát sức khỏe theo yêu cầu của các khách hàng như Vietsop-etro. Người lao động làm việc trong các môi trường độc hại được khám tầm soát sức khỏe và được hỗ trợ các phụ cấp độc hại theo quy định.



5. An toàn, Môi trường và Quản lý chất thải

Năm 2020, Petrosetco đã thực hiện duy trì hợp đồng với các đơn vị môi trường tại các địa phương có đơn vị hoạt động trong việc xử lý chất thải nguy hại, xử lý rác thải và nước thải. Công tác kiểm tra đo đạc môi trường xung quanh các tòa nhà và văn phòng được thực hiện định kỳ theo quy định với các chỉ tiêu về không khí, nước và tiếng ồn đều nằm trong các định mức quy chuẩn.

Petrosetco đang thực hiện vận hành và quản lý các tòa nhà trải dài trên nhiều nơi. Công tác Phòng chống cháy nổ và ứng cứu tình huống khẩn cấp được thực hiện diễn tập hàng năm với các phương án phòng chống cháy nổ được tư vấn của các cơ quan chuyên ngành, sự phối hợp của các lực lượng chức năng địa phương và các khách hàng tại các tòa nhà, cùng với việc diễn tập thường xuyên của liên quân các lực lượng ban ngành hữu quan. Đảm bảo chủ động trước mọi tình huống, hạn chế tối đa thiệt hại trong tình huống xấu nhất.



Với phương châm “**Minh bạch – Đầy đủ - Chính xác**” nhằm tối đa hóa lợi ích cổ đông, PETROSETCO tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, luôn chủ động chia sẻ thông tin và tích cực tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư.

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, PETROSETCO luôn tuân thủ quy trình công bố thông tin (CBTT) và thực hiện việc CBTT đầy đủ, chính xác, kịp thời tất cả các vấn đề quan trọng và có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính. Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư là đơn vị đầu mối tiếp nhận và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, thư điện tử hay sắp xếp gặp mặt trực tiếp. Các cuộc họp (trực tiếp hoặc qua điện đàm) với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quỹ trong và ngoài nước đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, thông qua đó giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động. Các thông tin cập nhật về kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý được gửi tới email những nhà đầu tư có nhu cầu tìm hiểu và đầu tư. Đồng thời, trang thông tin điện tử tại địa chỉ www.petrosetco.com.vn chính là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp nhà đầu tư có thể tìm thấy toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v... giúp nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm hiểu và tra cứu với các dữ liệu từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được PETROSETCO chú trọng hàng đầu. Đa dạng hóa các kênh giao tiếp với nhà đầu tư, thông qua các cuộc gặp gỡ trực tiếp, cổng thông tin điện tử, email, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc hội thảo đầu tư để tạo điều kiện cho tất cả các cổ đông đều được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư. Đặc biệt, việc công bố thông tin song song 2 ngôn ngữ Việt – Anh đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin giữa các cổ đông trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho Cổ đông, trong nhiều năm liên tiếp, PETROSETCO luôn thực hiện tốt việc chi trả cổ tức theo mức đã được ĐHĐCĐ thông qua với mức từ 10% trở lên.

BẢO ĐẢM QUYỀN LỜI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là tài sản lớn nhất của Petrosetco, vì vậy chúng tôi luôn ghi nhận và hiện thực hóa những nỗ lực và đóng góp của CBCNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Petrosetco luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động. Năm 2020 Petrosetco đã đảm bảo công việc làm cho người lao động toàn Tổng công ty, không để xảy ra trường hợp người lao động nghỉ việc, không có việc làm.

Petrosetco đảm bảo quyền tự do tham gia các hoạt động công đoàn của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức công đoàn hoạt động theo Luật Công đoàn và Bộ luật lao động. Toàn bộ người lao động tại Petrosetco tham gia các Thỏa ước lao động tập thể ở các cấp. Quyền lợi của người lao động được cụ thể hóa qua các chế độ, chính sách sau:

1. Chế độ đãi ngộ:

- Lương gồm: Lương sản xuất kinh doanh (12 tháng), lương tháng thứ 13 và được thưởng vào dịp thành lập Petrosetco, Lễ, Tết.
- Chế độ hỗ trợ: Chi phí đi lại, chi phí điện thoại, Phụ cấp ăn ca, Phụ cấp độc hại, Phụ cấp kiêm nhiệm, Công tác phí đi công tác trong và ngoài nước...
- Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc. Các thành tích luôn được ghi nhận, khen thưởng kịp thời, công bằng, minh bạch với các phần thưởng có giá trị về tinh thần lẫn vật chất.

2. Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung cho người lao động do pháp luật quy định, Petrosetco xây dựng các chế độ phúc lợi ưu đãi với mục đích chăm sóc toàn diện cho người lao động để yên tâm công tác làm việc, cụ thể như sau:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Toàn thể CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần tại các cơ sở y tế do Petrosetco chỉ định và được Tổng Công ty đài thọ 100% chi phí khám sức khỏe.
- Chế độ bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước, tất cả CBCNV ký hợp đồng chính thức được Petrosetco mua gói Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện.
- Chế độ cho nữ CBCNV nghỉ thai sản: được hưởng thấp nhất từ 1 triệu đồng/tháng/người và hưởng đầy đủ quyền lợi theo chế độ thai sản quy định tại Luật bảo hiểm xã hội hiện hành.
- Chế độ hưu trí và tử tuất: được hưởng mức từ 5-20 triệu đồng tùy theo thâm niên làm việc.

3. Chính sách đào tạo:

Tất cả CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được cử đi đào tạo/tập huấn theo nhu cầu công việc tối thiểu 1 lần/năm.

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm xã hội

Để công ty phát triển trường tồn, ngoài việc chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ hiện tại, Petrosetco còn có trách nhiệm và hành động cụ thể để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Petrosetco luôn khuyến khích mỗi cán bộ công nhân viên thực hiện và sẽ chia sẻ những nghĩa cử tốt đẹp bằng những hành động thiết thực, đồng hành cùng Tổng Công ty trong các hoạt động thiện nguyện và xây dựng cộng đồng qua việc đóng góp tài chính và tham gia trực tiếp vào các hoạt động thiện nguyện. Với cách thực hiện như vậy, trong năm 2019 Petrosetco đã chỉ cho các hoạt động thiện nguyện/cộng đồng như sau:

- Tổng Công ty hỗ trợ mỗi CBCNV 1 triệu đồng cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, tổng số 2,2 tỷ đồng;
- Tổ chức quyên góp hơn 500 triệu đồng ủng hộ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn và các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19:
 - + Hỗ trợ 138 triệu cho CBCNV Tổng Công ty có hoàn cảnh khó khăn;
 - + Thăm & tặng quà 300 hộ nghèo và NLĐ khó khăn tại Quận 4 và Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh với giá trị 133 triệu đồng;
 - + Thăm & tặng quà gần 100 bệnh nhân tại BV Nhi Đồng 2, BV Ung bướu và BV 175 giá trị 130 triệu đồng
 - + Công ty PSA và PSV hỗ trợ gần 2000 suất ăn cho y bác sỹ tuyến đầu chống dịch tại bệnh viện Thủ Đức và sinh viên trường ĐH Bách Khoa Tp. HCM



HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ XÃ HỘI

- Tổ chức ATM gạo hỗ trợ 12 tấn gạo cho gần 1000 hộ dân nghèo tại HCM, Bình Thuận và Vũng Tàu;
- Quyên góp 1,3 tỷ đồng ủng hộ cho CBCNV PETROSETCO và tứ thân phụ mẫu, người dân các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình và Quảng Trị bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão, lũ.
- Thăm và tặng quà cho 7 Nữ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo trong Tổng Công ty với số tiền 19 triệu đồng. Nhiều trường hợp NLĐ bị ốm nặng, bệnh hiểm nghèo (ung thư) được hỗ trợ mức từ 3-10 triệu nhằm chia sẻ một phần khó khăn với người lao động.
- Tổ chức trung thu cho 200 trẻ em nghèo tại xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, Tỉnh BR-VT



HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động bảo vệ môi trường

Petrosetco luôn tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cụ thể:

Xây dựng văn phòng làm việc thân thiện với môi trường: Petrosetco luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Tổng Công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBCNV.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường: Petrosetco thường xuyên thực hiện các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong CBCNV:

+ Hưởng ứng chiến dịch giờ trái đất.

+Thực hiện việc điều tiết điện, nước phù hợp với thời tiết và hoạt động toàn bộ tòa nhà/văn phòng làm việc.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của toàn thể CBCNV.

+ Tuyên truyền, khuyến khích CBCNV đi bằng cầu thang bộ và hạn chế sử dụng thang máy.





THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, ngày 29 tháng 9 năm 2006, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18, ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Tuấn Hà Bà Lê Thị Chiến Ông Vũ Tiến Dương Bà Phạm Thị Hồng Điệp Bà Vũ Việt Anh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 6 năm 2020)
	Ông Kim Kang Ho	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 3 tháng 1 năm 2020)
Ban Kiểm toán nội bộ	Bà Nguyễn Quỳnh Như	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020)
	Ông Lê Minh Kha	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 9 tháng 5 năm 2020)
	Ông Trần Công Luận	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 6 năm 2020)
	Ông Hoàng Đăng Ánh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 5 tháng 1 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Tiến Dương Ông Hồ Minh Việt Bà Phạm Thị Hồng Điệp Ông Huỳnh Văn Ngân	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020)
	Ông Đào Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch HĐQT cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 62. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

TP Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) phê chuẩn vào ngày 31 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3047-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Thái Văn Cường
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán:
3435-2020-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9313
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

► Bảng cân đối
Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.083.111.172.737	3.715.299.217.677
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.808.197.263.570	816.407.457.540
111	Tiền		695.119.391.348	435.089.509.540
112	Các khoản tương đương tiền		1.113.077.872.222	381.317.948.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		218.009.602.376	99.200.576.454
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	68.112.415.100	186.138
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	-	(152.538)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	149.897.187.276	99.200.542.854
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		2.086.126.253.579	1.451.095.996.327
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.654.532.686.040	1.335.173.232.707
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	444.352.143.117	164.176.048.240
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	941.130.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	262.978.885.045	162.552.004.257
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(275.737.460.623)	(211.746.418.877)
140	Hàng tồn kho	9	783.792.091.015	1.121.577.450.141
141	Hàng tồn kho		811.313.791.115	1.144.702.735.496
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(27.521.700.100)	(23.125.285.355)
150	Tài sản ngắn hạn khác		186.985.962.197	227.017.737.215
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.502.784.681	8.580.003.423
152	Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ	10(a)	180.271.228.208	215.797.255.034
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10(a)	1.211.949.308	2.640.478.758

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu số B 01 – DN/HN

Bảng cân đối ◀
Kế toán hợp nhất
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.237.645.367.371	1.251.035.283.681
210	Các khoản phải thu dài hạn		31.495.682.041	31.380.277.552
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	31.495.682.041	31.380.277.552
220	Tài sản cố định		195.802.031.319	202.067.818.570
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	85.116.617.958	91.889.465.194
222	Nguyên giá		346.743.797.617	345.040.412.003
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(261.627.179.659)	(253.150.946.809)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	110.685.413.361	110.178.353.376
228	Nguyên giá		118.634.392.179	117.766.092.179
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.948.978.818)	(7.587.738.803)
230	Bất động sản đầu tư	12	673.463.078.511	713.804.121.841
231	Nguyên giá		852.074.158.578	852.074.158.578
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(178.611.080.067)	(138.270.036.737)
240	Tài sản dở dang dài hạn		38.316.282.184	39.476.191.275
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	38.316.282.184	39.476.191.275
250	Đầu tư tài chính dài hạn		40.862.648.702	42.427.175.256
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	39.339.874.989	31.039.870.918
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(d)	22.465.000.000	30.006.800.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(d)	(22.213.301.287)	(22.640.229.299)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	1.271.075.000	4.020.733.637
260	Tài sản dài hạn khác		257.705.644.614	221.879.699.187
261	Chi phí trả trước dài hạn	14	248.523.349.614	211.167.021.687
269	Lợi thế thương mại	16	9.182.295.000	10.712.677.500
270	TỔNG TÀI SẢN		6.320.756.540.108	4.966.334.501.358

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

► Bảng cân đối
Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mẫu số B 02 – DN/HN

Kết quả hoạt động
kinh doanh hợp nhất ◀

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.657.590.544.086	3.326.016.900.969
310	Nợ ngắn hạn		4.381.576.092.307	3.005.641.724.631
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.352.897.675.155	1.305.855.552.459
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	133.596.850.713	85.920.901.592
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10(b)	53.396.527.361	30.365.478.424
314	Phải trả người lao động		124.929.306.684	109.761.766.691
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	19.832.065.499	19.324.122.334
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20(a)	21.067.196.029	27.992.142.804
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a)	132.625.664.131	121.096.238.181
320	Vay ngắn hạn	22(a)	2.507.845.798.049	1.270.668.669.493
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		854.856.756	600.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	34.530.151.930	34.056.852.653
330	Nợ dài hạn		276.014.451.779	320.375.176.338
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20(b)	-	20.454.545.483
337	Phải trả dài hạn khác	21(b)	65.468.717.431	41.855.134.218
338	Vay dài hạn	22(b)	207.245.734.348	254.765.496.637
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15	3.300.000.000	3.300.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.663.165.996.022	1.640.317.600.389
410	Vốn chủ sở hữu		1.663.165.996.022	1.640.317.600.389
411	Vốn góp của chủ sở hữu	24, 25	866.001.240.000	866.001.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		866.001.240.000	866.001.240.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	25	120.755.669.603	133.918.052.614
414	Vốn khác của chủ sở hữu	25	131.776.000.000	131.776.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	25	(25.405.790.772)	(50.118.432.974)
418	Quỹ đầu tư phát triển	25	272.167.291.300	272.167.291.300
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	25	177.703.293.718	157.945.411.873
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	25	47.715.906.230	43.234.500.487
	- LNST chưa phân phối của kỳ này/năm nay	25	129.987.387.488	114.710.911.386
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25, 26	120.168.292.173	128.628.037.576
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.320.756.540.108	4.966.334.501.358

Trần Quang Huy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.666.409.601.103	10.148.628.566.350
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(213.160.898.776)	(140.139.720.157)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.453.248.702.327	10.008.488.846.193
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(12.784.348.853.200)	(9.397.354.564.382)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	668.899.849.127	611.134.281.811
21	Doanh thu hoạt động tài chính	48.562.109.000	37.650.314.756
22	Chi phí tài chính	(83.735.953.962)	(73.059.815.421)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(76.419.942.463)	(67.681.145.079)
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	(699.995.929)	(434.418.350)
25	Chi phí bán hàng	(232.406.377.528)	(223.578.783.271)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(201.947.554.458)	(251.495.637.148)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	198.672.076.250	100.215.942.377
31	Thu nhập khác	16.576.722.879	107.817.428.386
32	Chi phí khác	(8.305.734.215)	(22.888.312.445)
40	Lợi nhuận khác	8.270.988.664	84.929.115.941
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	206.943.064.914	185.145.058.318
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(66.776.464.656)	(54.517.481.520)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(3.310.854.521)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	140.166.600.258	127.316.722.277
	Phân bổ cho:		
61	Cổ đông của Công ty mẹ	137.251.749.288	122.071.092.323
62	Cổ đông không kiểm soát	2.914.850.970	5.245.629.954
71	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.526	1.321
72	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.526	1.321

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

► Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất◀

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
	Lợi nhuận kế toán trước thuế	206.943.064.914	185.145.058.318
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định (“TCSĐ”), bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	64.236.075.691	66.293.238.394
03	Các khoản dự phòng	68.215.232.697	69.101.863.069
04	Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.051.018.847	24.077.643
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(28.058.889.659)	(86.912.262.909)
06	Chi phí lãi vay	76.419.942.463	67.681.145.079
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	388.806.444.953	301.333.119.594
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(654.124.921.970)	470.297.540.391
10	(Giảm)/tăng hàng tồn kho	333.388.944.381	(98.340.156.517)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	136.976.040.709	(207.474.302.083)
12	Tăng chi phí trả trước	(34.279.109.185)	(12.617.298.851)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh	(68.112.228.962)	-
14	Tiền lãi vay đã trả	(78.078.664.059)	(70.827.532.940)
15	Thuế TNDN đã nộp	(57.257.154.077)	(60.012.917.952)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.835.340.967)	(10.235.849.476)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(40.515.989.177)	312.122.602.166
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(16.064.425.659)	(42.232.200.388)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	3.904.948.471	80.281.780.503
23	Tiền chi đầu tư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(66.695.876.950)	(100.917.076.964)
24	Tiền thu hồi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	11.200.000.000	14.421.552.053
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(9.000.000.000)	(1.096.800.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.541.800.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	22.201.433.294	28.349.676.743
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(46.912.120.844)	(21.193.068.053)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu	17.260.387.300	3.400.000.000
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành	(36.784.935.467)	-
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	8.128.085.579.739	5.315.947.783.934
34	Tiền thu chi trả nợ gốc vay	(6.938.428.213.472)	(5.718.933.919.835)
36	Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(91.031.009.992)	(113.304.830.166)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	1.079.101.808.108	(512.890.966.067)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	991.673.698.087	(221.961.431.954)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	816.407.457.540	1.038.281.209.462
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	116.107.943	87.680.032
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	1.808.197.263.570	816.407.457.540

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 40.

Trần Quang Huy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18, ngày 23 tháng 5 năm 2016. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hay “PVN”).

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PET, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Cổ đông của Công ty mẹ là các công ty, các cá nhân đang hoạt động kinh doanh và làm việc tại Việt Nam. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 24.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là cung cấp dịch vụ và thương mại hàng hóa

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con (“Tổng Công ty”) bao gồm:

- Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi;
- Mua bán trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn;
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý, dịch vụ hỗ trợ nhân sự;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Phát triển, kinh doanh và quản lý bất động sản;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị;
- Mua bán thiết bị viễn thông;
- Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí;
- Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu LPG, chiết nạp ga;
- Phát triển và kinh doanh bất động sản;
- Quản lý bất động sản (tòa nhà, khách sạn, các công trình nhà ở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 2.711 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.520 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp, 2 công ty liên kết trực tiếp, và 1 công ty liên kết gián tiếp. Ngoài ra, Công ty mẹ có 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết được trình bày ở trang tiếp theo.

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2020		2019	
			Quyết biểu % quyết	Quyền sở hữu %	Quyết biểu % quyết	Quyền sở hữu %
I - Công ty con trực tiếp						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	80,68	80,68	80,04	80,04
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")	Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ	60	60	60	60
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ	70	70	70	70
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")	Tỉnh Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	99,79	99,79	99,79	99,79
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")	Thành phố Hà Nội	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	71,46	71,46	71,46	71,46
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	51	21,46	51	21,46
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh ("Smartcom")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	55	55	55	55
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ điện thoại	75	72,75	75	72,75
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ vận tải	67	44	67	44
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	51	51	51	51
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngưng hoạt động và đang chờ giải thể	100	100	100	100

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2020		2019	
			Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %
II - Công ty con gián tiếp						
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh ("Bình Minh")	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	51	40,81	51	40,81
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang ("Nha Trang PST")	Tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	100	99,79	100	99,79
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cầu kiện Siêu trường Siêu trọng Petrosetco - Ale ("Petrosetco - Ale")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng	51	22,44	51	22,44
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Công Nghệ Xanh ("Công Nghệ Xanh") (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm thiết bị vật tư y tế	50	40,02	50	40,02
III – Công ty liên kết trực tiếp						
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ cho thuê văn phòng	24	24	24	24
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay (v)	Tỉnh Phú Yên	Dịch vụ nghỉ dưỡng	20	20	20	20
IV – Công ty liên kết gián tiếp						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom (vi)	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	20	16	20	16
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Năng lượng Petro (vii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	45	27	-	-
V – Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc						
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí ("PIMD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan				

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG chỉ là 21,46%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSSSG thông qua 51% đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSSSG. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSSSG và PSSSG vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSL chỉ là 44%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSL. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSL và PSL vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

(iii) Hiện tại, PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay, PSG không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào.

(iv) Theo Nghị quyết Số 09/NQ-PSD-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2019, PSD, một công ty con, đã chấp thuận mua cổ phần phát hành mới của Công Nghệ Xanh, với tổng vốn góp là 10 tỷ Đồng chiếm 50% vốn cổ phần của Công Nghệ Xanh, tương ứng với 40,34% quyền sở hữu của Công ty mẹ tại Công Nghệ Xanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công Nghệ Xanh chỉ là 40,02%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công Nghệ Xanh thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của Công Nghệ Xanh. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát Công Nghệ Xanh và Công Nghệ Xanh vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(v) Theo Nghị quyết Số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ Đồng.

(vi) Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

(vii) Theo Chủ trương số 125A/DVTHDK-KHĐT ngày 12 tháng 6 năm 2020, POTS, một công ty con, đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Năng lượng Petro (“Petro”) với tổng số vốn đầu tư là 9 tỷ Đồng, chiếm 45% vốn điều lệ của Petro, tương ứng với 27% quyền sở hữu của Công ty mẹ tại Petro.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu được sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Ngh nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm hàng hóa, hàng hóa bất động sản được xây dựng với mục đích để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tổng Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá; và các loại hàng tồn kho khác.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa bất động sản bao gồm giá đất và các chi phí xây dựng sở hạ tầng, chi phí trực tiếp, và chi phí chung. Giá gốc của các loại hàng tồn kho khác bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh đối với hạt nhựa, bình quân gia quyền đối với các loại hàng tồn kho khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Tài sản cố định

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy mà Tổng Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Chủ tịch HĐQT đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	7% - 33%
Phương tiện vận tải	10% - 33%
Thiết bị quản lý	10% - 33%
Phần mềm	12,5% - 33%

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn, và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 8 năm 2019, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 24 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và
- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của TSCĐ thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Quyền sử dụng đất	2%
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 33%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, và chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga; chi phí thuê văn phòng; công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

Trong đó, khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính – “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.20 Vốn chủ sở hữu

(a) *Vốn góp của chủ sở hữu*
Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

(d) *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

(e) *LNST chưa phân phối*

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận thuần sau thuế TNDN

LNST có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

(b) *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức/ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

(g) Thu nhập từ ký cược, ký quỹ vô bình ga

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình ga được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình ga đã nhận từ khách hàng theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, tương ứng với cách thức phân bổ chi phí vô bình ga (Thuyết minh 2.14), theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí đầu mỏ hóa lỏng chai”.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.24 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái; và chiết khấu thanh toán.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty.

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.29 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

2.31 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Chủ tịch HĐQT đánh giá là hợp lý.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	11.638.412.191	9.700.810.391
Tiền gửi ngân hàng (*)	683.480.979.157	425.388.699.149
Các khoản tương đương tiền (**)	1.113.077.872.222	381.317.948.000
	<u>1.808.197.263.570</u>	<u>816.407.457.540</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là khoản tiền 1 tỷ Đồng do PSA chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty mẹ từ nguồn tài sản của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội sau khi công ty này giải thể. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để xác định quyền và nghĩa vụ của khoản tiền này.

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 3,5%/năm đến 4,95%/năm (năm 2019: từ 4,5%/năm đến 7,6%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2020			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND
Vốn góp vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Mã Thành viên An Lạc Nhơn Trách ("An Lạc Nhơn Trách") (*)	68.112.415.000	68.112.415.000	(**)	-
	<u> </u>	<u> </u>		<u> </u>
	2019			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND
Cổ phiếu niêm yết	186.138	186.138	(**)	(152.538)

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(*) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên An Lạc Nhơn Trạch (“An Lạc Nhơn Trạch”) được thành lập ngày 8 tháng 4 năm 2013 tại Tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính là cung cấp dịch vụ đóng gói các sản phẩm từ giấy. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của An Lạc Nhơn Trạch với tổng giá phí là 68.112.415.100 Đồng. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/BB-PSD-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2020 và quyết định của Chủ tịch HĐQT tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty mua An Lạc Nhơn Trạch với mục đích bán lại trong vòng 12 tháng kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng. Vì vậy, việc Tổng Công ty mua lại An Lạc Nhơn Trạch không hình thành nên công ty con và hợp nhất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	149.897.187.276	149.897.187.276	99.200.542.854	99.200.542.854
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	1.271.075.000	1.271.075.000	4.020.733.637	4.020.733.637

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 3,1%/năm - 7,5%/năm (năm 2019: từ 5,3%/năm đến 8,4%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có trị giá 10 tỷ Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

(**) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 4,3%/năm - 7,3%/năm (năm 2019: từ 6,7%/năm đến 7,0%/năm).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2020				2019			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	14.339.874.989	(*)	-	14.359.957.249	15.039.870.918	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom	853.268.080	-	(*)	-	853.268.080	-	(*)	-
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)	-	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)	-
Công ty cổ phần dịch vụ môi trường và năng lượng Petro	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
	40.213.225.329	39.339.874.989		-	31.213.225.329	31.039.870.918		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý các khoản đầu tư này vì đây là khoản góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên thị trường Chứng khoán

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	31.039.870.918	15.474.289.268
Đầu tư thêm	9.000.000.000	16.000.000.000
Lỗ trong công ty liên kết	(699.995.929)	(434.418.350)
Số dư cuối năm	39.339.874.989	31.039.870.918

(c) Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

	2020			2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	20.160.000.000	(*)	(20.160.000.000)	20.160.000.000	(*)	(20.160.000.000)
Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Dầu khí Việt Hàn	305.000.000	(*)	(53.301.287)	7.846.800.000	(*)	(480.229.299)
	22.465.000.000		(22.213.301.287)	30.006.800.000		(22.640.229.299)

(*) Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	22.640.229.299	22.160.000.000
Tăng dự phòng	-	480.229.299
Hoàn nhập dự phòng	(426.928.012)	-
Số dư cuối năm	22.213.301.287	22.640.229.299

(**)Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý các khoản đầu tư này vì đây là khoản góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp HTV	83.128.471.237	-
Công ty TNHH Ipadshop Việt Nam	80.588.807.500	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Icool (*)	73.657.133.467	73.657.133.467
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam (*)	42.965.708.261	42.965.708.261
Công ty Cổ phần Thế giới Di động	140.007.466.411	141.155.766.676
Khác	1.040.644.725.647	935.363.789.535
	<u>1.460.992.312.523</u>	<u>1.193.142.397.939</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 40(b))	<u>193.540.373.517</u>	<u>142.030.834.768</u>
	<u>1.654.532.686.040</u>	<u>1.335.173.232.707</u>

(*) Trong năm 2020, một công ty con của Tổng Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục cần thiết để kiện các đối tác liên quan đến khoản phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Kỹ thuật Icool và Công ty TNHH Coolpad Việt Nam. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, công ty con vẫn đang hoàn thiện các hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của vụ việc này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán, đã được rà soát trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8).

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Apple Việt Nam	226.017.849.772	-
Global Consulting and Mechanical Services LLC	98.411.021.448	127.977.681.191
Khác (*)	119.923.271.897	36.198.367.049
	<u>444.352.143.117</u>	<u>164.176.048.240</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư bao gồm khoản trả trước khác cho một cá nhân với số tiền là 20,1 tỷ Đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Thị trấn Tân Thành, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

(a)	Ngắn hạn	2020 VND	2019 VND
	Khoản hỗ trợ phải thu từ nhà cung cấp	101.913.300.013	105.684.171.405
	Phải thu lãi tiền gửi	5.151.760.178	1.062.888.302
	Ký quỹ, ký cược	37.302.086.926	262.098.949
	Tạm ứng mua cổ phần (*)	61.155.370.000	-
	Khác (**)	57.456.367.928	55.542.845.601
		<u>262.978.885.045</u>	<u>162.552.004.257</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư thể hiện khoản tạm ứng cho một cá nhân để nhận chuyển nhượng 48,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Pedaco (“Pedaco”) theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần số 02/2020-QĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và cá nhân nêu trên vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư thể hiện khoản tạm ứng cho mục đích tăng vốn theo thông báo số 09/NQ-PDC-DHCD ngày 28 tháng 12 năm 2020 do Pedaco phát hành và sẽ được chuyển thành khoản đầu tư thêm vào Pedaco khi Công ty hoàn tất thủ tục mua 48,5% cổ phần của Pedaco từ một cá nhân.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư khác bao gồm trong số dư này là 11.689.195.735 Đồng liên quan đến phải thu quyền sử dụng đất số 274, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

(b)	Dài hạn	2020 VND	2019 VND
	Ký quỹ, ký cược	29.616.479.319	29.647.597.006
	Khác	1.879.202.722	1.732.680.546
		<u>31.495.682.041</u>	<u>31.380.277.552</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư của các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán, đã được rà soát trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8).

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2020			Thời gian quá hạn VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	<u>705.473.662.766</u>	<u>429.736.202.143</u>	<u>(275.737.460.623)</u>	Trên 6 tháng
	2019			Thời gian quá hạn VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	<u>260.510.116.941</u>	<u>51.762.030.633</u>	<u>(211.746.418.877)</u>	Trên 6 tháng

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa bất động sản	3.111.210.072	-	3.111.210.072	-
Hàng đang đi đường	334.493.883.707	-	47.250.746.363	-
Nguyên vật liệu	557.421.262	-	4.960.325.176	-
Công cụ, dụng cụ	1.564.803.024	-	2.922.569.926	-
Hàng hóa	445.165.295.772	(27.521.700.100)	1.006.017.927.506	(23.125.285.355)
Hàng gửi đi bán	26.421.177.278	-	80.439.956.453	-
	<u>811.313.791.115</u>	<u>(27.521.700.100)</u>	<u>1.144.702.735.496</u>	<u>(23.125.285.355)</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thể hiện giá trị dự phòng liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa. Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	23.125.285.355	28.320.748.915
Tăng/(hoàn nhập) (Thuyết minh 31)	<u>4.396.414.745</u>	<u>(5.195.463.560)</u>
Số dư cuối năm	<u>27.521.700.100</u>	<u>23.125.285.355</u>

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2020 VND	2019 VND
(a) Phải thu		
Thuế GTGT được khấu trừ	180.271.228.208	215.797.255.034
Thuế TNDN	320.871.086	827.221.764
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	697.751.430	661.654.700
Thuêkhæ	193.326.792	1.151.602.294
	<u>181.483.177.516</u>	<u>218.437.733.792</u>
(b) Phải nộp		
Thuế GTGT	27.527.939.106	7.788.853.223
Thuế TNDN	23.677.061.029	14.166.165.851
Thuế TNCN	2.066.541.662	7.967.486.758
Thuêkhæ	124.985.564	442.972.592
	<u>53.396.527.361</u>	<u>30.365.478.424</u>

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của các khoản thuế phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Số phải thu/phải nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/đã nộp trong năm VND	Số đã cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ (*)	215.797.255.034	1.576.052.675.173	-	(1.794.276.182.820)	182.697.480.821	180.271.228.208
Thuế TNDN	827.221.764	-	-	-	(506.350.678)	320.871.086
Thuế TNCN	661.654.700	-	-	(661.654.700)	697.751.430	697.751.430
Thuêkhæ	1.151.602.294	-	-	(1.151.602.294)	193.326.792	193.326.792
	<u>218.437.733.792</u>	<u>1.576.052.675.173</u>	<u>-</u>	<u>(1.796.089.439.814)</u>	<u>183.082.208.365</u>	<u>181.483.177.516</u>
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN (**)	14.166.165.851	67.274.399.933	(57.257.154.077)	-	(506.350.678)	23.677.061.029
Thuế TNCN	7.967.486.758	33.790.904.138	(39.727.945.964)	(661.654.700)	697.751.430	2.066.541.662
Thuế GTGT	7.788.853.223	1.925.146.849.072	(111.131.580.369)	(1.794.276.182.820)	-	27.527.939.106
Thuêkhæ	442.972.592	(127.330.955.151)	127.970.683.625	(1.151.042.294)	193.326.792	124.985.564
	<u>30.365.478.424</u>	<u>1.898.881.197.992</u>	<u>(80.145.996.785)</u>	<u>(1.796.088.879.814)</u>	<u>384.727.544</u>	<u>53.396.527.361</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm trong thuế GTGT được khấu trừ là khoản thuế GTGT đã được Tổng Công ty làm hồ sơ xin hoàn với số tiền là 67,6 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 67,6 tỷ Đồng) và đang chờ kết quả từ các cơ quan thuế.

(**) Bao gồm trong thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là khoản phạt thuế với số tiền 497,935,277 Đồng của một công ty con đã được ghi nhận như là một khoản giảm trực tiếp vào lợi nhuận chưa phân phối kỳ này

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	90.848.863.873	95.678.602.772	145.116.884.820	13.396.060.538	345.040.412.003
Mua trong năm	-	3.903.482.027	11.385.003.636	329.445.000	15.617.930.663
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	-	-	1.049.000.000	-	1.049.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.011.687.456)	(10.951.857.593)	-	(14.963.545.049)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	90.848.863.873	95.570.397.343	146.599.030.863	13.725.505.538	346.743.797.617
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	62.717.568.317	76.486.966.395	101.448.367.240	12.498.044.857	253.150.946.809
Khấu hao trong năm	3.315.217.947	5.323.284.333	12.819.029.829	545.877.737	22.003.409.846
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.180.360.132)	(10.346.816.864)	-	(13.527.176.996)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	66.032.786.264	78.629.890.596	103.920.580.205	13.043.922.594	261.627.179.659
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	28.131.295.556	19.191.636.377	43.668.517.580	898.015.681	91.889.465.194
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	24.816.077.609	16.940.506.747	42.678.450.658	681.582.944	85.116.617.958

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 169,9 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 118,9 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại là 8.312.943.654 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.035.392.141 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	112.658.109.381	5.107.982.798	117.766.092.179
Mua trong năm	-	868.300.000	868.300.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	112.658.109.381	5.976.282.798	118.634.392.179
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.952.588.790	4.635.150.013	7.587.738.803
Khấu hao trong năm	118.660.344	242.579.671	361.240.015
	3.071.249.134	4.877.729.684	7.948.978.818
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	109.705.520.591	472.832.785	110.178.353.376
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	109.586.860.247	1.098.553.114	110.685.413.361

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4,49 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2,96 tỷ Đồng).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	852.074.158.578
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	138.270.036.737
Khấu hao trong năm	40.341.043.330
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	178.611.080.067
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	713.804.121.841
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	673.463.078.511

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc liên quan đến khu nhà ở tại Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Dự án Nghi Sơn”) được Công ty mẹ xây dựng và cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn bộ giá trị của nhà cửa, vật kiến trúc được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 22(b)).

Trong năm 2020, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 111.423.609.677 Đồng (năm 2019: 121.543.652.838 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm 2020 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 22.944.551.030 Đồng (năm 2019: 34.873.788.406 Đồng).

Tổng Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dự án Cape Pearl (trước đây là Petrosetco SSG Tower)	37.509.649.278	37.509.649.278
Khác	806.632.906	1.966.541.997
	38.316.282.184	39.476.191.275

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	39.476.191.275	38.512.494.154
Xây dựng cơ bản mới	-	1.165.909.091
Chuyển sang TSCĐ hui hình (Thuyết minh 11(a))	(1.049.000.000)	-
Khác	(110.909.091)	(202.211.970)
Số dư cuối năm	38.316.282.184	39.476.191.275

14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết của chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuê hoạt động trả trước (*)	139.116.003.048	96.796.156.531
Chi phí mua vỏ bình ga	102.062.912.593	79.965.942.521
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.171.693.787	313.170.657
Khác	5.172.740.186	34.091.751.978
	248.523.349.614	211.167.021.687

(*) Chủ yếu bao gồm trong chi phí thuê hoạt động trả trước là:

- Khoản trả trước cho PVN để thuê văn phòng có giá trị còn lại là 94.420.790.731 Đồng, được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ năm 2010; và
- Tiền thuê đất trả một lần có giá trị còn lại là 15.921.797.264 Đồng, được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 năm kể từ năm 2020.

►Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	211.167.021.687	198.530.067.519
Tăng	68.867.344.299	39.838.606.914
Phân bổ	(28.003.421.655)	(27.201.652.746)
Phân loại lại	(3.507.594.717)	-
Số dư cuối năm	248.523.349.614	211.167.021.687

15 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Chi tiết của thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	3.310.854.521
Thuế TNDN hoãn lại phải trả:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	3.300.000.000	3.300.000.000

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	3.310.854.521
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Số dư đầu năm	(3.300.000.000)	10.854.521
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh 37)	-	(3.310.854.521)
Số dư cuối năm	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Trong đó:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuế TNDN hoãn lại phải trả chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản dự phòng khi tiến hành hợp nhất báo cáo tài chính.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại này vì khả năng các công ty con có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

16 LỢI THUẾ THƯƠNG MẠI

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	10.712.677.500	12.243.060.000
Phân bổ (Thuyết minh 35)	(1.530.382.500)	(1.530.382.500)
Số dư cuối năm	9.182.295.000	10.712.677.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, lợi thế thương mại thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	227.666.117.195	323.507.897.900
Công ty TNHH Apple Việt Nam	133.460.196.872	-
Dell Global B.V. (Singapore Branch)	69.741.867.373	16.038.541.620
Microsoft Regional Sales Corporation	57.197.975.259	52.951.579.956
Lenovo (Singapore) Pte Ltd.,	61.527.852.035	109.861.227.180
Khác	314.366.791.957	360.622.683.490
	863.960.800.691	862.981.930.146
Bên liên quan (Thuyết minh 40(b))	488.936.874.464	442.873.622.313
	1.352.897.675.155	1.305.855.552.459

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	10.654.722.797	11.855.255.385
Bên liên quan (Thuyết minh 40(b))	122.942.127.916	74.065.646.207
	<u>133.596.850.713</u>	<u>85.920.901.592</u>

19 CHI PHÍ TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Phụ cấp trả cho nhân viên	4.595.581.350	4.813.930.494
Chi phí lãi vay	3.685.282.625	5.344.004.221
Khác	11.551.201.524	9.166.187.619
	<u>19.832.065.499</u>	<u>19.324.122.334</u>

20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu nhận trước (*)	20.454.545.492	27.272.727.273
Khác	612.650.537	719.415.531
	<u>21.067.196.029</u>	<u>27.992.142.804</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu nhận trước (*)	-	20.454.545.483

(*) Đây là khoản tiền nhận trước từ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, một bên liên quan, để cho thuê khu nhà ở và cung cấp dịch vụ phục vụ cho Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 40(b)).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

21 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Phải trả cho đại lý, khách hàng	50.846.988.454	39.394.453.530
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 27)	25.093.118.026	32.282.864.484
Khác	56.685.557.651	49.418.920.167
	<u>132.625.664.131</u>	<u>121.096.238.181</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Ký quỹ, ký cược vỏ bình ga (*)	46.739.712.350	29.001.185.411
Ký quỹ, ký cược khác	13.232.488.228	7.490.188.553
Phải nộp Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	3.121.841.484	4.481.270.945
Khác	2.374.675.369	882.489.309
	<u>65.468.717.431</u>	<u>41.855.134.218</u>

(*) Ký quỹ, ký cược vỏ bình ga được kết chuyển vào thu nhập khác tương ứng với thời gian phân bổ khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga (Thuyết minh 2.14) theo quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính – “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

(**) Đây là khoản tiền thuê đất phải nộp Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu liên quan đến Hợp đồng thuê đất số 14/HDTD ngày 25 tháng 1 năm 1996 cho lô đất số 8 và số 9 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu. Số tiền thuê đất hàng năm phải trả sẽ dựa trên thông báo của Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

22 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn chủ yếu thể hiện giá trị của các khoản vay ngân hàng thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Nhận tiền vay trong năm VND	Hoàn trả tiền vay trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần ("TMCP")					
Ng ngoại Thương Việt Nam	387.416.063.853	1.958.449.722.718	(1.459.153.106.598)	-	886.712.679.973
Ngân hàng TMCP Quân Đội	80.575.524.037	1.802.002.733.232	(1.441.036.648.690)	-	441.541.608.579
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	459.946.239.135	2.555.387.418.318	(2.293.637.765.656)	-	721.695.891.797
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	289.550.368.658	1.514.492.663.995	(1.459.467.427.479)	-	344.575.605.174
Ngân hàng TMCP Ký thương Việt Nam	-	208.000.000.000	(175.000.000.000)	-	33.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	29.494.928.134	-	(29.494.928.169)	45.119.762.289	45.119.762.254
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	64.634.215.052	(29.433.964.780)	-	35.200.250.272
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	19.347.095.676	21.991.275.314	(41.338.370.990)	-	-
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	3.127.551.110	(3.127.551.110)	-	-
Vay cá nhân	4.338.450.000	-	(4.338.450.000)	-	-
	<u>1.270.668.669.493</u>	<u>8.128.085.579.739</u>	<u>(6.936.028.213.472)</u>	<u>45.119.762.289</u>	<u>2.507.845.798.049</u>

Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại được thực hiện dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng hoặc phát hành tín dụng thư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản thế chấp của các khoản vay từ các ngân hàng thương mại bao gồm:

- Cam kết bảo lãnh tín dụng của Công ty mẹ cho các công ty con với giá trị là 3.370 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.430,2 tỷ Đồng);
- Quyền sử dụng đất tại số 274 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 7(a)).
- Một phần tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 4(a)).

Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ do các ngân hàng công bố.

Các khoản vay được thực hiện để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

22 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

Khoản vay từ cá nhân không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất là 9,9%/năm.

Các khoản vay được thực hiện để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Hoàn trả tiền vay trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	250.415.496.637	-	(45.119.762.289)	205.295.734.348
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	<u>4.350.000.000</u>	<u>(2.400.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>1.950.000.000</u>
	<u>254.765.496.637</u>	<u>(2.400.000.000)</u>	<u>(45.119.762.289)</u>	<u>207.245.734.348</u>

(*) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu có hạn mức tín dụng là 400 tỷ Đồng và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng này công bố.

Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn, có thời hạn là 9 năm kể từ năm 2016 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 12); quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất; các khoản phải thu, quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn và 5.345.200 cổ phiếu của PSA sở hữu bởi Tổng Công ty.

Chi phí lãi vay của khoản vay liên quan đến Dự án Nghi Sơn trước khi Dự án đi vào hoạt động được vốn hóa vào bất động sản đầu tư. Từ tháng 10 năm 2016, sau khi Dự án Nghi Sơn đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 31).

(**) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á là khoản vay bằng Việt Nam Đồng trong đó bao gồm 2 hợp đồng vay có thời hạn 2 năm, lần lượt từ tháng 10 năm 2019 và từ tháng 12 năm 2019, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay với lãi suất thay đổi theo từng khe ước vay do ngân hàng này công bố (Thuyết minh 11(a)).

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	34.056.852.653	74.486.291.576
Trích lập từ LNST chưa phân phối các năm trước	4.624.816.244	4.511.149.927
Trích lập từ LNST chưa phân phối năm nay	7.264.361.800	7.218.580.968
Tăng do mua công ty con	-	236.340.501
Sử dụng quỹ	(7.835.340.967)	(10.235.849.476)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty con	(3.585.288.887)	(2.084.700.000)
Giảm khác	4.751.087	(40.074.960.843)
Số dư cuối năm	34.530.151.930	34.056.852.653

(*) Bao gồm trong giảm khác là khoản thưởng các nhân viên có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Tổng Công ty.

24 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	86.600.124	-	86.600.124	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	86.600.124	-	86.600.124	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(3.029.600)	-	(1.590.310)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.570.524	-	85.009.814	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	2020		2019	
	VND	%	VND	%
PVN	209.738.510.000	25,1	209.738.510.000	24,7
Các cổ đông khác	625.966.730.000	74,9	641.667.619.368	75,3
	835.705.240.000	100	851.406.129.368	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	866.001.240.000	-	866.001.240.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	866.001.240.000	-	866.001.240.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	866.001.240.000	-	866.001.240.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Mẫu số B 09 – DN/HN

25 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	866.001.240.000	133.918.052.614	90.820.087.775	(50.118.432.974)	172.453.174.126	264.287.335.590	1.477.361.457.131	143.048.092.376	1.620.409.549.507
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	3.400.000.000	3.400.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	122.071.092.323	122.071.092.323	5.245.629.954	127.316.722.277
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.620.490.808)	(9.620.490.808)	(2.109.240.087)	(11.729.730.895)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	40.896.000.000	-	-	(113.340.103.168)	(72.444.103.168)	(38.630.837.332)	(111.074.940.500)
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-	11.996.000.000	11.996.000.000
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	59.912.225	-	(285.882.826)	(5.452.422.064)	(5.678.392.665)	5.678.392.665	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	866.001.240.000	133.918.052.614	131.776.000.000	(50.118.432.974)	272.167.291.300	157.945.411.873	1.511.689.562.813	128.628.037.576	1.640.317.600.389
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	137.251.749.288	137.251.749.288	2.914.850.970	140.166.600.258
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(9.703.160.473)	(9.703.160.473)	(2.186.017.571)	(11.889.178.044)
Chia cổ tức (**) (Tái phát hành)/Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(83.570.524.000)	(83.570.524.000)	(2.333.954.414)	(85.904.478.414)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	(13.162.383.011)	-	24.712.642.202	-	(24.540.998.659)	(12.990.739.468)	(6.533.808.699)	(19.524.548.167)
	-	-	-	-	-	320.815.689	320.815.689	(320.815.689)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	866.001.240.000	120.755.669.603	131.776.000.000	(25.405.790.772)	272.167.291.300	177.703.293.718	1.542.997.703.849	120.168.292.173	1.663.165.996.022

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2019 hoặc tạm trích từ kế hoạch lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2020 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 23/NQ-DVTHDK-DHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020.

(**) Theo Nghị quyết số 23/NQ-DVTHDK-DHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2019 là 10% trên mệnh giá cổ phiếu.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

26 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2020 VND	2019 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	181.244.598.000	181.244.598.000
Vốn khác của chủ sở hữu	36.223.230.000	36.223.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	(3.152.534.384)	-
Cổ phiếu quỹ	(4.551.274.315)	(1.170.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	-	7.366.690.987
LNST chưa phân phối	(89.595.727.128)	(95.036.481.411)
	<u>120.168.292.173</u>	<u>128.628.037.576</u>

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	128.628.037.576	143.048.092.376
Tăng vốn góp của chủ sở hữu	-	3.400.000.000
Tăng vốn khác của chủ sở hữu từ cổ tức được chia bằng cổ phiếu	-	10.137.070.000
Lợi nhuận thuần	2.914.850.970	5.245.629.954
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	(6.533.808.699)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.186.017.571)	(2.109.240.087)
Cổ tức đã chia	(2.333.954.414)	(48.767.907.332)
Tăng do mua công ty con	-	11.996.000.000
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	(320.815.689)	5.678.392.665
	<u>120.168.292.173</u>	<u>128.628.037.576</u>
Số dư cuối năm	<u>120.168.292.173</u>	<u>128.628.037.576</u>

27 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	32.282.864.484	37.683.689.120
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 25)	85.937.707.661	162.108.010.500
Cổ tức chi trả bằng cổ phiếu	-	(51.033.070.000)
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(91.064.239.239)	(113.304.830.166)
Giảm khác	(2.063.214.880)	(3.170.934.970)
	<u>25.093.118.026</u>	<u>32.282.864.484</u>
Số dư cuối năm (Thuyết minh 21(a))	<u>25.093.118.026</u>	<u>32.282.864.484</u>

28 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	137.334.950.041	122.071.092.323
Tạm trích/thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND) (*)	(9.703.160.473)	(9.734.157.125)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>127.631.789.568</u>	<u>112.336.935.198</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>83.570.524</u>	<u>85.009.814</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.527</u>	<u>1.321</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2019 được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông tương ứng với phần lợi ích phân bổ cho Công ty mẹ.

Trong năm 2020, Tổng Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2020 đã được các Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được tính lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc vào ngày 31.12.2019		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	122.071.092.323	-	122.071.092.323
Thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND) (*)	(9.620.490.808)	(113.666.317)	(9.734.157.125)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>112.450.601.515</u>	<u>(113.666.317)</u>	<u>112.336.935.198</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>85.009.814</u>	<u>-</u>	<u>85.009.814</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.323</u>	<u>-</u>	<u>1.321</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

29 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 1.794.379 Đô la Mỹ, 1.007 Euro và 6.612 Bảng Anh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.893.098,52 Đô la Mỹ và 250,96 Euro).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 41(a)(ii).

30 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	12.059.214.880.045	8.547.695.744.167
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.607.194.721.058	1.600.932.822.183
	<u>13.666.409.601.103</u>	<u>10.148.628.566.350</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(132.446.873.227)	(75.984.445.226)
Giảm giá bán hàng	(8.408.458.280)	(15.928.334.551)
Hàng bán bị trả lại	(72.305.567.269)	(48.226.940.380)
	<u>(213.160.898.776)</u>	<u>(140.139.720.157)</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	11.846.053.981.269	8.407.556.024.010
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.607.194.721.058	1.600.932.822.183
	<u><u>13.453.248.702.327</u></u>	<u><u>10.008.488.846.193</u></u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.746.103.871.785	8.245.282.399.533
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	1.033.848.566.670	1.157.267.628.409
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	4.396.414.745	(5.195.463.560)
	<u>12.784.348.853.200</u>	<u>9.397.354.564.382</u>

(*) Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp bao gồm chi phí lãi vay với số tiền là 26,6 tỷ Đồng (năm 2019: 28,3 tỷ Đồng), liên quan đến lãi vay của Dự án Nghi Sơn. Sau khi Dự án này đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thuyết minh 22), bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

32 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	26.290.305.170	26.896.128.366
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.219.676.936	6.463.225.105
Khác	13.052.126.894	4.290.961.285
	<u>48.562.109.000</u>	<u>37.650.314.756</u>

33 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền vay	76.419.942.463	67.681.145.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.541.782.789	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(427.080.550)	480.229.299
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.051.018.847	24.077.643
Khác	5.150.290.413	4.874.363.400
	<u>83.735.953.962</u>	<u>73.059.815.421</u>

34 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lương	94.696.776.674	88.949.879.878
Chi phí vận chuyển	32.820.177.899	36.106.697.947
Chi phí quảng cáo	5.011.448.961	9.708.349.011
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.867.389.925	1.820.158.042
Chi phí thuê kho	19.306.675.864	21.560.539.685
Chi phí hoa hồng	5.563.546.350	14.036.097.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.801.331.020	4.560.645.456
Chi phí công cụ, dụng cụ	278.413.334	1.905.398.963
Chi phí bảo hiểm	4.842.106.013	6.299.379.108
Chi phí khác	58.218.511.488	38.631.637.696
	<u>232.406.377.528</u>	<u>223.578.783.271</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

35 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lương	86.654.012.460	86.551.126.492
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.521.592.143	5.196.567.745
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	63.991.041.746	75.199.081.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.863.978.102	29.543.634.881
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 16)	1.530.382.500	1.530.382.500
Chi phí khác	15.386.547.507	53.474.843.836
	<u>201.947.554.458</u>	<u>251.495.637.148</u>

36 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập khác		
Phân bổ tiền kỹ quỹ, ký cược vỏ bình ga	7.372.544.061	6.174.203.143
Tiền phạt thu được	1.069.815.051	27.626.828.676
Lãi thuần do thanh lý TSCĐ	3.904.948.471	71.170.091.999
Khác	4.229.415.296	2.846.304.568
	<u>16.576.722.879</u>	<u>107.817.428.386</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	3.203.686.782	15.958.743.655
Khác	5.102.047.433	6.929.568.790
	<u>8.305.734.215</u>	<u>22.888.312.445</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

37 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	207.059.494.914	185.145.058.318
Thuế tính ở thuế suất 20%	41.411.898.983	37.029.011.664
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	16.189.612.533	11.492.730.907
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.712.559.937	7.320.926.404
Dự phòng thiếu của các năm trước	3.339.669.106	2.070.356.589
Thuế được giảm	(738.524.420)	-
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	(138.751.483)	(84.689.523)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>66.776.464.656</u>	<u>57.828.336.041</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	66.776.464.656	54.517.481.520
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 15)	-	3.310.854.521
	<u>66.776.464.656</u>	<u>57.828.336.041</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

38 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn hàng hóa bất động sản đã bán	-	29.339.302.052
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	592.388.587.214	514.641.428.795
Chi phí nhân công	557.818.944.461	567.610.090.246
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.705.693.191	64.600.145.754
Phân bổ lợi thế thương mại	1.530.382.500	1.530.382.500
Dưphong/(hoàn nhập dưphong) giảm giá hàng tồn kho	4.396.414.745	(5.195.463.560)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	63.991.041.746	75.199.081.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.647.251.508	395.774.757.112
Chi phí lãi vay hoãn lại (Thuyết minh 31)	26.630.014.610	28.368.774.772
Chi phí vận chuyển	14.328.427.040	8.686.420.190
Chi phí sửa chữa, bảo trì	30.390.111.618	23.743.430.217
Chi phí quản lý trả cho bên liên quan (Thuyết minh 40(a))	-	995.988.167
Chi phí công cụ dụng cụ	6.400.536.956	18.284.003.662
Chi phí thuê văn phòng	18.657.030.699	16.731.789.278
Chi phí dịch vụ vệ sinh	70.195.660.230	69.131.363.987
Chi phí khác	71.332.591.386	120.317.651.051
	<u>1.880.412.687.904</u>	<u>1.929.759.145.917</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

39 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2020 VND	2019 VND
Mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác mà chưa thanh toán	421.805.004	82.943.600
Góp vốn vào công ty liên kết bằng cách cần trừ với phải thu khác	-	16.000.000.000

(b) Các khoản tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay của Tổng Công ty như được trình bày ở Thuyết minh 4(a) do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng.

(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Vay theo kế ước thông thường	8.128.085.579.739	5.315.947.783.934
Khoản vay tăng do mua công ty con	-	34.219.119.536
	8.128.085.579.739	5.350.166.903.470

(d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.938.428.213.472	5.718.933.919.835
--	-------------------	-------------------

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

40 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 25,1% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên thuộc PVN, và công ty liên kết của Tổng Công ty được xem là các bên liên quan của Tổng Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2019 VND	2018 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
PVN	65.201.453.672	102.587.769.064
Công ty thành viên thuộc PVN	522.896.478.150	682.686.218.682
	588.097.931.822	785.273.987.746
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PVN	19.302.860.007	23.280.883.112
Công ty thành viên thuộc PVN	535.264.015.124	749.081.248.835
	554.566.875.131	772.362.131.947
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.767.849.635	4.706.346.507
iv) Các giao dịch khác		
Cổ tức đã trả cho PVN	20.973.851.000	20.973.851.000
Chi phí quản lý trả cho PVN (Thuyết minh 38)	-	995.988.167

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

40 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2019 VND	2018 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
PVN	28.832.523.190	15.588.778.033
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	164.707.850.327	126.442.056.735
	<u>193.540.373.517</u>	<u>142.030.834.768</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác		
PVN	4.882.973.475	-
Các nhân sự chủ chốt	2.829.397.774	2.824.646.687
	<u>7.712.371.249</u>	<u>2.824.646.687</u>
III) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PVN	253.866.498.728	267.091.684.091
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	235.070.375.736	175.781.938.222
	<u>488.936.874.464</u>	<u>442.873.622.313</u>
iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18)		
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	<u>122.942.127.916</u>	<u>74.065.646.207</u>
v) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Thuyết minh 20(a))		
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	<u>20.454.545.492</u>	<u>27.272.727.273</u>
vi) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (Thuyết minh 20(b))		
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	-	20.454.545.483
	<u>=</u>	<u></u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

vii) Phải trả ngắn hạn khác

PVN	6.219.587.094	2.967.817.630
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	6.085.904.269	6.162.107.710
	<u>12.305.491.363</u>	<u>9.129.925.340</u>

viii) Phải trả dài hạn khác

PVN	-	1.108.248.372
Cæ công ty thành viên thuộc PVN	3.837.035.007	412.290.726
	<u>3.837.035.007</u>	<u>1.520.539.098</u>

41 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

(i) Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất trong 70 năm tính từ năm 2009 với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất đến năm 2022. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng ký hợp đồng thuê kho và thuê văn phòng với các nhà cung cấp để thực hiện hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	101.418.564.287	54.676.289.807
Từ 1 năm đến 5 năm	101.665.101.392	43.597.970.137
Trên 5 năm	65.366.342.826	63.963.103.508
	<u>268.450.008.505</u>	<u>162.237.363.452</u>

(ii) Tổng Công ty là bên cho thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn và cho thuê đất, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	115.765.746.224	144.559.684.006
Từ 1 năm đến 5 năm	443.235.585.804	375.620.829.970
Trên 5 năm	89.752.093.869	194.358.846.690
	<u>648.753.425.897</u>	<u>714.539.360.666</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào các công ty và dự án như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty (%)	Số vốn đã góp tại ngày 31.12.2020 VND	Số vốn còn phải góp tại ngày 31.12.2019 VND
PSSSG (*)	229.500.000.000	51	10.733.401.247	218.766.598.753
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn ("ITS") (**)	20.000.000.000	40	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay (***)	111.200.000.000	20	16.000.000.000	95.200.000.000
	360.700.000.000		26.733.401.247	333.966.598.753

(*) Tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã chấp thuận việc tham gia góp vốn vào PSSSG với tổng vốn góp là 229,5 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp 10,7 tỷ đồng.

(**) Theo Nghị quyết số 16/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị đồng ý chủ trương đầu tư góp vốn thành lập ITS, trong đó Công ty mẹ góp 40% vốn điều lệ tương đương 20 tỷ Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các cổ đông của ITS vẫn chưa thực hiện góp vốn vào ITS.

(***) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ Đồng.

(c) Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có ký hợp đồng bảo lãnh với ngân hàng thương mại với hạn mức là 150 tỷ Đồng nhằm mục đích bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có bất kỳ hoạt động kinh doanh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Tổng Công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2020					2019				
	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.102.468.139.044	298.525.424.295	1.318.956.309.376	1.733.298.829.612	13.453.248.702.327	6.255.802.830.435	389.134.464.024	1.711.719.666.643	1.651.831.885.091	10.008.488.846.193
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(9.727.659.622.967)	(231.944.466.032)	(1.255.799.531.271)	(1.568.945.232.930)	(12.784.348.853.200)	(5.929.596.797.790)	(312.580.781.913)	(1.645.730.762.945)	(1.509.446.221.734)	(9.397.354.564.382)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	374.808.516.077	66.580.958.263	63.156.778.105	164.353.596.682	668.899.849.127	326.206.032.645	76.553.682.111	65.988.903.698	142.385.663.357	611.134.281.811
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ										
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp										
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ										

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

43 NỢ TIỀM TÀNG

Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất và thuê mặt bằng với các nhà cung cấp để thực hiện hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Theo Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty phải trả lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận; nếu giá trị của tài sản thuê bị giảm sút so với tình trạng khi nhận thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ hao mòn tự nhiên.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và Nợ tiềm tàng và Thông tư số 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Chủ tịch HĐQT chưa thể có được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng liên quan đến hợp đồng thuê nêu trên nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2021

Trần Quang Huy
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT